

TRẦN DAN YẾN

HỒNG NHẠN THƯỢNG HẢI

NHÀ QUÁT BẢN TRUYỀN HOA



HỒNG NHAN THƯỢNG HẢI - THỜI THANH XUÂN

---* ❖ *---

Tác giả: **Trương Hiền Lượng, Trần Đan Yến**

Nhà xuất bản **Thuận Hóa**

Nguồn text: **Waka**

Đóng gói: **@nguyenthanh-cuibap**

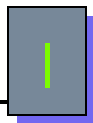
ebook©vctvegroup

HỒNG NHAN THƯỢNG HẢI

Trần Đan Yến

Nguyên tác: *Thượng Hải đích hồng nhan di sự.*

Nhà xuất bản Hội Nhà Văn Trung Quốc, Bắc Kinh, 9-2000.



Thưa cụ, cụ có thể kể cho cháu về mùa hè Thượng Hải năm 1944, về những câu chuyện bình thường mà ngày ngày đã xảy ra ở đây. - Tôi tìm đến Ngụy Thiệu Xương, được sinh hạ, lớn lên và gần như cả một đời người đã gắn bó với cái thành phố đông dân nhất này của Trung Quốc.

Giờ là mùa xuân, cách năm 1944 phải đến 56 năm rồi, trời mưa và cả Thượng Hải đượm màu xám nhạt, các góc phố có phần tối hơn, giống như tàn thuốc điểm vài chấm đen, bóng những khung cửa in lên tường mờ nhòe, loang lổ. Những ai chưa quen với Thượng Hải dầm dề mưa xuân thì khó có thể cảm thụ cùng vẻ đẹp mềm mại, mây khói của màu trời mùa này, và tương tự khó lòng thể hội một cái gì đó thương cảm nhẹ ần chứa trong hơi mưa ẩm ướt. Mưa rả rích, liên miên, chẳng biết đến lúc nào mới tạnh, và đến lúc nào mới nghe được tiếng sấm đầu xuân. Cụ già Ngụy nhớ như in, thời tiết năm 1944 cũng giống thế này, cụ còn kể chuyện năm 1932, khi người Nhật ném bom Thượng Hải với cảnh tượng ở “Thương vụ ấn thư quán” trên đường Bảo Sơn, thiêu trụi một nhà in và một thư viện lớn nhất Đông Á. Bốn mươi vạn cuốn sách, trong đó có sáu vạn cuốn đặc biệt và toàn bộ số giấy chuẩn bị in sách đều trở thành tro bụi. Trời Thượng Hải ngập trong mưa tuyết, những cánh tuyết màu đen từ Bảo Sơn theo gió mùa đông bắc bay khắp thành phố, rơi xuống, phủ lên áo quần phơi ngoài ban công mọi con đường, nhất là Nam Kinh đông lộ. Ngụy Thiệu Xương có vẻ mỉm cười, thần sắc đổi thay khi kể chuyện cháy sách ở “Thương vụ ấn thư quán”, nhưng khi cụ ngẩng lên, hất mái đầu bạc trắng thì bạn sẽ nhìn thấy một gương mặt găng gượng, chịu đựng và vô cùng nhẫn nại với dĩ vãng, cụ chẳng cười chút nào, cụ hơi ngạc nhiên vì sao tôi lại muốn biết những gì về năm 1944 ở Thượng

Hải.

- Dạ thưa, cháu đang viết sách, kể chuyện một người mà năm đó đã sinh ra ở đây, cháu muốn biết những tình tiết chân thực khó có thể tìm thấy trong sử sách, tân văn báo chí, thậm chí cả các truyện ký hay hồi ức của các bậc vĩ nhân, bởi vì nhân vật của cháu là cô gái rất bình thường. - Tôi trả lời và cảm thấy, cô ta như hạt bụi dính trên pho sách sử, nhưng tôi muốn hạt bụi đó vĩnh viễn không bị quét đi, rơi mất.

- À ra thế, vậy là rất cần. - Ngụy Thiệu Xương thở nhàn.

Năm 1944, Ngụy là một thanh niên chưa tới 23 tuổi, đã có vợ, nhân viên của “Công ty ủy thác tín dụng Trung Nhất”, tuy làm việc cho ngân hàng, nhưng không phải mặc đồ Tây, mà thường là trường bào Trung Hoa.

- Chắc là màu xám tro? - Tôi hỏi.

- Cũng có lúc màu nâu. - Ngụy Thiệu Xương nhớ lại hồi ấy đám thanh niên như cụ ưa vận màu nâu - Đó là một mùa hè mà Thượng Hải chìm đắm, sa cơ, rạp chiếu phim “Đại Hoa” trên đường Nam Kinh chỉ toàn điện ảnh của Nhật, họa hoằn lắm mới có “Chiến tranh nha phiến”, tác phẩm hợp tác giữa Trung Quốc và Nhật Bản, bởi vì Anh Quốc năm ấy, 1944, đang là kẻ thù, cô xem có khôi hài hay không. - cụ Ngụy kể tiếp.

Mặc dầu đã có hơn nửa thế kỷ lịch sử tô giới, mặc dầu khói súng Chiến tranh Thái Bình Dương năm 1941 đã mờ tan, nhưng theo quy hoạch của người Pháp hồi đó Thượng Hải vẫn trồng cây ngô đồng trên hành lang các con lộ, mỗi năm một lên cao. Vào mùa xuân hè, lá ngô đồng xanh ngắt, to rộng, vô tình sinh sôi nảy nở, che rợp cả dãy phố, lúc sang đông lá ngả màu vàng, cứng giòn, rụng xuống, rụng cho tới chiếc cuối cùng và còn lại những con sâu róm, nâu nâu, xù lông bám trên thân cành khô khốc, đọng đến chúng là sẽ rất ngứa. Mùa hè Thượng Hải thường chịu ảnh hưởng của các cơn bão

khởi nguồn từ Phi Luật Tân, mưa to gió lớn tràn qua, ập xuống, quét đám sương kia rơi lên mặt đường, người lớn trẻ con dùng đế giày chà đạp chúng, bắn ra một loại nước màu lục, sau đó biến thành màu vàng khi bị nắng chiếu, giống như thuốc độc.

Những khu phố náo nhiệt hoặc yên ả dưới bóng cây ngô đồng đều là chỗ đất quý của Thượng Hải, còn giữ lại vẻ khí khái, phù hoa của cái thời cô đảo, bao ngôi nhà kiểu Âu Châu có vườn hoa điểm tuyết chạy dài hai bên con lộ, chứng tỏ một cuộc sống thư nhàn của dân chúng. Ở đây có cửa hiệu bánh mì do người Nga buôn bán, hiệu chụp ảnh, tiệm thuốc Tây, quầy đá quý của dân Do Thái, quán cà phê do người Pháp phục vụ, rạp chiếu phim, hiệu bánh kẹo, nhà trường của giáo hội, sàn nhảy, tiệm may đo, tòa báo, đoàn kịch, công ty điện ảnh của người Thượng Hải, lại có hiệu sách của người Nhật, bệnh viện của người Đức, nghĩa là đủ cả, phù hợp cho những ai thích cuộc sống Tây Dương, nhất là với dân di cư đến Thượng Hải.

Mùa hè năm ấy Thượng Hải đã có bánh kem hiệu “Công chúa Bạch Tuyết”, hỗn hợp giữa bơ, sô-cô-la, đậu đỏ, đậu xanh, có kem sữa, kem cây ăn rất mát miệng. Người ta bỏ chúng vào thùng gỗ lót bông giữ lạnh, đi bán dạo trên phố, dùng phách tre gõ lên thùng kem kêu lóc cóc cùng lời rao nhè nhẹ: “Kem đây”.

Đúng như cụ Ngụy vừa kể, thuở nhỏ tôi cũng đã nghe tiếng rao ấy vang vọng trên đường Ngũ Nguyên, nhưng là thời “Đại cách mạng văn hóa”, người bán kem mở nắp thùng, hơi bay ra, mát, thơm và ngọt ngọt, loại thùng tự chế như thế này không có khí bảo ôn, đóng, mở phải nhanh tay kéo kem tan hết.

Còn nữa, - cụ già kể tiếp. - Ám sát, lúc nào trên đường cũng xảy ra các vụ giết nhau, khử nhau. Phái Trùng Khánh ám hại bọn Hán gian của Chính phủ

Nam Kinh, người của phe Uông Tinh Vệ lén lút khử Cộng sản hoặc Trùng Khánh, và mỗi lần hiến binh Nhật bắt người thường gây ùn tắc giao thông, không khí đường phố Thượng Hải sặc mùi tử khí, khiến dân chúng có cảm giác đó là cái thời loạn thế. Năm 1944, biểu hiện Coca Cola đã xuất hiện ở Thượng Hải, hãng có nhà máy chế tạo loại nước giải khát đó tại đây mà lúc ấy quen gọi là Hà Lan thủy chỉ mới đóng chai chứ chưa vào lon như bây giờ.

Những cái chai dày dày màu xanh, tương tự ở các cửa hàng thực phẩm của người Bắc Kinh, nước mai chua cũng đựng trong cốc thủy tinh. Dân Nga và dân Sơn Đông mở nhiều tiệm ăn Nga, họ bán một loại thức uống mà người Thượng Hải rất ưa chuộng chế biến từ đậu xanh và các món ăn đặc sản Mạc Tư Khoa.

Về đêm thường có còi báo động phòng không, những khi ấy người ta đều kéo rèm cửa, sợ máy bay Mỹ ném bom. Chiến tranh đến với Thượng Hải là như vậy - Ngụy Thiệu Xương thở dài. - Ngày 9 tháng 7, tờ “Thân báo” của Thượng Hải đưa tin chiến sự ở Thái Bình Dương, ở Cửu Châu. Đông Kinh bắt đầu cho học sinh sơ tán và ban đêm quản lý chặt chẽ đèn đóm, ánh sáng. Quảng cáo của “Thân báo” hôm đó đăng tin “Vô Tắc Thiên” diễn ở nhà hát Lan Tâm, “Vương Chiêu Quân” ở Quốc tế, “Trà hoa nữ” ở Mỹ Hoa, “Lâm Xung” ở Ba Lê... và các trường Mỹ thuật chuyên khoa, trung học Thanh Tâm, Đức Đại bắt đầu chiêu sinh...

Chính ngày này, mùng 9 tháng 7 năm 1944, tại bệnh viện sản khoa Thượng Phụ do người nước ngoài sáng lập, nằm trên một phố nhỏ cách đường Hà Phi không bao xa, nhân vật của cuốn sách đã lọt lòng trên bàn tay của bà đỡ người Tây và câu chuyện được bắt đầu ngay từ lúc cô bé chưa mở mắt. Một ngày hè oi nồng, một ngày hè thời chiến, đứa trẻ sơ sinh rất bình thường này đã ra đời, xuất hiện trên thế gian, giống như hạt bụi nhỏ nhoi, bị

gió thổi và bám vào bánh đậu phụ, rồi bất ngờ chúng ta bắt gặp cô bé. Người đầu tiên chăm nom cô bé là một hộ lý, nhìn những tấm ảnh còn lưu lại thì bà đã luống tuổi, không đẹp cho lắm, hàm răng hơi hô, nhưng khéo mắt lại rất ôn tồn, dễ mến và có thể nhận ra ngay nét mặt của người Giang Nam, bà nói được tiếng Anh, sống độc thân bằng đồng lương của chính mình, không chịu đựng nổi cái cảnh nhục nhã bị gả bán. Phụ nữ thời đó tự lực cánh sinh như kiểu bà thật không dễ chút nào, nhưng ở đây, bệnh viện sản khoa Thượng Phụ, bà không phải là người độc nhất, hy hữu gì. Bà đội mũ trắng đã hồ cứng của bệnh viện, toát lên một cái gì đó rất thanh sạch và thánh thiện.

Đứa bé ấy là con thứ hai của ngôi sao điện ảnh Thượng Quan Vân Châu, một nữ tử yêu kiều Giang Nam, rất đẹp, vẻ đẹp lạnh lợi, năm 18 tuổi bà lấy chồng. Người chồng thứ nhất này đưa bà và đứa con trai đầu lòng của họ lên Thượng Hải tránh chiến tranh, vì đây là vùng tô giới an toàn, họ sống trong một căn nhà ở ngõ hẻm chật chội, cầu mong yên hàn. Và rồi sau đó những cơ may làm một tiểu thị dân Thượng Hải với bao dục vọng, ước mong đã đến với bà. Vì cuộc sống, bà cũng giống như các thiếu nữ đương thời, đều muốn ra khỏi nhà tìm công việc làm lụng, khi là nhân viên viết hóa đơn cho hiệu chụp ảnh Hà Thị nằm bên cạnh rạp chiếu phim Quốc Thái, bà có tên gọi Vi Quân Lạc, nói tiếng địa phương huyện Kinh. Nhưng ông chủ họ Hà thấy bà có vẻ đẹp siêu phàm nên đã đưa bà ra khỏi con hẻm nhỏ, đặt vào vị trí của một bình hoa ở cửa hàng quần áo thời trang trên đường Hà Phi. Chẳng hay Vi tiểu thư đã học được bài vỡ lòng “thời trang là cực kỳ quan trọng đối với phụ nữ thị thành” từ lúc nào, rồi sau đó đến bài học thứ hai là trang điểm và đồ trang sức, dầu đại bộ phận đều vàng giả, ngọc giả, nhưng riêng giày dép thì lại hết sức trau chuốt, chỉ đặt đóng tại hiệu Lam Đường nổi tiếng nhất ở Thượng Hải vào năm 1948.

Vài năm sau, Vi Quân Lạc trở thành minh tinh Thượng Quan Vân Châu trên cả sân khấu kịch nói, lẫn màn bạc điện ảnh và tạo nên nhiều chuyện ly kỳ ở cái thành phố khá nhiều cơ hội này. Vợ kịch ngắn đầu tiên bà được phân vai có tựa đề “Hoa hồng bay”, bà diễn kịch rất cẩn thận, chăm chỉ với một nỗi khát vọng thành công, nổi bật, dẫn đầu. Cũng như nhiều nữ diễn viên khác, nhằm đạt hiệu quả ở các cảnh quay của mình, Thượng Quan Vân Châu đã phải lúc thì tặng cà vạt thời trang, khi thì biếu thuốc lá ngoại, kẹo sô-cô-la cho những tay quay phim, mặc dầu họ đều cảm thấy bà chẳng nên làm như vậy nhưng Thượng Quan vẫn cứ ân cần, chu đáo. Rồi những khi công việc ở trường quay xong sớm, bà vui vẻ khiêu vũ, vui chơi, ăn uống thâu đêm với bạn bè, đồng nghiệp, ai cũng khen bà không kênh kiệu như nhiều minh tinh khác. Bà còn tình nguyện cùng đoàn kịch đi biểu diễn dã ngoại, bà tỏ ra yêu mến nghề nghiệp, vì để diễn kịch mà có thể trả giá tất cả. Lúc vào các vai nữ có cuộc đời tân toan, khổ lụy, giữa phim trường bà không thể kiềm chế nỗi lòng mình và đã khóc lên thành tiếng thực sự. Đây chính là kỳ tích kiểu Thượng Hải, khi biển đông cát kia thành vàng, ai nấy đều hiểu nó đã phải kinh qua một ngọn lửa như thế nào. Lần ấy vì Thượng Quan Vân Châu quá ư kích động, nước mắt dàn dụa, cảnh quay không thành, đạo diễn đã trách bà sao mềm yếu thế, cuối cùng Hoàng Tôn Anh phải chọc cười khuyên can “cẩn thận kẻo làm hỏng son phấn trên mặt”. Hoàng sinh năm 1925, vừa là minh tinh, vừa là tác gia, lúc bấy giờ được học hành, có tư tưởng tiến bộ, hăng hái hoạt động trong các đoàn kịch cánh tả ở Thượng Hải, có vẻ xem thường Thượng Quan Vân Châu là gái nhà quê, dưới đáy vườn lên, nhưng Hoàng lại rất thương Thượng Quan và nói lên những lời thân mật như vậy, bà Hoàng Tôn Anh sau này chuyên sáng tác và đã nhận được khá nhiều giải thưởng văn học.

Năm 1944, Thượng Quan Vân Châu đã được tôn xưng là minh tinh, nhưng chẳng rõ có bao nhiêu người hiểu hết các kịch bản và nhận thấy ánh hào quang của diễn viên thể hiện những vai ấy, giống như viên kim cương khảm vào một thanh gỗ bình thường, bà luôn chói ngời hơn tất cả những người xung quanh, liệu bà có hiểu là tài hoa của mình đã lãng phí trong nền điện ảnh Thượng Hải lúc bấy giờ hay chẳng. Thiển nghĩ, Thượng Quan biết điều ấy nên mới hy sinh tất cả để có thể tìm kiếm những cơ hội tỏa ngời, tỷ như làm một Hồ Điệp (1908-1989) khuynh thành, muốn sống những ngày xa xỉ đại minh tinh. Nhất là ở Thượng Hải phù hoa như thế này, trong cuộc đời những kẻ đặc chí vẫn bị vật chất và hư vinh chen ngang, khiến họ rất dễ lẫn lộn bản chất giữa chúng.

Lúc này Thượng Quan Vân Châu đã rời khỏi số nhà 18 hẻm 236 đường Bồ Thạch, chia tay với người chồng từng một thời kết tóc và đưa con trai đầu lòng của mình để kết hôn với nhân vật nổi tiếng sáng giá trong giới điện ảnh Thượng Hải đương thời. Họ sống với nhau tại biệt thự Vĩnh Khang ở tô giới Pháp, nơi có nhiều tiện nghi hiện đại, tỷ như vòi nước lạnh nhà tắm ghi rõ chữ C, còn vòi bên kia nước nóng lại là chữ H. Tủ áo quần của Thượng Quan treo kín đủ loại trường bào, mỗi chiếc kèm theo các phụ kiện phối hợp như khăn choàng, tất tay, giày thêu hoa, vớ nam kim tuyến và cả nịt hông tự chế, mang vào để giữ eo, thời ấy chưa có khóa kéo nên phải bấm khuy đơm nút. Quần áo của bà thơm phức hương hoa bạch lan, người bán hoa hái xuống cả rổ, đứng đợi góc đường, hễ thấy ai ăn mặc chải chuốt, chỉnh tề thì tiến ra rao hàng “bạch lan hoa, bạch lan hoa”, ấy cũng là cái một của phụ nữ, nhất là các minh tinh Thượng Hải thời đó, năm 1944...

Còn thân phụ của đứa trẻ sơ sinh, ông tên họ Diêu Khắc, một văn nhân từng lưu học ở Mỹ trở về, người Tô Châu, rất phong lưu, hào phóng, đầu tóc

luôn bóng lộn, rõ từng đường răng lược, thường vận com lê trắng và khi nói chuyện vẫn có thói quen chen vài chữ tiếng Anh. Khi về nước, Diêu mang theo cô vợ người Mỹ, ông dẫn vợ đi xem sinh viên cánh tả Đại học Thượng Hải diễn kịch tiếng Anh tại hội trường Tổng hội Pháp, những người Cộng sản hoạt động bí mật cũng thường đến đây xem kịch. Lúc bấy giờ cả Trung Quốc chỉ có một tờ tạp chí tiếng Anh, tên gọi “Thiên hạ” mà Diêu vừa là tác giả, vừa là biên tập chính. Diêu Khắc đã có đóng góp nhiều công sức trong quá trình phiên dịch các trước tác của Lỗ Tấn, ông thường đi lại với Lỗ Tấn. Khi Lỗ Tấn qua đời, Diêu Khắc là một trong mười người được chọn khiêng quan tài của đại văn hào hôm cử hành tang lễ, nhưng bạn thân với Diêu - Lưu Bán Nông, tác giả cuốn “Làm sao mà tôi lại không nhớ nàng”, chính là đối tượng châm biếm của Lỗ Tấn trong nhiều bài tạp văn. Một người bạn nữa của Diêu là Ân Phu, cũng nhà văn, đã bị Quốc dân đảng hành hình tại Long Hoa. Diêu Khắc là trí thức hoạt bát ở Thượng Hải, cả ngày bôn ba cho những gì mà mình yêu thích, nhưng bên đỏ, cũng như bên trắng, ông chẳng theo bên nào, và hai bên đều không cần ông, bởi ông có vẻ Tây hóa, thường bị các đạo diễn tư tưởng tiến bộ và đám ký giả là “Dương trường ác thiếu”, song vẫn có người vỗ vai Diêu mà nói rằng, đừng chấp, Diêu Sir là “đại đại lương thiếu”, “ác” hay “lương” đều do thiên hạ bình phẩm, có điều là từ Mỹ trở về Diêu không đi dạy, làm giáo sư mà lăn lộn với kịch nghệ, danh tiếng không kém gì Hoàng Tá Lâm, theo ông, dưới ách đô hộ của giặc Nhật, diễn kịch là một kiểu chống đối. Kịch bản “Thanh cung oán” của Diêu nổi tiếng lúc bấy giờ, Thượng Quan Vân Châu được phân vai cung nữ trong vở này, họ quen nhau lúc dàn dựng “Thanh cung oán” tại đoàn kịch Thiên Phong. Năm 1942, người vợ Mỹ của Diêu mang con trở về Mỹ, ông và Thượng Quan Vân Châu liền kết hôn tại Bắc Kinh.

Cô bé đã ra đời tại một thành phố như vậy và giữa những con người như vậy, chẳng khác nào một giọt nước rơi xuống biển mênh mông. Nhũ danh của bé là “Bảo Bối”, nhưng khi gọi bé người ta thích pha chút tiếng Anh nên thành ra “Bối Bối”. Nhiều năm sau đó lúc những người xung quanh cô như các con thuyền gỗ bị gió lớn lật nhào, bị sóng dữ nhấn chìm, tơi tả không còn một mảnh ván, thì những nơi cô đã ở, những nơi từng xảy ra bao chuyện đau lòng trong thành phố này, tựa như những khu phố chìm sâu giữa bóng cây ngô đồng, chính là vụn phoi gỗ cuối cùng mà cô nắm giữ, tuy không thể cứu cô, nhưng đã an ủi cô, khiến cô dẫu chết cũng chẳng lìa xa Thượng Hải.

Hôm Bối Bối xuất viện, cũng là lúc bà hộ lý nọ xin từ chức, thôi việc, bỗng cô cùng về nhà Thượng Quan, bà trở thành bảo mẫu của Bảo Bối, chăm nom cô và trông coi cả mọi thứ trong tư gia Thượng Quan, Thượng Quan gọi bà là thư ký.

- Bảo Bối, mau ăn nhanh quả trứng này nào, kéo để nguội có mùi tanh, càng khó ăn.

- Bảo Bối mau tập đàn đi, má sắp về rồi đó...

Bà bảo mẫu luôn nhắc nhở cô như vậy, và lúc sáu tuổi chuẩn bị đến trường tiểu học, Bảo Bối có danh tính chính thức là Diêu Diêu, cô vẫn theo họ cha, ông Diêu Khắc, còn cái tên cũng do cha cô đặt cho. Diêu Diêu tết hai đuôi sam nhỏ, tính tình trầm tĩnh, không mấy hoạt bát như trẻ cùng lứa, nhiều lúc bé bỗng búp bê đi đi lại lại một mình trong nhà. Sách vở của Diêu Diêu đều được sắp xếp ngay ngắn trên giá, chẳng có cuốn nào vứt bừa bãi giữa bàn, tương tự những vật điêu khắc trang trí trong phòng không hề dính một hạt bụi, bà bảo mẫu đã lau chùi cẩn thận, tận mọi hốc nhỏ sâu kín. Đó là quy củ của nhà Thượng Quan. Vào mùa hè, lúc không có khách đàn ông, Thượng Quan cho phép phụ nữ trong nhà ăn vận mỏng manh và mát mẻ hơn,

giống như các cô gái vùng Trường Kinh quê bà. Con búp bê của Diêu Diêu làm bằng vải, khuôn mặt tròn trịa, kiểu mới chào hàng những năm đầu thập niên 50, khá đắt nên không phải bé gái nào cũng có thể chơi được như Diêu Diêu. Cô bé rất thích búp bê hảo hạng này, mỗi lần đi hiệu ảnh, Diêu Diêu không quên mang nó theo mình. Thượng Quan Vân Châu thường không ở nhà, những buổi tập kịch, diễn kịch, bà trở về rất muộn, ít có thời gian cùng chơi với con gái.

Nghe nói hồi còn bé Diêu Diêu hay nhìn xuống, người ngoài khó có thể thấy được mắt cô, động tác này sau đó theo cô cả một đời, giúp cô vượt qua những giờ phút gay go, thách đố. Người ta cũng nói, Diêu Diêu không đẹp như mẹ mình, lông mày và đuôi mắt chếch xuống, có vẻ đang giấu kín nhiều điều tâm sự thầm kín. Cứ mỗi lúc Diêu Diêu nhìn xuống, khuôn mặt bình thường của cô bé bỗng trở nên âm u, buồn bã vô cùng, còn nhỏ thế mà đã đa sầu đa cảm, thử hỏi rồi sau này lớn lên ắt sẽ có biết bao điều trắc ẩn. Thượng Quan Vân Châu đã đem Diêu Diêu cùng vào trường quay để diễn bộ phim “Tam Mao du lăng ký”, cô bé vận chiếc váy lụa trắng thêu hoa, đầu cài nơ hình con bướm. Cảnh quay hoàn tất, một người nào đó đã chụp cho mẹ con cô kiểu ảnh, theo phép tắc mẹ dạy, Diêu Diêu hai tay chắp lại ngay ngắn, hết như con búp bê Tây Dương.

Chẳng khác gì so với những nhà giàu có, lắm tiền ở Thượng Hải, mẹ Diêu Diêu bắt đầu xin cho Diêu Diêu học dương cầm, hàng ngày bà bảo mẫu có nhiệm vụ dẫn cô đến nhà thầy thợ giáo. Thượng Quan Vân Châu đặt một kế hoạch và kỷ luật rất nghiêm khắc, phải ngay từ bé đã giáo dục Diêu Diêu trở thành thực nữ, những khi rảnh rỗi bà ở nhà kiểm tra con gái chơi dương cầm, nếu chơi dở, bà lấy thước thợ may gõ lên mười ngón tay Diêu Diêu, gặp lúc tức giận, bà nổi nóng tát con là chuyện thường.

- Má mình nóng tính, hay đánh lăm - Diêu Diêu kể với bạn như vậy, nhưng không hề kêu khóc khi ăn đòn.

- Bị mẹ đánh, Bảo Bối thường phản ứng ra sao? - tôi hỏi những người làm thuê trong nhà Thượng Quan.

- Cô bé không hé răng, chỉ thấy nước mắt giàn giụa, nhưng bà chủ rất thương Bảo Bối, nghe tin bác sĩ kiểm tra phát hiện thấy một chấm đen nhỏ ở phổi con gái, bà lo lắng vô cùng, vì hồi đó bệnh ấy thuộc loại nan y, Thượng Quan khóc suốt đêm, dầu sao thì cũng là con cái đứt ruột đẻ ra. Về sau Bảo Bối đi học, bà dặn chúng tôi đưa cơm trưa cho cô chủ ngon hơn một tý, bà nóng nảy là vì quá ư nghiêm khắc với con mà thôi.

Thượng Quan Vân Châu theo đoàn kịch Nam Quốc đi lưu diễn miền Bắc, một mình Diêu Khắc ở nhà, Thượng Hải, đã đem lòng yêu mến người con gái khác con nhà giàu. Bà về nhà phát hiện sự việc và ngay lập tức ly hôn với họ Diêu, năm ấy Bảo Bối chưa được hai tuổi, đã biết gọi “ba”, nhưng trong nhà chẳng có ai là ba cả để mà gọi. Thượng Quan một lúc đóng luôn hai vai, vừa cha vừa mẹ, và có lẽ vì vậy mà rất nghiêm khắc, rất nóng nảy chẳng.

Năm Diêu Diêu lên sáu, bà Thượng Quan đã kết hôn cùng Trình Thuật Nghiêu - giám đốc nhà hát kịch Lan Tâm. Chú Lam Mã mà Diêu Diêu thường thấy ngày nào ngồi ăn chung một bàn với mẹ bỗng biến đâu mất, tương tự chú Hạ Lộ, vị khách luôn luôn rời khỏi nhà Thượng Quan khuya nhất từ hôm ấy chẳng đến chơi nữa, chỉ mỗi một chú mặt dài, hiền lành và nói tiếng Bắc Kinh khá lịch thiệp ở lại. Năm bốn tuổi Diêu Diêu đã quen biết người này, mẹ cô bảo cô gọi là “bác Trình”, cô rất thích bác, nếu bác ấy đến, cô không cho ai bông, ngoài bác. Bây giờ com-lê của bác treo trong tủ áo quần của mẹ, va-li của bác cũng để luôn ở đây, dao cạo râu của bác cô bé thấy ngay trong buồng tắm. Cô gọi bác là “ba” và bác đáp lại bằng tiếng Bắc

Kinh đến là sáng khoái “ừ”. Diêu Diêu lao về phía bác, bác dang rộng hai tay sao cho cô bé lọt thỏm vào lòng, “ba”, “ừ”, thân ái vô cùng.

- Hai cha con họ thật thương nhau hết chỗ nói. - người làm thuê bảo vậy.

Diêu Diêu bảy tuổi và cô có một em trai tên là Đăng Đăng, ba má cô đều rất vui, bạn bè của họ kéo nhau đến chúc mừng. Sở dĩ em trai tên gọi Đăng Đăng là vì má nhìn thấy cặp đèn do cô Ngô Nhân mang tặng và bà nghĩ ngay tới hai chữ “đăng đăng” tỏa sáng. Ngô Nhân sinh năm 1909, vừa qua đời gần đây, năm 1995, là một nữ diễn viên điện ảnh tài ba, tên thật là Dương Anh, thời thiếu nữ học hội họa, năm 1934 tham gia đoàn làm phim “Tân nữ tú”, năm 1945 cùng chồng sáng lập nên Công ty điện ảnh Côn Lôn, sản xuất nhiều bộ phim có giá trị. Ngô Nhân có sở trường thủ vai phụ nữ già nên được tôn xưng là “Đông Phương đệ nhất lão bà”.

Hồi ấy cô bé của chúng ta còn rất ngây thơ, một hôm cô hỏi mẹ:

- Em trai họ Trình, vì sao con lại họ Diêu, con cũng phải họ Trình, bắt đầu từ nay là Trình Diêu Diêu - mọi người cười ồ, nào ngờ khi đến trường thầy giáo hỏi trò họ tên gì, cô bé liền đáp “Trình Diêu Diêu”. Trình Thuật Nghiêu đã căn dặn Thượng Quan Vân Châu, sau này mình phải thương cả hai đứa Đăng Đăng và Diêu Diêu như nhau. Có thể nhiều chuyện đã qua đi, người trong chuyện phần lớn cũng đã qua đời, nhưng Thượng Quan vẫn không quên lời căn dặn đó của họ Trình, bà còn cố gắng học giọng nói Bắc Kinh như chồng. Người làm thuê kể lại:

- Trình tiên sinh là người tốt bụng, có chữ nghĩa, hiểu đạo lý, ông rất thương Diêu Diêu, mỗi lần đi làm việc trở về, áo khoác ngoài chưa cởi, tay còn cầm cặp da, Trình tiên sinh đã gọi “Diêu Diêu đâu rồi”, cô chủ vui mừng chạy ào ra, sà vào lòng ông, rồi kêu “ba”, rồi làm nũng, những cử chỉ thân mật hệt như cha con mà cô không dám tỏ bày với mẹ mình.

Trình Thuật Nghiêu, người Bắc Kinh, con trai trưởng của một gia đình nhiều đời hưng thịnh từ tứ hợp viện, là kiểu nhà truyền thống của thủ đô, quần tụ nhiều căn đông, bắc, tây, nam đủ bốn hướng trong vòng tường riêng biệt và có chung sân. Thuở thiếu thời, Trình Thuật Nghiêu ăn mặc trau chuốt, đầu láng bóng, áo đuôi én, thắt cà vạt, đội mũ nỉ đen, khiến thiên hạ liên tưởng đến thiếu soái Trương Học Lương, một tướng trẻ của Quốc dân đảng. Hồi đó cứ mỗi lần Đại học Yển Kinh tuyển chọn “hoa hậu” nam, bảnh trai, hoạt bát thì vị trí quán quân không ai khác ngoài Trình Thuật Nghiêu, ông là hoàng tử của khoa giáo dục học, chuyên về giáo dục hương thôn. Trình có cô em gái lớn, sau khi tốt nghiệp trung học trường nữ sinh Bối Mãn đã phải ở nhà làm lụng, không thi tiếp lên đại học nữa, để ông có thể có những ngày vui vẻ, an nhàn ở Đại học Yển Kinh. Thời ấy, Đại học Yển Kinh lưu truyền một tục lệ khá ngộ nghĩnh, cấm sinh viên năm thứ nhất nghịch ngợm, vì vậy mỗi năm tuyển chọn em nào ngoan nhất, lột quần áo vứt xuống hồ, bắt nhảy theo lấy lại. Chủ trì nghi thức này phần lớn giao cho Trình Thuật Nghiêu, lần nọ, sinh viên năm thứ nhất ngoan nhất là một thiếu nữ, để tránh tai nạn không may xảy ra ban tổ chức phải cử nam sinh hộ tống, chàng trai có điểm phúc ấy chính là Trình Thuật Nghiêu. Ở trường Trình rất thích diễn kịch, anh đã cùng Tôn Đạo Lâm, Hoàng Tôn Giang tham gia đoàn kịch nói Nam Bắc, có thời gian còn đảm nhận cả chức đoàn trưởng.

Trình Thuật Nghiêu có khuôn mặt dài như tờ giấy cuộn lại, toát ra cái vẻ thông minh lanh lợi của một đứa bé và tấm lòng thương đau của môn đệ từ các trường Cơ Đốc. Trình vui vẻ, thành khẩn, đem lại cho Diêu Diêu thuở ấu thơ những buổi hoàng hôn làm nũng, làm đẹp trên đầu gối rất vững chãi của người đàn ông. Việc kiểm tra bài vở ở trường của Diêu Diêu là công việc mà cử nhân Đại học Yển Kinh đảm nhiệm, hồi tiểu học sức học của cô bé vào

hạng trung bình, nhưng chưa hề bị Trình quở mắng. Mỗi lần bà Thượng Quan Vân Châu đánh đòn hay nạt nộ con gái Diêu Diêu, Trình Thuật Nghiêu không dám nói gì cả, đứng ra xa và thương xót cho cô bé vô cùng.

- Trình tiên sinh rất tốt với Bảo Bối, - bà vú già kể lại - còn đồng chí Thượng Quan tính tình cởi mở, đồng chí ấy cũng đối xử tử tế với Trình tiên sinh. - Bà vú già quen miệng xưng hô “đồng chí” tiếp tục câu chuyện.

Một hôm ở nhà chỉ còn mỗi vú và Diêu Diêu, cô bé chạy vào phòng ngủ của mẹ lấy ra tấm ảnh, rồi chỉ hình một người đàn ông cho vú xem và nói: “Đây là ba của con, ba thật, ba không phải là không muốn má con con, nhưng hình như có điều gì sai trái, nên má không cần ông nữa, tuy vậy lòng ba lúc nào cũng nhớ má và con, ông rất muốn quay về, nhưng má không cho...”, đợi vú xem xong tấm ảnh, Diêu Diêu cẩn thận trả nó về chỗ cũ và cô bé buồn rười, tưởng tượng đến người cha của mình, chẳng rõ ai đã gieo vào tâm hồn Diêu Diêu nỗi chờ mong da diết ấy.

Người bạn thân của Diêu Diêu là Trương Tiểu Tiểu, con gái họa sĩ Trương Lạc Bình chuyên vẽ tranh hí họa, nhà ông ở đường Ngũ Nguyên Lộ, Diêu Diêu thường đến đó vui chơi vì ngoài Tiểu Tiểu ra, nhà họ Trương còn có sáu đứa trẻ nữa cũng rất ngoan và hiếu khách. Vả lại gia đình người họ hàng bên Diêu Diêu cùng ở một tòa lầu chung cư với Trương Lạc Bình và có đến tám đứa trẻ khác cũng rất thích Diêu Diêu, nên mỗi lần đến Ngũ Nguyên Lộ, cô bé vừa có bạn bè, vừa có bà con. Hôm ấy Diêu Diêu và Tiểu Tiểu tránh bọn nhỏ lên lầu cao để nói với nhau một điều bí mật gì đó, họ nhìn sang khu vườn nhà ai bên cạnh, sao mà đẹp thế, có cây cam treo những quả chín màu vàng vào độ tàn thu, có giả sơn được xây cất bằng đá lấy từ Thái Hồ - Vô Tích và trên đó là một ngôi đình hóng mát, ngắm cảnh cột gỗ hồng tươi. Giữa khu vườn thơ mộng đó là tòa lầu kiểu Tây sang trọng, quý phái,

rất yên tĩnh và hai cô bé chỉ thấy một người đàn ông gầy gầy đeo kính trắng, ông lặng lẽ âm thầm tản bộ quanh hòn giả sơn rồi bước lên ngôi đình có những cây cột màu hồng. Diêu Diêu và Tiểu Tiểu chưa hề biết người đàn ông ấy là Trương Xuân Kiều, trưởng ban Tuyên truyền Thành ủy Thượng Hải, ông và cơ quan của ông có nhiệm vụ quản lý các nghệ sĩ như Thượng Quan Vân Châu, sau này khi “Văn cách” bùng nổ Trương Xuân Kiều cùng với Giang Thanh, Vương Hồng Văn và Diêu Văn Nguyên hợp thành “Bè lũ bốn tên” đã gây nhiều tội ác chống phá, tàn sát giới trí thức và văn nghệ sĩ Trung Quốc rất dã man.

Diêu Diêu đem điều bí mật nhất kể cho Tiểu Tiểu nghe, rằng ba mình hay tin mình bị kết hạch trong phổi, từ Hồng Kông ông đã nhờ người mang về cho má con mình thuốc chữa trị và một lá thư, nhưng má mình đem cả gói hàng còn nguyên vẹn gắn xi và dây cột nẹp cho ban bảo vệ nội bộ Xưởng phim Thượng Hải, rồi ngày ngày bắt mình ăn hai quả trứng gà để chữa bệnh phổi, chẳng biết trong thư ba mình nói những gì và số thuốc quý ấy đã vào tay ai. Diêu Diêu nói xong và căn dặn Tiểu Tiểu không được tiết lộ cho các bạn khác đó nghe.

- Tôi trả lời Diêu Diêu “ừ”, nhưng ngay tức khắc liền mách với má tôi, vì bà không phải là người khác. - Trương Tiểu Tiểu kể lại tất cả, lúc này bà đã nghỉ hưu sau nhiều năm làm việc ở Xưởng số 9 vô tuyến điện Thượng Hải, trong căn nhà khá lạnh lẽo vì đang độ giữa đông, bà Trương hai tay nắm chặt cốc trà nóng, hơi nước tỏa lên thành những sợi lụa trắng, người một thời với Diêu Diêu nay tóc bạc da mồi, nhưng đã giúp chúng tôi một cách nhiệt tình để có những trang viết về nhân vật “hạt bụi” của chúng ta.

Sau đó tôi tình cờ gặp được một giáo sư đại học ở Mỹ, đối tượng nghiên cứu của bà là Diêu Khắc, cha Diêu Diêu, chúng tôi hẹn nhau ở quán cà phê

“1931”, bà ta nói:

- Ông ấy là một người rất chủ động, luôn tích cực thực hiện những gì mà mình yêu thích, một người rất đạo đức, chưa hề gây khó dễ cho bất cứ ai.

- Cũng vậy, - Trương Tiểu Tiểu tiếp tục - Diêu Diêu chẳng bao giờ nói xấu bạn nào cả. - Những người bạn của Diêu Diêu mà tôi tiếp xúc đều có nhận xét chung như thế, có lẽ đó là do huyết thống, gen di truyền giữa cha con họ. Tôi nghĩ, Diêu Diêu tuy không được ông Diêu Khắc giáo dục từ bé, nhưng vẫn hình thành và tồn tại một mối liên hệ thần bí nối kết hai người, điều này đã khiến tôi cảm thấy an ủi mỗi khi nhắc đến nhận vật của mình - Diêu Diêu. Trương Tiểu Tiểu khẳng định:

- Diêu Diêu một mực tưởng nhớ người cha, nhưng không có cách nào khác bởi vì mẹ cô ta rất cương tính, vả lại đó là cái thời mà mọi người đều mưu cầu tiến bộ, ai dám đem của nợ từ nước ngoài đưa vào cất giữ trong nhà, hơn nữa bà Thượng Quan Vân Châu là người đặc biệt phấn đấu vì sự tiến bộ bản thân nên buộc con gái ăn trứng gà chữa bệnh phổi, chứ không “thèm” dùng thuốc của ông Diêu Khắc gửi từ Hồng Kông. Lúc này ở Thượng Hải trứng gà thuộc loại thực phẩm quý hiếm và thầy thuốc cũng bảo có lợi đối với những ai kết hạch trong phổi, nhưng vì ăn nhiều quá nên Diêu Diêu đâm ghét trứng gà, cậy nhờ vú già ăn giúp, vú nói, không được, đây là thuốc chữa bệnh, má con dặn phải ăn cho chóng khỏe. Diêu Diêu rất sợ mẹ, thuở nhỏ ít nói năng, thỉnh thoảng mới hé ra đôi điều, nhưng hễ thấy mặt bà Thượng Quan là im bặt. Có một lần nghịch ngợm vấp ngã, cô vội đứng lên và nói ngay với vú già, về đừng mách má. Chuyện gì Diêu Diêu cũng không thổ lộ cho bà Thượng Quan biết. - Trương Tiểu Tiểu ngắc đầu, vừa mỉm cười, vừa có vẻ phỏng đoán. - Tôi nghĩ Diêu Diêu rất muốn nhận món quà mà ông Diêu Khắc gửi về.

Bà Trương tiếp tục kể cho tôi nghe về cái năm vui vẻ nhất trong đời Diêu Diêu, cuộc sống an nhàn, tính tình bà Thượng Quan có phần dịu bớt, bà cùng Trình Thuật Nghiêu đi Bắc Kinh ra mắt nhà chồng và đưa theo cả Diêu Diêu. Lần ấy gặp dịp đám cưới của Kim Sơn lấy Tôn Duy Thế, con gái nuôi Chu Ân Lai, và chủ lễ hôm đó là bà Đặng Dĩnh Siêu, vợ Chu. Trình Thuật Nghiêu, Thượng Quan Vân Châu và Diêu Diêu cùng đến dự, họ đã gặp Giang Thanh với con gái Lý Nột, hình như Diêu Diêu và Lý Nột bằng tuổi nhau, đều ngoan ngoãn nghe lời mẹ, hôn trường nổi bật hình ảnh hai bà mẹ nhân từ là Thượng Quan và Giang Thanh. Về phần mình Thượng Quan Vân Châu thường rất tự hào vì có cô con gái Diêu Diêu bên cạnh.

- Má tôi đi đâu cũng đưa chị theo cùng. - Đặng Đặng cho biết như vậy, - vì thế mà nhiều người đã gặp chị Diêu Diêu lúc còn bé, nhất là giới nghệ sĩ sân khấu điện ảnh ở Thượng Hải.

Trình Thuật Nghiêu có cái máy ảnh cỡ nhỏ loại 72 kiểu một cuộn, những ngày đẹp trời, vui vẻ và rảnh rỗi ông thường dẫn Thượng Quan Vân Châu, Diêu Diêu đi chơi và chụp cho mẹ con họ vài kiểu. Cách nhà Trình không xa là khu phố Tây mái ngói đỏ và màu tường cũng đỏ, ở đó có vườn hoa tam giác xinh xinh kẹp giữa ba con lộ, được bao quanh bằng hàng lan can thép đúc màu đen, rất thấp, chính giữa vườn hoa là pho tượng đồng nhà thơ Puskin do một kiều dân Nga dựng lên từ năm 1937. Cứ mỗi lần đưa trẻ con đến đây thường ngoạn người lớn thường giải thích, Puskin là tác giả của câu chuyện “Con cá vàng và ông ngư phủ”, lũ trẻ “a” lên một tiếng và nhớ ra rồi, không phải con cá vàng, cũng chẳng là ông ngư phủ mà đích thị mẹ vợ già tham lam. Thị dân xung quanh vườn hoa thích chụp ảnh trước pho tượng Puskin, còn trẻ nhỏ thì có chỗ thả diều, tha hồ đùa vui chạy nhảy.

Lần ấy ba người đã đến đây chụp ảnh, có thể là một ngày chủ nhật nào đó

giữa mùa hè năm 1953, ánh nắng mặt trời còn lưu lại trên tấm hình thật là đẹp, tuy ảnh đen trắng từ những năm 50 mà vẫn thấy rất rõ trời xanh, lá biếc, bức đá tượng đồng ngả màu sẫm xám. Thượng Hải hiếm có một ngày đẹp trời như vậy, nhìn ánh nắng rọi chiếu lên khuôn mặt rạng rỡ của Thượng Quan Vân Châu và Diêu Diêu chúng ta đoán nhận ngay, đó là thời khắc sáng khoái, hòa quyện giữa thiên nhiên và con người. Ánh nắng chiếu từ phía Đông, từ khu vườn nhà Bạch Tiên Dũng, rợp bóng những cây đào và cây chương tử ngát hương, nhưng lúc ấy nhà văn họ Bạch này đã cùng gia đình này rời khỏi Thượng Hải đi Hồng Kông hơn 4 năm rồi, bốn nước đã ngừng phun, những pho tượng trong vườn đã đen ngòm vì vắng người chăm sóc. Bạch Tiên Dũng là con Bạch Sùng Hỷ, hiện định cư ở Đài Loan và nổi danh bởi tác phẩm “Người Đài Bắc”.

Diêu mặc chiếc váy liền áo, cổ tròn, ngắn tay; mặt trời lên cao dội thẳng ánh nắng vào bé, khiến bé chói chang phải cố gắng hết sức mới mở được đôi mắt và hàng mi rướn cong lên. Diêu Diêu nhoén miệng cười, một nụ cười vừa xấu hổ, vừa làm nũng, vừa tỏ ý tự mình trào lộng, còn mẹ bé, bà Thượng Quan Vân Châu nắm lấy cánh tay con gái và cũng rất mừng vui rạng rỡ. Tôi nghĩ lúc ấy Thượng Quan Vân Châu và Trình Thuật Nghiêu đang chọc cười Diêu Diêu thì phải, bởi vì nét mặt cô bé có một cái gì đó hơi hàm tiếu, khôi hài, không giống như các bé gái khác dễ dàng tức tối. Tôi tin đây có lẽ là lúc mà bà Thượng Quan cảm thấy ngọt ngào nhất, bà hơi dữ tính với Diêu Diêu, nhưng bà thật lòng sung sướng khi nhìn thấy người chồng sau này của mình, ông Trình Thuật Nghiêu, đã thực sự quý mến Diêu Diêu và bà cũng thích cô bé làm nũng với ông, lúc gọi “ba” theo tiếng địa phương Trường Kinh cô bé thường uốn lưỡi ở âm cuối, tôi nghĩ nụ cười của Diêu Diêu khi ấy đang ngấm thẳng vào ống kính do Trình Thuật Nghiêu điều khiển.

Tấm ảnh thứ hai Diêu Diêu đứng trước mẹ, cô bé không cười, làm tôi liên tưởng đến cái kết bảo hiểm nhỏ xíu nơi quầy thu ngân cửa hàng bách hóa, một tên cướp nào đó rất dễ dàng mở kết, thậm chí là ôm kết chạy về nhà, và tất cả những gì trong đó bấy giờ thuộc về hắn. Nét mặt tĩnh lặng của Diêu Diêu sao mà giống cái kết bảo hiểm nhỏ xíu đến thế, rất đổi mệt mỏi.

- Hóa ra chị dâu phải là đứa bé giản đơn. - tôi ngắm nhìn Diêu Diêu trong ảnh, lúc này đã lên bảy, và nói như vậy. Khi viết về một ai đó tôi thường có cảm giác tự mình đang nói chuyện với họ, thật đấy, ngày ngày bạn cứ xem ảnh, xem mãi và sẽ tới mức độ bạn thấy rằng người trong ảnh cũng cùng ngắm nhìn bạn, đợi chờ bạn, và hỏi lại bạn, nghĩ gì vậy.

- Không có cha, chắc chị đau khổ lắm, đó là vết thương lòng sớm nhất trong đời, đã cùng chị lớn lên, tôi nghĩ chị sẽ giận mẹ mình mới phải, bà quá ư mạnh mẽ đối với cuộc sống của chị, bà muốn chị đừng có cha, bà muốn chị học những điều mà chị không thích, bà muốn chị làm một tiểu thư thực nữ quy củ, đôi giày da nơi chân chị là đặt đóng ở Lam Đường, một cửa hiệu trứ danh, trong khi ấy trẻ em Thượng Hải chỉ mỗi loại giày vải tự may, bà còn muốn chị lúc nô đùa không được phép té ngã. Nếu là đứa bé có hoàn cảnh như chị, chắc chắn nó sẽ ngấm ngấm báo thù, đã có lúc nào chị nghĩ như vậy chưa, hời chị Diêu Diêu, đã có lúc nào chị muốn biến má thành ba và trong cõi lòng mình hẳn chị phải tự hào vì có một người mẹ trứ danh, em nghĩ chị sẽ rất vui, chị Diêu Diêu nhỉ, ôi cái kết bảo hiểm nhỏ xíu trên đời. - Tôi thầm thì với người trong ảnh - Diêu Diêu.

Năm 1952 cả nước bắt đầu phát động phong trào “Tam phản”, có nghĩa là chống tham ô, hủ hóa và trộm cắp, mỗi đơn vị đều phải thanh tra nhân viên của mình. Từ ngày nước Cộng hòa nhân dân được thành lập, công việc làm ăn của vũ trường Bách Lạc Môn trở nên khó khăn và cuối cùng đóng cửa bởi

vì không có khách và đám vũ nữ cũng vì vậy mà đã chuyển nghề, còn số kỹ nữ trong hẻm Hội Lạc Lý thì dần dần bị đưa đi cải tạo, đến như các chủ tiệm cà phê đều cảm thấy không hợp với lối sống giản dị, chất phác thời mới nên đã tự động đổi thành cửa hàng ăn uống. Mọi người đều nhận thức rằng, xã hội mới thuần khiết như đứa trẻ sơ sinh, ai tham ô của công, ai ngoại tình với vợ chồng người khác, ai ăn trộm ăn cướp, ai trang điểm mắt xanh môi đỏ, đeo nhẫn đeo vòng một khi bị công khai phát giác thì nhục nhã ê chề lắm. Kỳ thực thì lần này là một cuộc chỉnh đốn phong hóa xã hội rất nghiêm túc, lối sống trau chuốt tự tại đời thường của người dân Thượng Hải cũng bị quy thành luồng gió độc phải dụng công thanh trừ, toàn thành phố dấy lên cuộc vận động trong sạch hóa, vạch lá tìm sâu những chuyện ngày xưa ngày xưa.

Lúc bấy giờ ở nhà hát kịch Lan Tâm có người nghi ngờ, đặt vấn đề xem lại khoản lạc quyền năm 1949 của giới kịch nghệ Thượng Hải nhằm giúp đỡ quân nhân và đồng bào vùng chịu đựng thiên tai tàn phá, hình như đã bị Trình Thuật Nghiêu là người thu ngân tham ô thì phải. Sự việc vừa nêu ra thì cấp trên liền cử người về Lan Tâm thanh tra sổ sách. Thực tế hồi đó mỗi ngày có một người thu ngân, thu được bao nhiêu, tự nguyện đem gửi nộp cho ngân hàng bấy nhiêu, tình hình khá phức tạp, chứ đâu mỗi họ Trình quản lý từ đầu đến cuối. Trình là hàng quý của Đại học Yển Kinh, con nhà giàu, chưa hề thiếu tiền tiêu, ông hăng hái hoạt động lạc quyền giúp đỡ các nạn nhân, chẳng để ý tới những chuyện lật vật và do đó cũng không cần kiểm tra sổ sách thu nộp tiền, nào ngờ giờ đây người ta đến thanh tra những gì đã xảy ra cách nay bốn, năm năm, hồi còn xã hội cũ. Trình Thuật Nghiêu hốt hoảng và dựa vào trí nhớ lập nên bản kê khai, chỉ mới xem đã biết ngay là giả, vì vậy ông bị nhốt lại ở nhà hát kịch Lan Tâm và người ta ghi tên ông lên bảng đen thông báo, thuộc phần tử tham ô, đây là sự kiện lớn đối với giới văn

nghệ sĩ Thượng Hải thời kỳ thập niên 50.

Vú già nhà Thượng Quan Vân Châu cứ cách ngày lại vào Lan Tâm đem thức ăn và quần áo cho Trình tiên sinh, bà cụ già bộ mù chữ đọc hết những gì viết trên bảng, về báo cáo với Thượng Quan, ai hỏi thì vú liền đánh trống lảng, vòng tròn nhỏ tí xiu như thế mà vẽ cứ là tròn xoe, giỏi thật. Trình Thuật Nghiêu bị xử trí thanh tra, thậm vấn đã khiến Vân Châu rất đổi bực mình, khó chịu. Bà là minh tinh cũ của Thượng Hải, cho nên khi bình xét cấp bậc diễn viên trong xã hội mới, bà chỉ đạt hạng tư, điện ảnh của Trung Quốc giờ đây không cần những bông hoa giao tế, hoặc những cặp mắt sắc tựa lưỡi dao. Để thích nghi với xã hội mới, điện ảnh mới, Thượng Quan Vân Châu đã phấn đấu gian khổ, đã chịu nhiều công kích, cắn răng không ta thán nửa lời, miễn sao được tiến bộ, miễn sao được biểu diễn, lúc nào cũng hăng hái đi đầu, xung phong nhận việc khó khăn, liều mình cho tới mức ho lao. Khi phát biểu tại các hội nghị chỉnh phong trong giới văn nghệ sĩ Thượng Hải, bà chủ động phản tỉnh, phê phán tư tưởng tư sản của mình, nhiều lần bộc lộ rằng đã chạy theo hư vinh, chạy theo danh vọng, xuất đầu lộ diện, muốn sống cuộc đời ngôi sao. Thượng Quan Vân Châu đã tham gia biểu diễn vở kịch nói cách mạng “Hong kỳ ca” tới 131 suất. Lúc rảnh rỗi bà dẫn Diêu Diêu đến doanh trại đoàn văn công giải phóng quân Thượng Hải xem họ dàn dựng vở “Bạch mao nữ”. Vì những lẽ đó nên khi hay tin Trình Thuật Nghiêu phạm sai lầm, bị xử trí, Thượng Quan ngày ngày xấu hổ, khóc than, trách móc chồng sao nữ đang tâm như vậy. Vú già bảo, Trình tiên sinh oan ức, bà phản bác ngay, Đảng Cộng Sản không bao giờ nghi oan cho bất cứ một ai.

Phần Trình Thuật Nghiêu, vì bị giam giữ, bị truy hỏi, không muốn đôi co gì nữa, chỉ mong được tự do và cuối cùng đã làm một việc hủy hoại đời mình, công nhận lấy tiền công quỹ đem về nhà. Ông ta tưởng đền bù vài trăm

Mỹ kim là xong chuyện, là thái bình, là được gặp gỡ vợ con, nhưng Trình Thuật Nghiêu nào có hiếu tuy vợ ông đã trả 800 Mỹ kim và hai chiếc nhẫn cho Lan Tâm, mà ông vẫn phải mang tội danh tham ô, bị cách chức và lao động quản chế một năm tại nhà hát. Trình trở thành người đầu tiên trong giới văn nghệ sĩ Thượng Hải bị xã hội mới đẩy ra rìa và tiếp đó bị luân Thượng Quan Vân Châu ly hôn bỏ rơi. Nhiều người khuyên Thượng Quan hãy nghĩ lại hoàn cảnh của Trình mà rộng lòng tha thứ, nhưng bà không nghe. Giống như lần trước lúc Diêu Diêu hai tuổi, Thượng Quan từng chia tay với Diêu Khắc, thì giờ đây em trai cùng mẹ khác cha của Diêu Diêu là Đãng Đãng cũng vừa tuổi đó, Thượng Quan lại bỏ chồng, bà sống với bạn cũ Hạ Lộ nhưng không làm thủ tục kết hôn.

Đãng Đãng theo cha, sau này ông Trình Thuật Nghiêu lấy vợ khác và đưa cậu ta lên Bắc Kinh sống cùng ông bà nội. Diêu Diêu vẫn ở Thượng Hải với mẹ - bà Thượng Quan mà lúc này đang bị xưởng phim thi hành kỷ luật năm năm không được biểu diễn. Hồi ấy Diêu Diêu lên chín, chẳng còn ai để cho cô gọi là “ba”. Người vú già chăm sóc Diêu Diêu và đêm nào cũng ngủ với cô từ khi còn tằm bé đã xin thôi việc trở về quê, em trai Đãng Đãng cùng bà vú của cậu ta, người có rất nhiều chuyện cổ tích thì chuyển đi nơi khác, còn lại chỉ mỗi Diêu Diêu, sống chung với hai người lớn, Thượng Quan Vân Châu và tình nhân của bà - ông Hạ Lộ mà Diêu Diêu trước sau vẫn gọi là “chú”. Những buổi tan trường Diêu Diêu lững thững theo cầu thang, từng bậc, từng bậc leo lên lầu ba, thỉnh thoảng cô bé gặp người đàn bà ở lầu hai đi xuống, cô lễ phép cúi đầu tránh sang một bên để nhường đường và hình như không muốn nói năng với ai cả, sợ họ hỏi chuyện nhà mình cùng bao vết thương lòng. Kỳ thực thì trong gia đình một khi xảy ra chuyện gì, không ai có thể quan sát tinh tế bằng trẻ con, chúng như lũ thú nhỏ rất nhạy cảm với

sự bất an xảy ra trước mỗi lần động đất. Diêu Diêu hiểu hết, biết hết những lần tranh cãi giữa má cô và “ba” Trình Thuật Nghiêu, Diêu Diêu từng chứng kiến cái cảnh bà Thượng Quan Vân Châu nổi cơn thịnh nộ tát vào mặt ông Trình Thuật Nghiêu, lúc đó cô không hề khóc mà chỉ nghĩ rằng, âu cũng là một con sóng ào lên trên biển cả, Diêu Diêu tìm nơi ẩn nấp, ở cái xó xỉnh nào đó không bị ai chú ý, im lặng cúi đầu, cho tới lúc vú già kéo cô đi chỗ khác, nỗi niềm chôn chặt trong lòng. Chuyện của má, của “ba” nhiều người đã biết, há phải mất công “vạch áo cho thiên hạ xem lưng”. Chúng ta nghĩ gì về hành vi này của Diêu Diêu, là lòng tự tôn hay thói hư vinh, là vì đức tính thầm kín hay do thất bại. Tôi cho rằng bà Thượng Quan Vân Châu không bao giờ đem chuyện nhà tử tế cùng con gái, nghe con gái nói lời tâm sự, nhưng cho dù có làm như thế thì chắc gì Diêu Diêu đã thổ lộ tất cả.

Cuộc vận động “Tam phản” những năm 50 ở Thượng Hải đã đánh tan gia đình Diêu Diêu, “ba” Trình Thuật Nghiêu bị quy oan là tham ô, dẫu đã đền bù thế mạng 800 Mỹ kim và hai vòng nhẫn mà vẫn cứ đeo gông một đời, đẩy ra rìa xã hội, má Thượng Quan Vân Châu vì liên lụy phải tạm xa sân khấu, tạm xa ánh đèn năm năm, với một diễn viên đó chẳng khác gì là năm năm lao lý. Nhưng đau đớn hơn với hai đứa trẻ, Diêu Diêu và Đãng Đãng, là nỗi cách chia, thành ra hai ổ, bà Thượng Quan sống chung với tình nhân Hạ Lộ, ông Trình Thuật Nghiêu cưới vợ mới và vì vậy chị em Diêu, Đãng kẻ nam người bắc, em lên Bắc Kinh, chị ở lại Thượng Hải.

Người ta kể rằng sau đó mỗi lần được má cho sang nhà họ Trình chơi với em trai Đãng Đãng, cứ vào tới cửa là Diêu Diêu nhào tới Thuật Nghiêu, gọi một tiếng “ba” nghe đến não lòng.

Đợi cho Đãng Đãng từ nhà trẻ trở về, Diêu Diêu mới dám thưa: - Má cho con sang bên ấy chơi với em. Bên ấy có vú già nói tiếng quan thoại, khẩu âm

Vô Tích, kể chuyện cổ tích từ ngày này sang ngày khác, mãi mà vẫn không kể hết, bà cụ như cái lò sưởi, sưởi ấm nỗi lòng lạnh lẽo của Diêu Diêu. Bên ấy có “ba” Trình Thuật Nghiêu, người luôn nở nụ cười rồi dang rộng cánh tay đón mừng “con gái” và đáp lại một tiếng “ừ” giọng chuẩn Bắc Kinh, nghe thật thân tình. Bên ấy có chú chó bông “Bạch Tử” với bộ lông trắng muốt, cứ mỗi lần Diêu Diêu sang chơi, nó vẫy đuôi và quẩn quýt không rời cô nửa bước. Bên ấy có Đãng Đãng, em trai cùng số phận, mới có mấy tuổi đầu mà đã cam chịu nỗi chia ly.

Bà Thượng Quan Vân Châu tuy nghiêm khắc là thế, nhưng lúc nào cũng đồng ý cho Diêu Diêu sang bên ấy, bên nhà Trình Thuật Nghiêu, có điều bà không bao giờ nói rõ vì sao lại đồng ý. Được mẹ cho phép, Diêu Diêu như chim sổ lồng, im lặng rời khỏi nhà mình, nhẹ nhàng bước xuống cầu thang, chẳng màng đến những cảnh vật đẹp đẽ sau lưng, cô bé cả đi lẫn chạy sao cho đến bên ấy nhanh nhất. Diêu Diêu lướt qua ngôi nhà màu nâu đỏ mà chủ nhân của nó là Hùng Thập Lực, một đại sư tân nho học, nhưng tính tình có phần kỳ cục. Trước tác của họ Hùng thời ông sống ở Thượng Hải là cuốn “Nguyên nho”, Hùng Thập Lực từng mong muốn sự bảo hộ của hình thái ý thức xã hội mới đối với nền quốc học cũng giống như yêu quý cuộc sống của nhân dân lao động vậy. Vào thời ấy ông đã nhận ra rằng, tuy tác phẩm của mình là tài liệu có thể dùng để phê phán phái cự học cổ lỗ, nhưng hình thái ý thức Tân Trung Quốc sẽ không tiếp nhận và ưa thích loại triết học này, ông cũng đã biết học vấn của mình chẳng ai truyền bá, thế mà Hùng Thập Lực cứ viết, viết một cách không thể nín nhịn được. Ông bị thiên hạ bỏ quên trong ngôi nhà màu nâu hồng mà ngày ngày Diêu Diêu thường lướt qua, ông giống như cây bút bi chưa hết mực sót lại trong ngăn kéo, dầu trong ruột bút rỉ ra dần, nhưng không viết nên chữ, chỉ đọng thành cục cặn mà thôi. Hùng tiên

sinh cặm cùi viết, nỗ lực viết, giá như ông ngẩng đầu lên nhìn qua ô cửa, ông sẽ bắt gặp hình ảnh cô bé đang mắc bệnh phổi, nhưng khuôn mặt luôn rực hồng, diễm lệ khiến người ta cảm thấy hạnh phúc, thường bay qua, xa dần, những lúc đó nhà hiền triết sẽ nghĩ gì?

Diêu Diêu băng ngang vườn hoa tam giác, nơi có những cây “hiệp trúc đào thụ” (“hiệp trúc đào thụ” tuy có chữ “đào” nhưng không thuộc họ đào) nở hoa màu trắng hồng, với mùi hương kỳ dị như nước đầu. Lũ trẻ bảo nhau, đó là loài hoa độc, người nhiều sẽ ngủ luôn cho tới chết, vì vậy khi đi dưới rặng cây này bọn nhỏ thường bịt mũi, nín thở, chắc Diêu Diêu cũng làm như thế. Những đóa hoa đung đưa như muốn rụng xuống, màu hoa vừa trắng vừa hồng thật quyến rũ, còn lá cây thì xanh ngắt, tất cả đã tạo nên họa phẩm tinh tế mà chỉ có ở thế kỷ 19 các họa sĩ mới thường dùng bút sắt cặm cùi, tỉ mỉ, kiên nhẫn vẽ nên. Đẹp thế mà lại độc, đấy chính là điều làm trẻ con sợ nhất, sợ những gì còn trong ẩn số không tường minh.

Và bây giờ thì Diêu Diêu đã tới một con hẻm cạnh chỉ có ba số nhà, Trình Thuật Nghiêu, Đẳng Đẳng, vú già có khẩu âm Vô Tích cùng chú chó “Bạch Tử” ở lầu hai, cửa sổ phòng Trình hướng ra vườn hoa tam giác, mùi hương của loài cây mà lũ trẻ khiếp sợ vượt qua con lộ, ập đến với ông. Diêu Diêu lao tới cửa, sa vào lòng ông, “em đâu rồi ba”, tất cả vẫn nguyên mẫu như xưa, ấm cúng, thân tình và cô bé không hề có cảm nhận là “ba” và má đã ly hôn.

Tôi kể cho Đẳng Đẳng nghe câu chuyện vừa gặp một người đàn bà Thượng Hải, chị có mối tình đầu với chàng trai Do Thái tới thành phố này lánh nạn, họ kết hôn và cuộc đời chị hoàn toàn thay đổi, nhưng sau đó không bao lâu anh ấy qua đời, chị “đi bước nữa”, người chị yêu là quân nhân Mỹ đồn trú ở Châu Âu, lúc mới quen nhau còn thư từ qua lại, rồi đến khi xảy ra

sự kiện kênh đào Panama thì đoạn tuyệt luôn. Chị than rằng, đời tôi không đụng chạm tới chính trị, nhưng chính trị lại làm đảo lộn cả cuộc sống của tôi.

- Anh Đăng Đăng, - tôi hỏi - liệu lúc ấy Diêu Diêu đã thể hội, rằng chính trị đang biến đổi đời mình hay không?

- Khi đó chị tôi còn bé, chắc không thể nghĩ nổi như thế đâu.

Đăng Đăng khẳng định, vả lại đây là cái thời mà Thượng Quan Vân Châu đang cuồng si mưu cầu tiến bộ, Đăng bảo gì, bà làm nấy, thái độ này của Thượng Quan nhất định đã ảnh hưởng đến quá trình trưởng thành của Diêu Diêu. Cô bé từng chứng kiến, Trình Thuật Nghiêu làm sai một việc gì đó mà cô chẳng rõ thì lập tức ông ta bị bỏ rơi, bị người thân tát vào mặt, đuổi đi, nào có thấy ai đồng tình và cùng ông chung lưng đấu cật vượt qua hoạn nạn.

- Liệu Diêu Diêu có nghĩ là má anh đã đuổi ba? Tôi hỏi, Đăng Đăng trả lời:

- Chắc chị tôi từng nghĩ như vậy, chị gọi ba tôi là “ba”, còn một mực “chú” với ông Hạ Lộ.

- Chị anh không thích ông Hạ Lộ hay sao?

- Có thể là như vậy.

- Thế thì Diêu Diêu có đồng tình và yêu quý mẹ mình hay không?

- ... Đăng Đăng im lặng.

Thời gian “sang bên ấy” của Diêu Diêu thật ngắn ngủi bởi vì nhờ người mai mối ông Trình Thuật Nghiêu đã kết hôn với bà Ngô Yên, Trình tiên sinh đưa Đăng Đăng lên Bắc Kinh nhờ bố mẹ mình chăm nom nuôi dưỡng và thế là Diêu Diêu chỉ có thể gặp em trai vào những kỳ nghỉ hè, khi cậu bé về chơi Thượng Hải. Phần Thượng Quan Vân Châu, sau khi đổi nhà cho Đồng Trúc Quân bà chuyển đến nơi ở mới, Diêu Diêu theo mẹ, cô không nhớ nổi đã bao

lần thay đổi như thế và cũng chẳng lưu luyến gì với tòa lâu này. Sau khi chuyển nhà thì Thượng Quan vừa mãn hạn kỷ luật, trở về với sân khấu và trường quay, bà sắm vai một nữ du kích trong bộ phim cách mạng, được đánh giá là khá thành công, bà được lãnh đạo và đồng nghiệp để ý, không xem thường như xưa. Sự kiện Thượng Quan Vân Châu thắng lợi vừa rồi đã làm nức lòng lớp ngôi sao điện ảnh cũ, họ nhận thấy những nỗ lực của mình thật không uổng phí bởi ngày một thích ứng với điện ảnh mới. Thượng Quan bắt đầu có đất đứng chân, trở thành diễn viên được Đảng xem trọng, rồi tới tháng giêng năm 1956, người ta mời bà đến Nhà hữu nghị Trung Xô dự một cuộc họp khá lớn và rất có ý nghĩa đối với đời bà. Đây là tòa lâu kiểu kiến trúc Nga được xây cất trên đám đất hoang phế của Cáp Đồng Ái Lệ để lại, nóc nhà dựng lên cái tháp cao vút và chóp tháp là ngôi sao năm cánh luôn chớp sáng, ngạo nghễ giữa trời đêm. Hôm ấy bà nhìn thấy Chủ tịch Mao Trạch Đông tại một sảnh đường rộng lớn nhưng có vẻ không thoải mái cho lắm bởi do nhiều công an mặc thường phục canh giữ. Nghe nói đêm về Thượng Quan liền ghi nhật ký “Tôi cảm thấy vô cùng hạnh phúc vì vừa được nhìn thấy Người, lãnh tụ kính mến, Mao Chủ tịch, đây là sự kiện khó quên của cả đời tôi.”

Sau khi rời Thượng Hải - Đảng Đảng tiếp tục câu chuyện - có tới năm năm tôi ở luôn trên Bắc Kinh, ba và má lúc rảnh rỗi hoặc đi công chuyện thường ghé lại thăm tôi. Tôi chẳng rõ vì sao người lớn không cho tôi trở về Thượng Hải, mãi sau mới hiểu là do bà Ngô Yên, người vợ cuối cùng của ba.

Ngô Yên là một nữ sĩ có tên tuổi trong giới xã giao Thượng Hải trước năm 1949, những người lui tới với Ngô đều là yếu nhân, tỷ như Mạnh Tiểu Đông của Đỗ Nguyệt Sinh, Lam Ni của Tôn Khoa, Phúc Chi Phương của Mai Lan Phương... Hồi còn rất trẻ, Ngô Yên có tên gọi Linh Hoa A Cừ,

nghe nói là chủ bài của gánh hát Trường Tam, với nghệ danh “Hắc Mẫu Đơn”. Ngô Yên không chỉ trà trộn trong đám giang hồ lãng tử, mà bà từng nhận lãnh nhiệm vụ quan trọng. Trước khi giải phóng Thượng Hải. Ngô Yên cùng hoạt động bí mật với chiến sĩ cộng sản Phan Hán Niên, lấy thân phận bông hoa giao tế để yểm trợ cho Dương Hồ - tư lệnh cảnh binh đang làm việc giúp cộng sản, và động viên tuyên truyền giới công thương Thượng Hải hãy ở lại hợp tác cùng chính quyền mới, vì vậy mà khi mới giải phóng, kinh tế của thành phố không bị tổn thất, dễ dàng khôi phục. Lúc cách mạng về, Ngô Yên nghiêm nhiên là cán bộ nhà nước, vì có một đạo học Kinh kịch ở Trường Tam, sau trở thành đệ tử của Trương Bá Câu nên Ngô được phân công làm việc ở Cục văn hóa, phòng cải cách kịch nghệ.

- Ba anh đã cưới một phụ nữ danh tiếng về làm vợ, - tôi ướm lời, Đấng Đấng chỉ cười:

- Có lẽ đó là sở thích của ông ta.
- Và cả gan lấy cả gái Trường Tam?
- Vâng.
- Ngô Yên có đẹp không?
- Khá sắc sảo, lợi hại và thuộc loại từng trải.

Nghe nói lúc công tác ở Cục văn hóa Thượng Hải, Ngô Yên tự sắm cho mình bộ cánh kiểu đồng phục cán bộ hồng đô Diên An khiến Phan Hán Niên, Hạ Diễn thoát trông đã nhảy thót lên, Ngô cười mà rằng, tự bỏ tiền mua sắm, thích gì mặc nấy chứ có gì phải thắc mắc hỏi chư huynh.

- Bà ta và ba tôi lấy nhau được đâu năm tháng, - Đấng Đấng kể tiếp - thì vì liên can đến sự kiện Phan Hán Niên nên phải ngồi tù năm năm. Ngày Ngô Yên bị bắt công an đã lục soát nhà tôi. Ba tôi không muốn tôi biết hết mọi chuyện đã xảy ra, và cũng chẳng cần phải lừa tôi vì sao không thấy Ngô Yên

ở nhà nên cuối cùng ông nghĩ ra cái kế “giam lỏng” tôi trên Bắc Kinh không cho về Thượng Hải. Đây là phong cách điển hình của ba tôi, ông ta là như thế.

Như một cánh tay mà dám ngăn cản cả dòng sông - tôi thầm nghĩ.

- Trong thời gian năm năm đó Diêu Diêu cũng không sang bên ấy, sang thăm ba anh?

- Chắc là vậy.

- Thế thì má anh đã giải thích như thế nào cho Diêu Diêu, cô ta có còn bé bỏng như anh hồi đó đâu mà phải đối phó.

- Có thể là bà đã chẳng nói gì cả, má tôi vẫn thường làm như vậy, - Đặng Đặng nghĩ ngợi giây lát rồi nói tiếp - nhưng chị Diêu Diêu hình như cũng biết chuyện, chắc má không giấu chị như ba từng giấu tôi. Tết nguyên đán năm 1961, Ngô Yên mãn hạn, ra tù, Thượng Hải điện báo tôi về gấp, lúc ấy sắp vào kỳ thi, ông bà nội ở Bắc Kinh sợ tôi phân tán tâm tư nên bí mật đi mua vé tàu hỏa, bà cô cả của tôi làm việc này, bà tốt nghiệp trường trung học nữ sinh Bối Mãn, sau trở thành gia sư. Lúc cô tôi trở về, người vú già bèn giả bộ hỏi, vé xem vũ ba lê đã mua được chưa, cô tôi trả lời, mua được rồi. - Đặng Đặng cười, một nụ cười rạng rỡ, ấm áp, biểu lộ nỗi khát khao được đoàn tụ gia đình. - Tôi về đến Thượng Hải và tại ga Bắc Trại ba điện ngay cho má, ngày hôm sau ba dắt tôi đến nhà má ở đường Cao An, ông chỉ tay lên khung cửa lầu hai, nơi ấy có ba người vẫy chào tôi. Tôi xa má lúc mới hơn một tuổi nay trở về cùng bà thì đã là đứa trẻ lên mười, nhưng tình mẫu tử vẫn không hề tàn lụi, tôi gào to “má” rồi lao nhanh về phía bà, chạy băng qua đường và suýt nữa bị tông xe, khách bộ hành mắng tôi, tôi mặc kệ, cứ cắm đầu xông tới. Ba người trên khung cửa hoảng quá, vội xuống lầu đỡ tôi, tôi vào nhầm nhà, quay trở ra thì chị Diêu Diêu đã ở trên đường, chị gọi

“Đăng ơi”, thấy tôi và ẵm phắt lên lầu.

- ẵm anh? Nặng thế làm sao mà ẵm nổi, anh đã mười tuổi rồi chứ còn bé bỏng nữa đâu?

- Đúng thế, năm đó chị tôi 17 tuổi, ẵm tới lầu một, chị mệt nhoài mà cứ vẫn ẵm, má và dì ào xuống nhưng chẳng ai nhắc nổi tôi, thôi đành kẹp nách kéo lên, thật khôi hài.

- Diêu Diêu nói gì với anh?

- Chẳng nói gì cả, chỉ gọi mãi tên tôi Đăng Đăng, Đăng Đăng, Đăng Đăng...

- Anh còn nhớ Diêu Diêu lúc ấy thế nào?

- Tóc cắt ngắn và mặc áo nhung màu lam đậm, ba má con chúng tôi vui hết cỡ, tối lại cùng ngủ chung một phòng, chị em tôi nằm trên giường Hạ Lộ, còn má nằm giường của bà. Phòng ngủ của bà và Hạ Lộ đặt đôi giường ghép như vậy, có thể dễ dàng tách ra, nhập lại, chẳng rõ Hạ Lộ đi đâu, tôi nhớ là không thấy ông ta.

- Thật ư, mới mười tuổi sao anh nhớ được nhiều chuyện thế.

- Tôi nhớ ngày nào chị tôi cũng học đánh đàn, là học sinh lớp dương cầm trường trung học trực thuộc Học viện Âm nhạc Thượng Hải, chị đang luyện các bài tập về ngón tay, tôi rất thích nghe chị đàn, những âm thanh cứ lặp đi lặp lại nhưng dần dần tiến lên, rồi hướng ra phía trước.

- Và anh có cảm giác thế nào?

- Rất an nhàn, rất ổn định.

- Cả với Diêu Diêu?

- Có lẽ cũng vậy.

Đó là năm Diêu Diêu 17 tuổi, cô đã cao bằng mẹ, và cũng như bà Thượng

Quan Vân Châu, Diêu Diêu luôn mặc quần chần hông để giữ co cho thanh tú. Theo ý nguyện của mẹ, Diêu Diêu học dương cầm tại trường trung học trực thuộc Học viện Âm nhạc Thượng Hải, tọa lạc ở Đông Bình Lộ, là một tổ hợp năm hoa viên, biệt thự của Tưởng Giới Thạch, Tống Tử Văn, Khổng Tường Hy, Trần Lập Phu và tài phiệt họ Từ đã rút chạy ra Đài Loan còn bỏ lại. Có thể nói đây là vườn trường đẹp nhất ở Thượng Hải, giữa các tòa biệt thự hào hoa là những bãi cỏ rộng mênh mông, những rừng cây um tùm, những giả sơn ngạo nghễ và những hồ nước nên thơ. Trong khung cảnh huyền diệu, bông lai như thế, nơi đây luôn vang vọng lời ca, điệu nhạc, cung đàn, thật quá ư là diễm lệ, cả thanh lẫn sắc.

- Giống như mẹ, Diêu Diêu rất yêu kiều, nhìn là biết ngay, quần áo chải chuốt, toàn là hàng quý, luôn đi giày da, thời ấy nữ sinh dùng loại giày này chưa nhiều, phần lớn là mang giày vải tự chăm may. Còn da mặt, cánh tay, bàn tay tất cả đều một màu trắng nõn tự nhiên, nhất là mười ngón tay cứ như những búp non mới nhú. Diêu Diêu luôn tìm mọi cách để ngụy trang, để che giấu cái vẻ kiều diễm, kiều sa đó, nhưng nào làm nổi và vì thế mà càng gây thơ, dễ thương hơn.

Trọng Uyển, bạn học cùng trường trung học với Diêu Diêu đã kể lại như thế, cô nói tiếp:

- Thời bấy giờ phong hóa xã hội rất tích cực hướng thượng, mọi người đều cho rằng gian khổ chất phác là vinh quang, chải chuốt quá, ăn diện quá sẽ không hợp trào lưu, nhưng một số con em gia đình khá giả thì phần nào đó khang khác, ví như Diêu Diêu có mẹ là diễn viên điện ảnh nổi tiếng, sống sung túc hơn bạn học cùng trang lứa, có thể cô ta đặc ý, nhưng phần lớn thì tự thấy ý thức tư tưởng kiểu ấy là không được, cho nên thường chú tâm che giấu, vì thế mà mâu thuẫn, phức tạp vô cùng.

Bằng nhiều nỗ lực và được nhiều người giúp đỡ, cuối cùng tôi đã tìm thấy những trang viết của Diêu Diêu, trong số đó có một tập giấy báo cáo kẻ dòng màu đỏ, tất cả giờ đã ngả vàng, đây là bản tự kiểm thảo người ta bắt cô phải viết lúc tốt nghiệp cao trung (tương đương như lớp 12 ở Việt Nam - ND). Loại giấy của những năm 60, khá thô tháp, chất phác, giản dị, bột tre nửa nghiền chưa kỹ vẫn còn sót lại nhiều sợi li ti, nếu kéo chúng ra thì giấy sẽ bị thùng thành lỗ. Diêu Diêu viết bằng bút máy, ngòi sắt, mực đen, đến nay chưa hề phai màu hay nhòe chữ. Nét chữ của Diêu Diêu chân phương dễ đọc, lời lẽ thành khẩn khiêm nhường, cô nhớ lại một quãng đời trung học và tự cho mình là người có ý chí bạc nhược.

“Tôi chơi thân với những bạn có tư tưởng tiến bộ thì tự nhiên biểu hiện tốt hẳn lên, ngược lại với những ai không mưu cầu tiến bộ, lập tức sa sút xuống. Năm thứ ba sơ trung (tương đương như lớp 9 ở Việt Nam - ND) tôi cam phận trung bình, chấp nhận hiện trạng, chẳng có ý chí tiến thủ. Khi vào cao trung, nhiều người xì xào, các bạn đó cho rằng thành tích học tập của tôi quá yếu như vậy thật không đáng lên lớp. Nghe họ nói, tôi sợ hãi và tư tưởng có phần xao động, nhưng sau đó tôi đã quên ngay. Khai giảng không bao lâu tôi liền kết bạn với những học sinh tư tưởng không đúng đắn, không mưu cầu tiến bộ chính trị và kết quả là không tập trung học hành, thành tích sút kém, không chịu báo cáo tư tưởng lên thầy cô, không quan tâm tập thể, không phát biểu khi học chính trị, ở trên lớp không trả lời được câu hỏi, bài tập về nhà nộp không đúng hạn, không tâm sự, chơi mở cùng bạn học, tóm lại đã trở thành học sinh kém, phạm sai lầm. Giữa lúc tình hình nghiêm trọng như thế thì tổ chức, thầy cô liền ra tay cứu vớt tôi, năm lần bảy lượt tìm tôi nói chuyện, giúp đỡ tôi chuyển biến tư tưởng. Sau đó lớp mở hội nghị phê bình, kiểm điểm, phân tích lỗi lầm, tôi cũng phải tự kiểm thảo, hứa tiếp thu giáo

dục và sửa chữa khuyết điểm”.

- Tôi nhớ, - Đãng Đãng thuật rằng - năm ấy má đã đánh chị Diêu Diêu, một ngày hè oi nồng, má vừa ăn cơm vừa mắng chửi chị, má bắt chị đứng phía sau quạt mát cho bà, chửi tới lúc tức quá, không nín nhịn được nữa, má quay lại tát vào mặt chị. Má không nạt nộ âm ỉ, nhưng mặt mày sa sầm, trông rất dữ tợn, đánh chị xong bà vẫn ăn cơm tiếp tục, chị Diêu Diêu chẳng nói chẳng rằng và cũng không nhìn ai, kiên nhẫn phe phẩy cái quạt trong tay. Tôi sợ đến nỗi phải núp sau ghế sofa nhìn trộm, chị không khóc, không biểu lộ thái độ gì cả, xem ra rất bình tĩnh.

- Vì sao má anh lại đánh chị Diêu Diêu?

- Vì chị làm mất chiếc đồng hồ má vừa mua cho, nhưng đó là chỉ là cái cớ, kỳ thực thì má tức chị còn nhỏ mà đã trai gái yêu đương, hình như lúc bấy giờ chị tôi đang yêu một bạn trai cùng lớp.

- Nghe nói Diêu Diêu viết cho người bạn của mình một lá thư nói rằng cô rất thích bộ phim “Phục sinh” do Liên Xô sáng tác và hẹn anh ta cùng đi xem. - Diệp Dữ Nhân nhớ lại và kể - đấy là cái thời mà hai nước Trung - Xô đang rất hữu hảo, học sinh chúng tôi mê phim Liên Xô, ví như “Đêm trắng”, “Thăng ngục”, “Phục sinh”, “Cánh buồm đỏ thắm”, nhất là “Cánh buồm đỏ thắm” miêu tả một chuyện tình thơ mộng, con thuyền có cánh buồm màu đỏ của hoàng tử từ biển xanh bao la rẽ sóng cập bờ đón người thiếu nữ trời cho, không hẹn mà gặp.

Trọng Uyển cho tôi biết:

- Hồi ấy phim nước ngoài cũng chỉ mỗi Liên Xô, thầy cô thường động viên khuyến khích học sinh chúng tôi nên tìm hiểu nền nghệ thuật nước bạn anh em, giờ ngoại khóa hầu như dành cho xem phim, triển lãm, biểu diễn văn nghệ và nghe hòa nhạc. Trường trung học của chúng tôi trực thuộc Học viện

Âm nhạc Thượng Hải, không giống như các trường trung học bình thường khác, học sinh rất cực đoan, nam nữ ít đi lại hay nói chuyện với nhau, trừ phi cùng tham gia các buổi sinh hoạt nghệ thuật. Tôi nhớ lúc bấy giờ Diêu Diêu và người bạn trai đó thường gặp nhau, anh ta mặc áo khoác màu xanh nhạt, có lẽ họ quen nhau trong những lần cùng đi xem phim, tôi nghĩ cũng bình thường thôi.

Có điều là sau đó Diêu Diêu đã viết cho người bạn trai mà mình ưa thích một lá thư, trong mây trôi gió nhẹ phần nào hơi nhiệt tình và đường đột. Nói chung các thiếu nữ vào thời thanh xuân đều đã viết những lá thư như thế, khác chẳng là để phúc đáp lại bạn trai. Chủ đề, cảm xúc thể hiện trong thư khá giống nhau, ai cũng nhận ra, từ ngữ sử dụng trong thư chẳng cao siêu hay ý tứ gì cho lắm thế mà làm cho bao nhiêu trái tim đã rung động, đã thức tỉnh.

Tôi lấy làm lạ là từ bé Diêu Diêu từng tận mắt chứng kiến những cảnh ngang trái, oan khiên trong quan hệ nam nữ, cô trưởng thành giữa những cuộc ly hợp, nhập chia của cha, của mẹ, thế mà vừa lớn lên lại dũng cảm, lại nhiệt tình ngay với tình thân trai gái, dám bộc lộ mình, dám vươn tới những khát vọng, tính cách của Diêu Diêu còn mạnh mẽ, còn kiên cường hơn tôi nghĩ. Có lẽ những ai như Diêu Diêu mới cần đến tình cảm, cần người yêu mình và mình được yêu người khác. Và lại với tất cả, hễ tới thời thanh xuân thì tình yêu là mãnh liệt hơn hết, nó như nôi sữa, được lửa, trào sôi, tràn ra mà không sao thu vớt lại.

Diêu Diêu cũng từng có một ngày như vậy.

- Người bạn của Diêu Diêu cũng khá điển trai, trắng trẻo, ăn mặc chải chuốt, học dương cầm, thành tích loại ưu, nhưng không mưu cầu tiến bộ, gia đình có vấn đề - Trọng Uyển ngập ngừng.

- Chắc là con tư sản? - Tôi hỏi.

- Thời ấy học giỏi nhưng thành phần gia đình không tốt thì cũng chẳng có tiền đồ, muốn vào đại học chính quy ít nhất phải là con em công nông. - Trọng Uyển giải thích. - So với bạn trai, xuất thân của Diêu Diêu phần nào có hồng hơn chút đỉnh, Thượng Quan Vân Châu nhiều lần được nhìn thấy Mao Trạch Đông, được cưỡi mũ hươu phái, một đồng sự thể chân bà và lập tức bị đưa đi lao động cải tạo tại nông trường ở Thanh Hải. Bà Thượng Quan còn là thành viên trong đoàn đại biểu điện ảnh Trung Quốc ra nước ngoài dự liên hoan phim quốc tế, một đặc ân quá lớn đối với bà ở cái thời đóng cửa, bà mua về cho Diêu Diêu con voi bé xíu điêu khắc bằng chất liệu ngà voi, và cho Đấng Đấng cốc nhựa để mang đi cắm trại, gồm năm vòng kéo ra xếp vào, chỉ có thể đựng nước lạnh, nếu là nước sôi thì sẽ hôi rình. Diêu Diêu biết chắc chắn là hai bên không “môn đăng hộ đối” nhưng cô vẫn ưa người bạn trai con nhà tư sản, đây là đặc trưng của thiếu nữ vào tuổi xuân thì, thường đem lòng yêu mến những chàng trai có cuộc sống đáng thương, nhưng tài năng xuất sắc, hết như các mối tình giữa người đẹp và dã thú. Tôi chẳng rõ Diêu Diêu có tâm trạng như vậy hay không, là sự kết hợp giữa thương hại và đồng tình hoặc là lòng khâm phục trước một tài năng, có lẽ tâm tình Diêu Diêu trăm mối, như đóa ngọc lan chút trắng, chút vàng...

Người bạn trai đem lá thư Diêu Diêu viết báo cáo và giao cho lớp trưởng. Diệp Dữ Nhân, - cùng học dương cầm với Diêu Diêu nói rằng, anh bạn ấy sợ tình cảm của Diêu Diêu sẽ giết chết mình, còn Trọng Uyển thì bổ sung, và sợ vi phạm quy định của nhà trường, học sinh nào yêu đương sẽ bị đuổi, và lại thành phần gia đình anh thuộc loại bất hảo, nên càng phải cẩn thận hơn. Ước Bá phản đối, anh ta không ưa Diêu Diêu, nếu đã ưa thì thiếu gì cách, bạc nhược nhất là báo cáo lên tổ chức và cuối cùng lớp mở hội nghị kiểm điểm

Diêu Diêu.

- Diêu Diêu rất trắng, trắng một cách trong suốt, thế mà mới vào cuộc, cô bỗng đỏ thắm, vẻ yêu kiều của một thực nữ chợt sụp tan. - Trọng Uyển chần chờ giây lát rồi nói thẳng luôn. - Bọn con gái chúng tôi cho rằng Diêu Diêu cũng hơi nhẹ dạ, với bạn trai phần nào hơi không giữ ý, chắc là quen với cách sống như mẹ mình. Diêu Diêu xấu hổ và rất tức, bỏ học hai ngày ở nhà ôm chăn nằm khóc, mãi sau thầy giáo phải động viên, khuyên can rằng tình bạn, tình thân giữa đồng học với nhau còn quý hơn vàng bạc châu báu, cô mới bình tĩnh trở lại.

Nhưng cô có thật bình tĩnh hay không, bạn hãy đọc đoạn viết sau đây của Diêu Diêu.

“Mặc dù như vậy, nhưng trên thực tế rất đau lòng. Tôi tự cho mình là học sinh kém nhất lớp và cả trường, ai cũng xem thường tôi, phần nhận xét hạnh kiểm ghi trên bản tự kiểm thảo lại càng tồi tệ. Tôi cảm thấy học tập và tư tưởng đều chẳng ra gì, không cất đầu lên nổi với bạn bè, dù muốn làm một người câm lặng vẫn không xong”.

Bà Thượng Quan Vân Châu mắng chửi, bạt tai Diêu Diêu vì hai chữ “nhẹ dạ”, vì đưa con gái được bà sủng ái, được bà luôn đem theo bên mình như một niềm kiêu hãnh lại không hiểu gì cả, viết thư trước cho trai rồi bị tố cáo, Thượng Quan cho như vậy là nhục nhã lắm. Ngoài ra, theo cách nói của một số nhà tâm lý học, phải chăng người đẹp, ngôi sao Vân Châu phần nào đã ghen tị với thời thanh xuân vừa hé mở nơi thiếu nữ, con gái mình. Còn Diêu Diêu, cô nhẫn nhục và có lẽ cô đang nghĩ “sẽ có một ngày con xa má, rất xa, con sẽ sống cuộc sống mà mình muốn, lúc ấy má chẳng cần bức tức quản giáo con”. Cái ngày đó chưa tới nên Diêu Diêu bình tĩnh, không đau đớn, không nhỏ lệ, không phản kháng, nhưng phần nào đã bắt đầu xem thường

mẹ. Những cô gái được chăm dưỡng trong các gia đình hà khắc vẫn hay dùng bộ mặt bình tĩnh như thế để chống lại bao đè nén ở buổi đầu của thời thanh xuân, họ như muốn nói “má cứ đánh con đi, con chẳng đau chút nào” - Và chị của anh đã cúi gằm mặt xuống? - Tôi hỏi.

- Vâng - Đãng Đãng trả lời - nhưng chắc chắn là có hàm ý khác.

“Sau đó nhà trường tăng cường công tác chính trị tư tưởng, tôi phải chú ý tới “hồng”, nhưng lại phạm sai lầm không đẩy mạnh phần “chuyên” nghĩa là học tập yếu kém. Mặc kệ tình hình diễn biến ra sao, tôi vẫn cứ mưu cầu tiến bộ, tuy vậy vì bấy lâu tự ti nên giờ đây không dám nói to, không dám làm mạnh. Bà giáo chủ nhiệm rất quan tâm giúp đỡ, bày vẽ kế hoạch cho tôi thực hiện, nhưng số đoàn viên thanh niên cộng sản không từ bỏ cố chấp, châm chọc tôi “cậu yếu kém nhường ấy mà cũng đòi tiến bộ ư?”. Tôi ức lắm và trong tâm luôn nghĩ rằng, “ta sẽ làm cho các người xem”, nhưng tiến bộ cũng chẳng là bao, vì không có tập thể ủng hộ thì cá nhân đâu có phấn đấu nỗ lực mấy đi nữa, cuối cùng đều thất bại.

Bà giáo chủ nhiệm phát hiện cách đánh dương cầm của tôi có vấn đề, các ngón tay rất cứng và quyết định tôi phải học lại cơ bản từ năm cao trung thứ hai (tương đương như lớp 11 ở Việt Nam - ND). Tôi kinh hãi và không thể chấp nhận giải pháp này, tôi không muốn học dương cầm nữa vì các ngón tay vừa nhỏ vừa mềm, thính lực lại yếu, tôi dự định xin chuyển ngành sang bộ môn biểu diễn sân khấu. Nhưng má tôi và bà giáo chủ nhiệm không đồng ý, nhất là bà giáo chủ nhiệm, bà yêu cầu tôi phải phát huy tính năng động chủ quan, khắc khổ học tập và như vậy vẫn có thể tiếp tục theo học bộ môn dương cầm. Vì nghe lời má và bà giáo chủ nhiệm, vả lại lúc bấy giờ bản thân tôi đang mưu cầu tiến bộ nên đành dẹp riêng tư cá nhân sang một bên và hạ quyết tâm học dương cầm cho đạt yêu cầu”.

Diêu Diêu còn viết:

“Ban đầu tôi những tưởng không muốn học tập tiến bộ môn dương cầm chỉ đơn giản là sợ khó khăn, nhưng qua phân tích phê bình thì hóa ra đây cũng là một dạng biểu hiện của tư tưởng tư sản, người ta nói phải nâng cao nhận thức lên trình độ cao như vậy, mới có thể cải tạo được bản thân mình”.

Trọng Uyển thở dài:

- Nhà văn chắc khó mà hình dung nổi một thời mà những gì trẻ con không ưa chuộng, không nhận lãnh đều bị quy thành vấn đề chính trị và đưa chúng ra để kiểm thảo, để hành hạ họ...

- Nhưng lúc nào gặp Diêu Diêu, tôi - Đãng Đãng cướp lời - cũng thấy chị vui vẻ, hào hứng, mãnh liệt, mỗi lần chụp ảnh, nếu tôi không cười, chị bèn thọc nách chọc tôi cười cho được. Tôi còn nhớ như in chỗ nào có mặt chị tôi, chỗ ấy có tiếng cười, bạn bè của chị xem ra rất ưa thích chị. Tôi lớn lên ở Bắc Kinh, rất mê nghệ thuật độc diễn hài kịch, mỗi lần tôi về Thượng Hải, chị Diêu Diêu thường đưa tôi đến chơi với các bạn của chị, chị động viên mọi người độc tấu hài kịch, kể chuyện vui, bao gồm cả tôi, tôi nhút nhát e thẹn, chị lườm mắt trách móc tôi, cũng dữ tợn như má vậy.

- Công nhận là Diêu Diêu rất vui nhộn, cởi mở - Trọng Uyển góp lời - hề bọn con gái chúng tôi cùng nhau nô đùa, là y như trong đó có tiếng cười, giọng nói của Diêu Diêu, nhưng nếu quan sát kỹ thì mới hiểu lòng cô lắm nỗi tơ vò, hình như Diêu Diêu giả bộ hạnh phúc, hân hoan. Lần ấy chúng tôi dựng một vở kịch nói, Diêu Diêu đóng vai chiến sĩ cách mạng hoạt động bí mật bị địch bắt, có điều kiện tiếp xúc nhiều với Diêu Diêu tôi nhận thấy, lắm lúc cô ta phải gượng cười, thật tội nghiệp, cười như đang diễn kịch.

- Diêu Diêu muốn che giấu điều gì? - Tôi hỏi.

- Có lẽ những điều tâm sự sâu xa nhất. - Trọng Uyển đáp.

Nói như vậy nghĩa là nhân vật của chúng ta đã hóa trang thành một thiếu nữ ngây thơ không âu lo, không trăn trở, sống nhàn nhã trong môi trường đầy đủ, vui tươi, đẹp đẽ, vai diễn mà Diêu Diêu đảm nhận lại chính là lý tưởng, là mục tiêu hướng vọng của đời cô. Theo Trọng Uyển, Diêu Diêu cố giấu kín bộ mặt thật của cuộc sống, vì vậy nên vai diễn đã không thành công và kết quả mọi người đánh giá cô là không thành khẩn, mà một khi không thành khẩn thì sẽ ít bạn bè.

- Nghe nói bà và Diêu Diêu hồi ấy là bạn thân với nhau? - Tôi hỏi Trọng Uyển.

- Vâng, tôi và Diêu Diêu khá quen thân, nhưng tôi chỉ hiểu đôi ba điều về Diêu Diêu mà thôi, chưa trở thành tri kỷ hay bằng hữu thân tình, vì ôm trong lòng bao nỗi khổ tâm mà Diêu Diêu mất dần bạn tốt.

Tôi đã đọc một bài thơ của nữ thi sĩ mà tuổi đời còn rất trẻ, chị viết: “Dòng sông nhỏ trôi giữa lòng sông nhỏ, con chim nhỏ nép mình trong tổ nhỏ, mây trên tầng không, hoa trên cành lá, em bé với nôi xinh, thượng đế với thiên đường, vạn vật và muôn loài, tất cả đều có chỗ, tất cả đang làm nên thế giới”. Vậy thử hỏi cái chỗ của Diêu Diêu lúc ấy ở đâu, tôi tìm anh Đăng Đăng và được biết, cuối cùng thì chị anh cũng tốt nghiệp trung học, không đủ điều kiện thi vào đại học chính quy bởi vì thành phần gia đình không thuộc công nông. Trường trung học yêu cầu Diêu Diêu đi lao động tại một nông trường khẩn hoang của quân đội ở tận Tân Cương, gần Liên Xô, đem thanh xuân hiến dâng cho vùng biên giới tổ quốc. Nhưng Diêu Diêu không chấp nhận, cô không đành lòng xa Thượng Hải, vài tháng sau bà Thượng Quan Vân Châu đưa Diêu Diêu đến bệnh viện nhờ bác sĩ kiểm tra thanh đới cho cô, mọi việc bình thường, bà tiếp tục xin giáo sư Chu Tiểu Yến nhận Diêu Diêu vào học khoa thanh nhạc thuộc Học viện Âm nhạc Thượng Hải,

chuyên về giọng nữ cao. Bà Chu sinh năm 1917, nữ ca sĩ nổi tiếng, nay dạy môn thanh nhạc, năm 1938 bà sang Pháp và Nga tu nghiệp, năm 1945 biểu diễn opera ở Paris, năm 1947 trở về Thượng Hải và bắt đầu dạy học, năm 1949 là chủ nhiệm khoa và năm 1979 được thăng chức phó viện trưởng Học viện Âm nhạc Thượng Hải.

Diêu Diêu thật may mắn được làm học trò của Chu giáo sư, có lẽ đó là do công lao liên hệ mà bà Thượng Quan Vân Châu đã nỗ lực cho con gái. Năm 1963, Diêu Diêu xa gia đình vào ở hẳn trong ký túc xá nữ sinh trên đường Hoài Hải Trung Lộ, gặp Trọng Uyển cùng một khoa thanh nhạc

Ký túc xá nữ sinh Học viện Âm nhạc Thượng Hải là tòa nhà kiểu Âu bên đường Hoài Hải Trung Lộ, ngói đỏ, tường hồng, khung cửa gỗ. Đây là một trong những dãy phố phồn hoa của Thượng Hải, lúc Diêu Diêu chưa sinh, nó có tên gọi Hà Phi, sau đổi thành Lâm Sâm và đến năm 1949, để kỉ niệm một chiến dịch lớn giải phóng Hoa lục đuổi Tưởng Giới Thạch cùng phe của ông ra đảo Đài Loan, con đường được mệnh danh Hoài Hải. Còn tòa nhà nói trên là dinh cơ, công quán của Đỗ Nguyệt Sinh, một tay đại lưu manh ở Thượng Hải, nghe nói ngày xưa xung quanh khuôn viên được bao bọc bởi hàng rào thép đúc màu đen, người qua đường có thể nhìn thấy cây cỏ, hoa lá, công trình kiến trúc bên trong khu vườn, nhưng năm 1958, hưởng ứng phong trào “toàn dân luyện gang thép” do Mao Trạch Đông phát động, dân Thượng Hải đã triệt phá hàng rào đẹp đẽ đó và xây gạch thay thế.

- Năm 1963, Diêu Diêu không thi đậu khoa dương cầm, nhưng vẫn có thể theo học bộ môn ca hát thuộc khoa thanh nhạc Học viện Âm nhạc Thượng Hải là nhờ phúc đức của bà Thượng Quan Vân Châu. - Ước Bá kể rằng. - Như chúng tôi, thành phần gia đình không “đỏ”. Ừ thì chỉ còn mỗi năm 1962, lúc chính sách chưa thắt lại, nhờ thành tích học tập mà lên được đại học, nếu lỡ cơ hội là chết luôn, vì nhà nước chủ trương không đào tạo những con em phi công nông như chúng tôi. Năm 1962, tôi thi đậu vào khoa đạo diễn và may quá, thoát chết. - Ước Bá xuýt xoa.

Tôi tìm gặp cụ già Ngụy Thiệu Xương và đặt câu hỏi “Thượng Hải năm 1963 là một thành phố như thế nào thưa cụ?”. Tôi thích hỏi Ngụy lão, vì cụ có ký ức và cách biểu đạt đặc biệt, những nếp nhăn trên vầng trán của ông già Thượng Hải này hết như một pho sử, Ngụy Thiệu Xương chậm rãi:

- Cường điệu sự chất phác và đơn nguyên, độc tuyến, mọi người chỉ vận một loại trang phục màu xanh, gọi là “nhân dân trang” hoặc “Lê-nin trang”, nam hay nữ đều giống nhau. Kỳ thực thì lúc mới giải phóng người Thượng Hải đã mặc trang phục “nhân dân”, khi ấy còn là một thời thượng, nhưng đến năm 1963 mới trở thành chính thức, không thấy ai vận áo trường bào hờ dùi hờ chân nữa. Tôi ra hiệu sách và rất khó tìm người, vì tất cả toàn một màu xanh, kiểu dáng y như nhau, không có đặc trưng gì khác biệt, chỉ còn cách dựa vào cao thấp, gầy béo mà thôi. Năm đó xã hội đề xướng học tập Lôi Phong, một chiến sĩ quân đội có sự tích anh hùng, chủ yếu vẫn là đề tài sống chất phác và chịu đựng gian khổ.

Đúng như cụ Ngụy vừa kể, tôi xem lại “nhân dân nhật báo” năm 1963 và đâu đâu cũng thấy lời hiệu triệu “hãy học tập đồng chí Lôi Phong”.

- Tuy thế nhưng má tôi vẫn ăn vận rất chải chuốt. - Đẳng Đẳng thuật lại - Nhất là những phối kiện với áo quần như khăn quàng, giày dép, đồ trang sức. Lần đó má tôi đi ngâm thơ cho một cuộc mít tinh ở Quảng trường Nhân dân, bà dẫn tôi theo cùng. Tới nơi biểu diễn má tôi thấy màu áo trường bào bà vận không hòa sắc với sân khấu, liền điện thoại chị Diêu Diêu chuẩn bị chiếc áo khác và quay xe về nhà thay ngay. Đêm ấy bà trình diễn bài “Mao Chủ Tịch ở giữa chúng ta”, là tiết mục “tử” của má tôi, nhất là câu kết “Người đang ở giữa chúng ta” mới thật cảm động, sâu lắng, khiến khán giả bỗng nhiên lặng sóng, ai cũng bảo bà ngâm thơ có hồn và rất tình cảm”.

- Đó cũng là năm bắt đầu bỏ cách xưng hô vợ chồng, trượng phu, thê tử, thay vì “người yêu” - cụ Ngụy Thiệu Xương kể tiếp - ai cũng là “ái nhân” tất, bất phân nam hay nữ, thoát tiên lớp già không quen gọi như thế, về sau đành phải chấp nhận, chẳng dám mở mồm “ông nhà tôi”, “bà nhà tôi”, mà cứ đơn nguyên, độc tuyến “người yêu của tôi”, nghĩa là ăn mặc, ăn nói trong xã

hội đều nhất loạt như nhau.

- Má tôi năm ấy nóng lòng được biểu diễn đầu là một vai phụ, hình như bà đã mất cơ hội thủ các vai chính. Bộ phim “Bia máu” kể chuyện trung nông mà má tôi tham gia đã bị đình bản, tiếp đến “Chị em gái trên sân khấu” và “Tháng hai mùa xuân đến sớm” sau khi trình chiếu ngay lập tức liền nhận lãnh phê bình, người ta nói Thượng Quan Vân Châu đóng chẳng giống người lao động, bà tiếp thu, rồi lên đường về nông thôn vào nhà máy “vô sản” hóa, nhưng dù có mưu cầu tiến bộ đến mức nào đi nữa má tôi vẫn là “minh tinh của giai cấp tư sản”. Năm 1963, Trương Xuân Kiều đã trở thành quan chức cộng sản nắm giữ lĩnh vực quản lý công tác văn nghệ, tuyên truyền ở Thượng Hải. Họa sĩ Trương Lạc Bình vẫn đóng cửa vẽ Tam Mao, nhân vật này của ông giờ đã quàng khăn đỏ, vẽ mặt phấn khởi vì được sống trong xã hội mới. Còn Trình Thuật Nghiêu vận “nhân dân trang” màu xanh, yên tâm làm một chân soát vé ở rạp chiếu phim. Đại nho gia Hùng Thập Lực không gào khóc như xưa, rằng “chẳng biết truyền bá học vấn cho ai”, ông thật sự đã tuyệt vọng, ông bị lãng quên trong một ngôi nhà, quần áo xuềnh xoàng, lời thô lếch thếch, ngang lưng thắt sợi dây đay như kiểu bần tăng.

- Năm 1963 giải khát bằng kem cây là chủ yếu, tôi nhớ không rõ là lúc ấy có kem cốc hay không, bởi vì đã 41 tuổi rồi, không ham ngọt như xưa nữa, song một điều rất quan trọng là... - Cụ già Ngụy Thiệu Xương hơi ngập ngừng nhưng cuối cùng vẫn nói - nhân tâm kinh hoàng, ai cũng sợ bị cuốn hút vào các phong trào. Vừa “chống hữu phái” xong thì đã có ngay “tân tam phản” phản quan liêu, lãng phí, tham ô, dần dần phát triển thành “tứ thanh”. Cứ mỗi lần phong trào phát động lên là y như bỏ học, bỏ làm đua nhau khai hội, phát giác, vạch mặt, nêu tên và đấu tố.

- Chỉ ngần ấy thôi ư? - Tôi hỏi.

- Nếu thế đã may, dễ sợ nhất là tự sát đi với phong trào, Liễu Hòa Thương người của công ty điện ảnh Quốc Hoa chịu không thấu “tân tam phản” nên nhảy lầu quyên sinh, người ta đồn đại với nhau, phong trào nào cũng đều thí mạng, ngay như phong trào vệ sinh, lau cửa kính không cẩn thận vẫn có kẻ lao đầu châu Diêm vương...

- Không khí xã hội chắc căng thẳng lắm?

- Rất căng thẳng, trên đường Nam Kinh từng có một hiệu ảnh đã phóng to câu khẩu hiệu “khoan hồng với người thành khẩn, nghiêm trị với kẻ chống cự” đặt chung vào tủ kính bên cạnh những chân dung nam thanh nữ tú, khiến thiên hạ tưởng nhầm họ được tuyên dương là thành khẩn - Ngụy Thiệu Xương cười châm biếm - nhà văn có thể tưởng tượng nổi một thời mà tủ quảng cáo hiệu ảnh biến thành bảng thông tin chính trị, khách đi qua ngăm mỹ nhân và nhân thể đọc luôn khẩu hiệu.

Ảnh của Diêu Diêu có trong cái tủ kính kỳ quái đó, hay tin này, cô và bà Thượng Quan Vân Châu liền học tốc lấy ảnh trở về, nghe nói câu khẩu hiệu kia đã được in dưới chân dung cô gái, Diêu Diêu bức tức vô cùng, nhưng ông chủ hiệu thanh minh, cách mạng chỉ thị như thế. Và ngày 6 tháng 6 năm 1963, cách mạng đã nã phát súng đầu tiên vào Học viện Âm nhạc Thượng Hải, tất cả các giáo sư dương cầm, vĩ cầm, thanh nhạc trong đó có hiệu trưởng Hạ Lục Thịnh bị triệu tập khai hội để nghe đảng ủy nhà trường giảng bài “Muôn ngàn lần không được quên đấu tranh giai cấp”, hôm đó Hạ hiệu trưởng sa sầm mặt xuống, ông không đồng tình với chủ trương bãi khóa, kéo nhau đi nông thôn, lãng phí thời gian học tập và các phong trào chính trị bất tận, chưa hết đợt này liền tiếp đợt khác, và kết quả là Hạ tiên sinh đã bị phê phán, đã trở thành mục tiêu đấu tố mãi tới sau này khi “văn cách” đạt đến cao trào.

Trong khi đó cô sinh viên Diêu Diêu chẳng hay biết gì về thời cuộc, từ ngày vào ký túc xá sinh sống tập thể với bạn bè cô tỏ ra vui tươi hoạt bát và rất tích cực mưu cầu tiến bộ, Diêu Diêu tham gia đội kịch nói nhà trường, dám thủ vai chiến sĩ cách mạng, cố gắng lắm mà cứ diễn không giống, trong phòng ngủ giường của Diêu Diêu trật tự ngăn nắp nhất, nhưng quan trọng hơn cả là cô thiết tha được gia nhập đoàn thanh niên cộng sản. Có lẽ Diêu Diêu chưa cảm nhận nổi không khí căng thẳng trong xã hội năm 1963 mà cụ Ngụy Thiệu Xương vừa kể, giống như mẹ mình cô muốn trở thành người có danh tiếng, có tiền đồ chính trị, được Đảng tín nhiệm. Trong những buổi học tập tinh thần Lôi Phong, liên hệ với tấm gương sống chất phác, chịu đựng gian khổ của người chiến sĩ quân đội, Diêu Diêu đã mạnh dạn tự khai báo cô có những 13 chiếc áo len, quả là xa xỉ. Diêu Diêu chẳng nói ra thì chắc chắn không có ai biết được điều này, nay biết rồi mọi người mới nhảy thót lên, sao nhiều thế, chỉ cần hai ba áo là đủ thôi.

Năm thứ nhất ở Học viện, Diêu Diêu được bình chọn là sinh viên tích cực học tập Lôi Phong, và cuối cùng cấp trên phê duyệt cô vào đoàn, lúc bấy giờ Trọng Uyển là bí thư chi đoàn và đồng thời cũng là người giới thiệu Diêu Diêu. Bà nói:

- Diêu Diêu được kết nạp vào đoàn, một sự kiện lớn lao, không dễ dàng gì và đến nay tôi vẫn chưa tưởng tượng nổi, rất có thể là Diêu Diêu đã nỗ lực phi thường.

- Nỗ lực bằng cách nào? - Tôi hỏi.

- Trong đơn xin vào đoàn Diêu Diêu đã viết:

“Tôi khát khao được tổ chức giáo dục để trưởng thành nhanh chóng, tôi nhất định sẽ nỗ lực học tập trước tác của Mao Chủ tịch, dẫn thân vào ba phong trào đại cách mạng, thông qua thách thức, rèn luyện mà tự giác cải tạo

tư tưởng, kiên quyết đấu tranh với những suy nghĩ tư sản đang lớn vồn trong đầu. Tôi lập chí phấn đấu suốt đời vì cách mạng thế giới, vì sự nghiệp tiêu diệt giai cấp tư sản và đập tan chủ nghĩa tư bản ở đất nước Trung Hoa!”

Đọc những dòng này chúng tôi rợn gáy, chẳng hay ai đã dạy Diêu Diêu mà “kêu to” đến thế, chi đoàn nhận xét cô chưa thật chân thành, giữa cô và bạn bè vẫn giữ một khoảng cách, điều quan trọng nữa là Diêu Diêu không chịu khai báo hết về mình, về gia đình mình...

- Sau đó Diêu Diêu làm thế nào mà được vào đoàn?

- Cô chủ động tìm đến các đoàn viên để trao đổi tâm tình, vừa khai báo, vừa nghe ngóng nhận xét và quyết tâm đấu tranh với tư tưởng danh lợi nơi người mẹ tư sản - bà Thượng Quan Vân Châu.

- Đấu tranh bằng cách nào?

- Thoạt đầu là không nhận quần áo, giày dép mà mẹ mua sắm cho mình, sau đó nâng cao hơn là phê phán, thậm chí chửi bới bản thân và cả mẹ nữa. Nhà văn thông cảm, thời ấy nó như vậy, chửi càng dữ, càng chứng tỏ mình cách mạng, sạch sẽ và giác ngộ, Diêu Diêu không thể ngoại lệ, nếu muốn trở thành đoàn viên. Anh hay chị không làm như thế là lạc hậu, là không thành khẩn, là còn ẩn giấu những điều bí mật nguy hiểm, vì vậy tất cả chúng tôi liều thân khai báo, sạch sành sanh như người lỏa thể, không còn chút riêng tư, mọi người đều đơn nguyên, độc tuyến. Trường hợp không còn gì để mà nói thì phải bịa ra, phải cường điệu, phải phóng đại, ví như ra phố thấy người bày bán quần áo đẹp, mình muốn mua, muốn mặc, khi trở về sinh hoạt chi đoàn đã nâng lên thành tư tưởng hưởng lạc của giai cấp tư sản, cứ thế hết tư tưởng này đến tư tưởng khác mà vện vào thân.

Thật xót thay cho Diêu Diêu, vì để được vào đoàn mà đã phê phán gia đình, chửi bới mẹ, vạch ranh giới với mẹ và dùng những phương thức đó

nhằm mục đích vỗ ngực mình là cách mạng.

- Tự chửi mình, rồi chửi mẹ, làm như vậy nhẽ nào không đau lòng? - Tôi hỏi bà Trọng Uyển.

- Tất nhiên là xót xa như dao cắt, nhưng còn cách nào nữa?

- Diêu Diêu có thật muốn vào đoàn, muốn tiến bộ hay không?

- Muốn thật mà, vì lạc hậu, vì đứng ngoài đoàn là nguy hiểm, rất dễ bị đẩy ra rìa, rất dễ bị xã hội loại bỏ, với một thiếu nữ mới mười mấy tuổi, điều đó đáng sợ vô cùng.

Nghe nói bà Thượng Quan Vân Châu rất phấn khởi vì sự tiến bộ của con gái, bà theo đoàn làm phim đi khắp nơi quay ngoại cảnh và không quên biên thư cho Diêu Diêu động viên, căn dặn “hãy cẩn thận làm người”. Những lúc Diêu Diêu lấy danh nghĩa cách mạng công khai “nhọn mồm” với bà, Thượng Quan đều “câm miệng”, không ra uy mắng nạt hay tát tai như ngày xưa nữa, có lẽ Vân Châu quá sợ cách mạng mà hành xử như vậy chẳng. Theo truyện ký viết về Thượng Quan, đây là thời bà rất mực mưu cầu tiến bộ, bà tham gia đội công tác giáo dục đường lối xã hội chủ nghĩa đi nông thôn hoạt động “tứ thanh” (bốn thanh toán) cùng ăn, cùng ở, cùng lao động với nông dân, ban ngày ra đồng làm việc, ban đêm họp hành tới khuya. Lao lực, lao tâm đã khiến Thượng Quan thổ huyết, bà chẳng nói, chẳng rằng, súc miệng sạch sẽ cho hết máu rồi trở lại họp hành như thường.

Tôi nghĩ bà liều thân như vậy là muốn kéo dài cuộc đời sân khấu, trường quay, bà hiểu rất rõ, một khi Đảng không xem anh hay chị là người của mình thì anh hay chị đừng hòng mà đóng phim, diễn kịch. Bà khác hẳn với Hùng Thập Lực, ông ta chỉ cần cây bút và tờ giấy là có thể sáng tác, viết ra những điều muốn viết, chẳng cần biết ai xem, ai đọc, còn Thượng Quan, nếu không được ra sân khấu, không được lên màn bạc là xem như kết thúc. Từ năm

1940, phấn đấu trở thành một ngôi sao điện ảnh là mộng ước, là khát vọng đeo đuổi, là ý nghĩa sinh tồn của bà, và bà đã hy sinh tất cả bản thân mình cho lý tưởng đó. Năm ấy Thượng Quan Vân Châu đã 45, cái tuổi hoàng kim của một diễn viên, tâm trí, tài năng, kỹ xảo đều thành thục, chín muồi, sức sáng tạo rất dễ dàng bột phát, nhưng cũng là cái tuổi đáng sợ nhất đối với người phụ nữ, đứng trước gương soi và cảm thấy ngày một tàn phai, vì vậy nếu chẳng may không được biểu diễn đi nữa thì phải gấp gáp ghi hình, chụp ảnh, kéo tốc độ già nua nhanh như nước chảy.

Bà Thượng Quan Vân Châu âu lo, suy tư đến mức ấy nhưng chẳng hề tâm sự với Diêu Diêu, bà không muốn con gái phải vì mình mà bị ảnh hưởng, đó là cái thời trong gia đình chẳng muốn giữ gia phong, mọi thành viên mặc sức tìm cách thích nghi chính trị. Tuy vậy Ước Bá lại có kiến giải khác, theo ông:

- Diêu Diêu sở dĩ tích cực mưu cầu tiến bộ là do sức ép gia đình, tác dụng của gia đình mạnh hơn xã hội, ở nhà trường chúng tôi chịu ảnh hưởng như nhau, nhưng phản ứng là không ai giống ai, nguyên nhân vì mỗi người có một gia đình. - Ông kể tiếp - năm đó chị tôi đã hưởng ứng lời kêu gọi của đảng ủy nhà trường hăng hái viết đại tự báo (báo chữ lớn) phê phán lung tung, kết quả không trở thành cách mạng, ngược lại bị quy oan hữu phái và tổng lên Thanh Hải lao động cải tạo. Đêm chia tay chị tôi gục đầu lên vai cha mà khóc nức nở, từ đấy cả nhà tôi không mưu cầu tiến bộ nữa, tôi cũng chẳng cần phấn đấu vào đoàn để mà làm gì, cha tôi khuyên, với chính trị càng xa càng tốt. Thời kỳ hầu như tôi không hề nói chuyện với Trọng Uyển và Diêu Diêu, bởi cả hai lúc đó đều là đoàn viên thanh niên cộng sản, “càng xa càng tốt”.

Mùa đông năm thứ nhất ở học viện Diêu Diêu cùng các đoàn viên đi nông

thôn tham gia phong trào cách mạng giáo dục chủ nghĩa xã hội, giống như bà Thượng Quan Vân Châu, Diêu Diêu đã có hơn hai tháng “ba cùng” với nông dân, ban ngày lao động, ban đêm họp hành. Tóm lại, “tiến bộ” là câu nói cửa miệng của gia đình Thượng Quan Vân Châu những năm 60.

(“Ba cùng”: cùng ăn, cùng ở, cùng làm)

- Bà còn nhớ hồi ấy Diêu Diêu có một người bạn trai.
- Cùng là sinh viên Học Viện Âm Nhạc Thượng Hải?
- Dạ không phải, kỹ sư nghiên cứu tàu chiến, hình như bà Thượng Quan Vân Châu cũng biết người này.

Trọng Uyển cười thất vọng, bà nói:

- Sau đó đơn vị anh kỹ sư biên chế thành quân đội, và theo kỷ luật nhà binh, nếu cứ yêu đương đi lại cùng Diêu Diêu, anh ta phải rời quân ngũ, vì lý lịch bên gia đình Thượng Quan quá ư phức tạp. Hay tin này, Diêu Diêu chủ động cắt đứt quan hệ với viên kỹ sư và cũng không nói cho ai biết chuyện tình bi đát nêu trên. Thời kỳ đó những việc như thế thường xuất hiện, người có thành phần gia đình bất hảo đi đến đâu cũng bị húc vào tường, và tôi không ngờ Diêu Diêu lại hăm hiu đau đớn nhường kia.

Thế là lần thứ hai trên tình trường Diêu Diêu gặp trắc trở, người thanh niên đầu tiên của cô vì sợ liên lụy thành phần lý lịch đã nhát gan đem lá thư quý báu Diêu Diêu hiến dâng nộp lên tổ chức mong được thoát thân, còn giờ đây Diêu Diêu tự nguyện cứu nguy cho bạn mình, “giải phóng” anh ra khỏi một gia đình “đen ngòm” bởi thành phần lý lịch, để anh tiến thân, để anh công thành danh toại. Thật trớ trêu thay cho nhân vật “hạt bụi” của chúng ta, cô không giống như Ước Bá hoàn toàn đoạn tuyệt với chính trị, cam chịu đứng ngoài rìa, bị xã hội bỏ rơi, khác hẳn Diệp Dữ Nhân lý thẳng tình ngay, dám đương đầu cùng thế sự, không thể xởi lởi vô tư kiểu Trọng Uyển và

càng đối lập, tương phản Trình Thuật Nghiêu bị tát má bên này lại chà thêm má bên kia cho người ta đánh nốt, Diêu Diêu luôn đứng cạnh bờ vực những trường hợp cực đoan, không hiểu lắm, không cam tâm lắm và không nhất quán lắm. So với gia đình Ước Bá, mẹ con Thượng Quan Vân Châu và Diêu Diêu có vẻ hơi ngây thơ, họ lầm tưởng rằng có thể phấn đấu để vượt lên số phận, chính trị đẩy họ tới một giới hạn nào đó, có thể là cực đại, có thể là chót vót, và từ tuyệt đỉnh ấy mà lật nhào thảm khốc.

Tôi cảm thấy mẹ con họ không thật thân với nhau, nhưng lại tương đồng như hai giọt nước.

Tôi đã nhìn thấy tấm ảnh chụp chung của ba mẹ con Thượng Quan Vân Châu, Diêu Diêu và Đăng Đăng, đó là một ngày hè năm 1965, Đăng Đăng đã rất lớn, cao hơn cả chị, anh vừa từ Bắc Kinh xuống Thượng Hải thăm nhà. Đi học trở về, Diêu Diêu mừng quá, hỏi Đăng Đăng đâu, biết rằng em đang tắm, chị vẫn chạy thộc vào buồng ôm cho được Đăng Đăng ngay trong bồn nước. Cách đó mấy hôm bà Thượng Quan Vân Châu và Diêu Diêu đều mới về lại Thượng Hải sau một đợt công tác khá lâu ngày ở nông thôn. Diêu Diêu cùng sinh viên Học viện Âm nhạc Thượng Hải đi Phụng Hiền và ở đó đúng bảy tháng tham gia phong trào tứ thanh, cho nên ta có thể nhìn trên tấm ảnh da dẻ chị đã sạm chắc bởi vừa dài dầu nắng gió vùng biển. Các thầy cô trường nhạc về nông thôn Phụng Hiền đã sáng tác nhiều ca khúc mang sắc thái dân dã, còn sinh viên thì tranh thủ thời gian cũng dàn dựng một số tiết mục để biểu diễn báo cáo ở Thượng Hải. “Không quên nỗi khổ giai cấp” là một bài hát mới ở nông thôn hồi phong trào tứ thanh mà Diêu Diêu từng biểu diễn, lời ca có đoạn “trên trời đầy sao và trăng sáng, dưới đất đội sản xuất khai hội tổ khổ kêu oan”, ca từ mộc mạc ngây ngô là thế, nhưng qua giọng hát của cô gái Thượng Hải Diêu Diêu ý tứ bỗng trở nên mượt mà, êm ấm, khiến người trong ngành âm nhạc đều chẳng thấy khổ, thấy oan đâu cả. Nghe nói học sinh sinh viên về nông thôn vung tay “bốn thanh toán” cũng mạnh mẽ lắm, cũng bức tử nhiều phú nông, địa chủ, cũng gây cho đám con em họ nhiều nỗi đảo điên. Tương tự ở thành phố nhiều nhà tư sản tuy đã công tư hợp doanh, tuy trong tay không còn một tài sản nào nữa, vẫn bị bức đi học tập cải tạo ở ven đô. Dưới lá cờ đấu tranh giai cấp, quan hệ giữa người và người bắt đầu cọ xát đâm chém lẫn nhau, tôi chẳng rõ bà Thượng Quan Vân Châu và chị

Diêu Diêu đã cảm nhận được điều này hay chưa.

Tấm ảnh ba mẹ con họ giờ đã ngả vàng, bốn cạnh đều cắt răng cưa, tuy đơn giản mà lại rất trau chuốt, đặc trưng cho các hiệu ảnh ở Thượng Hải những năm 60. Ba nhân vật mẹ, con trai, con gái toàn mặc sơ mi màu trắng, một loại trang phục giản dị nhất lúc bấy giờ, có cái gì đó khiến người ta cảm thấy sự gò bó, nghiêm túc, lạnh lẽo của thời đại. Con người bắt đầu xóa mờ bản ngã, nghĩ cách trà trộn với nhân quần, ngõ hầu tìm một chút ấm áp nơi tập thể, có lẽ gia đình bà Thượng Quan Vân Châu phải làm như thế, chẳng còn cách nào khác. Một màu trắng trơn tru như quả trứng, điểm ba nụ cười hồn nhiên và bóng đen của ánh đèn chiếu, mà nguồn sáng rọi từ phía trái.

Đây là một hiệu ảnh nổi danh của Thượng Hải thời ấy, khách đến chụp ảnh xin mời đăng ký viết hóa đơn ở dưới lầu, nhận một phong bì đựng ảnh rồi lên lầu giao cho thợ. Người đàn ông nọ đang bận rộn “tút” lại các tấm ảnh, cặm cụi làm việc và nói băng quơ “gương lược đấy, hãy tự chỉnh lý trước đi”. Thật là cái thời quá ư hà tiện, hà tiện cả lời ăn tiếng nói, và dùng từ rất đổi ngây ngô, sao không gọi chải đầu, trang điểm mà chỉ cộc lốc hai chữ “chỉnh lý” giống như tóc tai là một loại đồ vật mà thôi. Hiệu ảnh cẩn thận dùng sợi dây đay nối cái lược với đỉnh trên tường, chỉ có thể chải, chứ đừng hòng đánh cặp, răng lược chải chung nhiều cái đầu và còn lưu giữ nhiều mùi vị, thỉnh thoảng dính lại tý chút va-dơ-lin “chơi sang”, khiến người ta tưởng tượng khách vừa chải chắc là một tay viên chức ngân hàng, tuổi đã trung niên mà vẫn thích ăn diện.

Thuở nhỏ tôi cũng từng đến hiệu ảnh này, tôi còn nhớ phòng chụp ảnh không lớn lắm, nhưng hay hay, chẳng có cửa sổ, mà không khí trong phòng thì sặc mùi chua của thuốc hiện hình từ buồng tối bên cạnh bay sang. Giữa phòng đặt một băng ghế gỗ, bề mặt rộng hơn các loại ghế thông thường, góc

phải là giá đèn chiếu với những cái bóng khá to hình trống, giống như nhân cầu người cận thị độ cao, còn dưới sàn cơ man là dây điện thô tháp bò ngoằn ngoèo, mỗi lần khách đi qua đi lại, ông thợ ảnh không quên nhắc nhở, cẩn thận kéo vướng dây làm đổ đèn. Hình như ông thợ ảnh nào cũng giống nhau, có chút gì đó ra vẻ tài năng, phong lưu nhưng chẳng đáng, tôi sợ hạng người này vì cảm thấy không bao giờ làm họ hài lòng. Nhưng tôi nghĩ, Thượng Quan và con cái của bà không đến nỗi như vậy, bởi không khí ở trường quay từng khiến họ hưng phấn lắm rồi, mỗi một khi ánh đèn bật sáng là đôi mắt diễm huyền của họ lại như kim cương rực lên, tỏa ngời. Ông thợ ảnh chui đầu vào cái hộp trùm khăn đen kịt và qua ống kính ngắm nhìn họ hồi lâu rồi bước lại sửa sang tư thế, đẩy nhẹ vai người này, bảo người kia hơi nghiêng một tí. Chẳng rõ tốp thợ ảnh ôn hòa hay giả tạo mà nói năng cứ nhỏ nhẹ, thăm thẳm, “nào chếch sang trái một tí, thế, thế, tí nữa, rồi, tốt lắm” hết như người lớn nựng trẻ con, hoặc một cậu chàng đối đãi với bạn gái mà hẳn đã chán chường nhưng vẫn tỏ ra lịch sự, nhẫn nại và không khỏi cảm phiền. Đoạn trở lại với cái hộp trùm khăn đen, ngắm nhìn khách lần cuối, rồi lôi ra quả bóng cao su, vẩy vẩy trong tay và bắt đầu chọc cười. Bởi vì ông ta làm bộ tài giỏi, phong lưu nên chỉ cần nhắc trông là bạn đã tức cười, đợi tới lúc ông ta “nựng” ông ta “dỗ” mới thật khôi hài, dẫu khó tính mấy bạn cũng sẽ cười toe toét và thế là bấm máy, xong một kiểu ảnh. Nếu bạn không cười thì người thợ ảnh sẽ không vui, bởi vì đứng chân trong những hiệu ảnh tiếng tăm ở Thượng Hải vô lễ lại đi chụp một tấm hợp ảnh gia đình mà buồn thiu buồn thiu hay sao.

Tôi ngắm kỹ tấm ảnh của gia đình bà Thượng Quan và nhận ra ngay nụ cười thỏa hiệp ôn hòa ở Đặng Đặng, “ờ đã bảo là cười, thì cười, chứ mất mát gì”, lúc bấy giờ anh hẳn còn là một thiếu niên sống nhờ nhà ông nội, anh

thấy quần áo của các anh, chị thúc bá hể mỗi lần đổi mùa là lôi ra từ thùng to tủ nhỏ hết như ba má anh dưới Thượng Hải, còn của anh, xuân hạ thu đông tất cả đều bỏ chung vào một cái giỏ đan bằng cọng cây liễu, và bất kỳ lúc nào cũng có thể mang theo một cách dễ dàng, anh dùng riêng thau và khăn rửa mặt, mọi người rất khách sáo đối với anh, bởi họ đâu phải là cha sinh mẹ đẻ ra anh. Anh khâm phục hay nói đúng hơn là ngưỡng mộ chị Diêu Diêu từng bị má mắng chửi, tát tai, má là người thân, má là ruột thịt nên bà mới làm như thế, má thương con, má quý chị thì bà cần chi khách sáo. Còn nay bà Thượng Quan và Diêu Diêu đều phải gượng cười, nhất là Diêu Diêu, chị đã dùng sức lực mới có thể làm cho làn môi hé nở, kỳ thực thì chị đang rất trẻ, vẫn chưa hiểu cách thức nguy tạo một nụ cười hay một cái mặt nạ. Phần Thượng Quan, bà biết mình già rồi, đang phát phì, thật giống như từ mẫu đoan trang yên ổn, tôi chỉ có thể nhìn qua đôi mắt mà nhận thấy bà chẳng được vui, dầu chúng diễm huyền và hơi cong xuống.

Năm 1965, đây là lúc Diêu Diêu chia tay với anh kỹ sư trẻ và bà Thượng Quan đã không được diễn kịch hay đóng phim nữa, người ta cũng gạt bà ra khỏi danh sách văn nghệ sĩ thường có may mắn tham dự những cuộc đón chào Mao Chủ tịch. Diêu Diêu chính thức là đoàn viên thanh niên cộng sản, chị lớn lên nhiều và hiểu rõ vì sao mình đã mất cả cha lẫn bạn trai, vì vậy chị phải thay tên đổi họ thành Vi Diệu theo bên mẹ, ghi rõ ràng trong thẻ sinh viên. Bà Thượng Quan Vân Châu vừa về già vừa lâm bệnh, số phận không cho bà thực hiện nổi ước mơ, được đóng một bộ phim nào đó để bộc lộ, phát huy hết mọi tài năng, thế mà giờ đây bà vẫn cứ nỗ lực, bà chưa biết trong cặp vú của mình những tế bào ung thư đang sinh sôi nảy nở, đang trở thành nguy cơ chực nuốt chửng gia đình bà. Bà và con gái Diêu Diêu cứ một mực nỗ lực, phấn đấu, họ ôm ấp cái thế giới quan “sự tại nhân vi”, con người quyết

định tất cả, vì vậy mà liều thân cho danh hiệu một thanh niên đỏ, một diễn viên hồng, chỉ riêng Đấng Đấng thì khác, với anh là “muôn sự tại trời”.

Đúng vậy, bên ngoài xã hội phong trào này tiếp nối phong trào kia như sấm dậy đùng đùng, liên miên không dứt, chắc chắn là Thượng Quan Vân Châu và Diêu Diêu nhất định phải nghe thấy những tiếng sấm này, nhưng có điều họ không biết vì sao lại nổi sấm, càng không biết chúng sẽ xé tan những lớp bảo hộ bởi ba cái áo trắng kia, dầu đó là cờ trắng đầu hàng, chúng cũng chẳng thương tình hay tha thứ. Ba nụ cười, ba cái áo trắng của họ vào mùa hè năm 1965 tựa như ánh sáng leo lét, tội nghiệp tỏa ra từ quả trứng đang nằm dưới tảng đá. Có lẽ người viết quá ư đa tâm nghĩ ngợi, cũng do ngày ngày ngắm nhìn ảnh họ, cũng do ngày ngày cùng “đi” với họ, nay đứng ở thời điểm 40 năm sau khi xảy ra sự việc tôi đã có thể đoán được cuộc đời họ rồi sẽ đi tới đâu.

Tôi đã gặp Trình Ngọc Tiên bạn học với Diêu Diêu, ông cho biết, tháng 6 năm 1965, Diêu Diêu trở về trường sau đợt công tác tứ thanh ở nông thôn Phụng Hiền, tháng 9 thì Học viện Âm nhạc Thượng Hải biên chế sinh viên toàn trường thành 17 phân đội, mỗi phân đội do các giáo viên trẻ dẫn đầu, mỗi tuần xuống nhà máy nửa ngày vừa lao động vừa tham gia biểu diễn nghệ thuật. Tháng 11, lại là phong trào học tập Vương Kiệt, một chiến sĩ kiểu Lô Phong, thầy trò khẩn trương luyện tập, dàn dựng tiết mục để biểu diễn trong đêm “Ngợi ca Vương Kiệt”, Diêu Diêu đứng trong dàn đại hợp xướng và đã hát hết mình với những bài “Một lòng vì cách mạng”, “Cùng bí thư vượt qua ngàn dặm”, “Thay trời đổi đất, chiến đấu với thiên nhiên” và nhất là “Tỏ rõ tráng khí trước Hồng Tùng Cương”, loại ca khúc chỉ mới nghe giới thiệu tựa đề là đã hùng hực lửa.

Năm 1965, Diêu Diêu đã là sinh viên năm thứ ba, theo gợi ý của Trương

Xuân Kiều - Trưởng ban Tuyên truyền thành ủy Thượng Hải, đảng ủy Học viện Âm nhạc Thượng Hải - trường mà Diêu Diêu đang theo học - đứng ra tổ chức phê phán viện trưởng Hạ Lục Thing. Thoạt đầu sinh viên vẫn còn được lên lớp, chỉ chiều thứ hai, tư, sáu hàng tuần thì tập trung học tập văn kiện Đại cách mạng văn hóa. Đến hạ tuần tháng 5, đảng ủy yêu cầu đình chỉ học tập để huy động toàn bộ sinh viên và giáo chức vào phong trào đấu tố Hạ viện trưởng. Tại đại hội đấu tố người ta bắt Hạ tiên sinh già cả, thân hình gầy còm đội cái mũ nhọn làm bằng bìa cứng màu trắng, hóa trang thành quỷ sứ như các truyện cổ tích Trung Hoa. Trong vườn trường nho nhỏ của học viện dán đầy 4000 tờ báo chữ lớn, học viện có hơn 300 giáo chức, nhân viên mà 116 người đã bị nêu tên trên mặt báo.

Năm ấy tôi học lớp 1, ba má về nhà ăn cơm tối rất muộn, còn anh tôi thì ở hẳn trong trường để làm cách mạng, nhà chỉ mỗi tôi với bà cô già, lúc nào cũng văng vẳng tiếng loa cường độ mạnh gắn trên các xe ô tô chạy khắp hang cùng ngõ hẻm, người ta gọi chúng là xe tuyên truyền của sinh viên, tôi háo hức muốn đi xem những chiếc xe tuyên truyền đó, nhưng bị bà cô ngăn lại, bà nói, đàn bà con gái phải tránh xa chỗ nào náo nhiệt, vả lại loa phóng thanh la hét cái gì chúng ta làm sao hiểu nổi, tỷ như “cách mạng vô tội, tạo phản có lý”... Trọng Uyển kể rằng, viện trưởng họ Hạ bị giam trong trường không cho về nhà. Hạ Nguyên Nguyên - con gái út Hạ viện trưởng, năm ấy 18 tuổi, mới vào học viện học môn vĩ cầm, bổ sung:

- Và đâu đâu cũng hát mỗi bài ca “Ra khơi nhờ tay lái vững” để ca ngợi Mao Chủ tịch và luôn mồm đọc như vẹt những lời của ông ta. Ba tôi bị đưa đi “du đấu” (đấu tố lưu động) trong trường, không sót một xó xỉnh hay bộ môn nào, tôi và chị Hạ Hiếu Thu không được vắng mặt trong những buổi “du đấu” đó, lúc hô khẩu hiệu “đả đảo tên đầu trâu mặt ngựa Hạ Lục Thing” thì

mọi người trợn mắt giám sát chị em tôi có giờ tay hay không. Học viện Âm nhạc Thượng Hải lúc bấy giờ chia thành 141 tổ chiến đấu, tất nhiên con em thuộc “hắc ngũ loại” (năm thành phần đen) như chúng tôi thì nằm ngoài tổ chiến đấu. - Tôi nghi ngờ và hỏi:

- Rất có thể khi ấy Diêu Diêu đang có mặt trên xe tuyên truyền, vì tôi đã thấy ảnh Diêu Diêu múa điệu chữ “trung”, người đeo kính đứng hàng sau chính là Diệp Dữ Nhân, sinh viên khoa chỉ huy của học viện, có phải không thưa bà Trọng Uyển - Trọng Uyển lắc đầu:

- Chúng tôi đều là sinh viên có thành phần gia đình phi công nông, riêng Diêu Diêu thì lại càng nghiêm trọng, cha cô ta ở Mỹ, mà Mỹ là kẻ thù số 1 của nhân dân Trung Quốc lúc bấy giờ, mẹ là diễn viên điện ảnh xã hội cũ nên Diêu Diêu không đủ tư cách leo lên xe tuyên truyền đi hò la cho tư tưởng Mao Trạch Đông, giỏi lắm thì người ta để yên đứng dưới đất mà nhìn, phải như Yến Khải - con cán bộ “hồng ngũ loại” (năm thành phần đỏ) mới hòng này nọ, anh ta thuộc lớp sinh viên tạo phản đầu tiên của học viện.

- Khi ấy Diêu Diêu đã quen với Yến Khải? - tôi hỏi.

- Hình như chưa, Yến Khải học sau Diêu Diêu một năm, ngành thối sáo khoa âm nhạc dân tộc.

Trương Tiểu Tiểu, bạn thân của Diêu Diêu lên tiếng:

- Thực tình thì Đại cách mạng văn hóa đã thai nghén từ lâu, tôi còn nhớ một hôm ba tôi thăm thì gù đó với má, rồi òa ra mà khóc. Ba má cho tôi hay ở tòa báo người ta kết tội ông là phái học thuật phản động, nêu tên lên báo chữ lớn, dặn tôi đừng lộ chuyện ra bên ngoài, sau đó đến lượt chị tôi cũng bị công kích. Buổi ban đầu báo chữ lớn là ghê gớm lắm, chĩa vào ai là người đó chỉ có tiêu, thế mà ba vẫn lựa lời an ủi chị, thật tội nghiệp cho ông.

- Ở đâu cũng có báo chữ lớn hay sao? - Tôi hỏi.

- Mãi sau mới đại trà.

- Còn nhà anh thì thế nào? - Tôi quay sang Đấng Đấng.

- Chị tôi nói, nhà chúng tôi ở đường Kiến Quốc Lộ dán kín báo chữ lớn, tất cả đều bêu xấu má chúng tôi, nhiều bài lời lẽ bẩn thỉu, mất dạy. Lúc ấy má đã phẫu thuật chữa bệnh ung thư vú, hễ ai đến gõ cửa là bà run bắn lên, cho nên Hạ Lộ đành để ngỏ, ảnh chụp của má, kể cả ảnh diễn kịch, đóng phim đã bị Hồng vệ binh soát nhà đem ra đốt, số còn lại ông Hạ sợ quá cũng thiêu hủy luôn, 20 năm sau khi má được phục hồi danh dự tìm một tấm hình đặt lên bàn thờ truy điệu mà chẳng có.

Bước sang năm 1966, ngoài đường phố Thượng Hải tràn đầy cảnh tượng hãi hùng, Hồng vệ binh bắt đầu lấy kéo cắt những mái tóc xoắn, xẻo những quần ống chèn và lột giày cao gót, quyết triệt nọc “lối sống” Tây Âu, tư bản chủ nghĩa và đêm đêm rực ánh lửa, nơi này đốt sách, chỗ kia thiêu đĩa hát, băng nhạc. Tháng 8, phó giáo sư khoa âm nhạc dân tộc, người đầu tiên của học viện tự sát, bà Thượng Quan sau phẫu thuật bỏng nói năng rất khó khăn, phải có người “thông dịch”, thế mà tháng 9 Diêu Diêu vẫn lên đường đi Bắc Kinh đến Quảng trường Thiên An Môn để nghe Mao Chủ tịch hiệu triệu Hồng vệ binh cả nước. Tháng 9 năm 1966, tình thế cách mạng đổi thay, phái tạo phản ngoi lên vũ đài chính trị, kẻ ngày xưa đánh người, đấu người nay đến phiên bị đánh, bị đấu, ông Mao quyết một phen làm cho thiên hạ đại loạn, phe này phái kia, nhưng ai cũng tôn ông là “mặt trời đỏ trong trái tim” của họ. Con em năm thành phần đen được đổi ngôi là “có khả năng giáo dục” và yêu cầu phải phân vạch ranh giới với cha mẹ, nghĩa là cách mạng bắt đầu đi vào mỗi gia đình, trò đã đấu thầy cô, nay đến lượt con đấu cha mẹ.

- Nhưng chị tôi và tôi đã không làm như vậy - Hạ Nguyên Nguyên cương nghị - Chúng tôi xuống nhà ăn và chẳng ai ngồi cùng bàn, cuối cùng chị Hạ

Hiếu Thu phải quyên sinh vì ba, ba tôi lắc đầu bảo Hiếu Thu quá ư đại dốt, sao không bình tĩnh chờ thời, sau đêm tối, ắt sẽ đến khi trời sáng.

- Tôi cũng thế - Trương Tiểu Tiểu đồng tình - ba tôi là họa sĩ, ba tôi rất tốt, có sao lại đi cắt bỏ quan hệ cha con với ông.

- Vậy còn Diêu Diêu? - Tôi hỏi mọi người, tất cả đều im lặng, hình như họ muốn nói “chị ấy đã chìm trong cách mạng”...

Nhà ga Thượng Hải người đông hơn trẩy hội, ai cũng ăn mặc như nhau một màu xanh quân phục, ngực cài huy hiệu Mao Chủ tịch, chen chúc lên tàu một cách thân ái, bởi “chúng ta đều là Hồng vệ binh của người”, không phân nam nữ, giới tính. Trên ghế, dưới sàn và cả dàn hành lý, chỗ nào cũng nê chặt người, bởi vì chính phủ đã chỉ thị cho ngành đường sắt thi hành chế độ miễn phí. Đoàn tàu bị nhuộm đỏ với muôn ngàn ngọn hồng kỳ, đoàn tàu như một dàn loa cường độ lớn liên tục phát ra tiếng hát lời ca và cứ ở mỗi ga lại bổ sung thêm Hồng vệ binh, cho tới lúc đến Bắc Kinh thì hóa thành tổ ong, toàn là người đeo bím. Ba ngày ba đêm nhịn ăn, nhịn uống, nhịn đại tiểu tiện, nhịn rửa mặt để làm cách mạng, để đến được Bắc Kinh nhìn thấy người và tung hô “vạn vạn tuế”. Tại trạm tiếp đón ở Bắc Kinh, Diêu Diêu và Trọng Uyển được phân về Học viện Âm nhạc Trung ương, tự động tìm một phòng học còn trống để ngã người lấy lại sức ngày mai tập trung ra Quảng trường Thiên An Môn. Trọng Uyển ngủ khì, còn Diêu Diêu cứ trần trọc, nằm xuống ngồi lên không sao chớp mắt nổi vì xung quanh chị toàn là mùi lạ tập trung từ bốn phương tám hướng về đây.

Mao Chủ tịch đứng trên xe jeep mũ trần giơ tay nhẹ vẫy, xe của ông lướt giữa biển người, đi tới đâu là nơi ấy rộ lên “vạn tuế, vạn vạn tuế” râm ran như sấm dậy. Trên thế giới hiếm có một quảng trường nào rộng như Thiên An Môn, thế mà chẳng thừa phân vuông nào để trống, kín hết chân người,

các ký giả năm 1966 đã hình dung “thật là biến đỏ”. Lẫn trong tiếng hô khẩu hiệu, đọc sách đỏ, hát bài ca cách mạng là lũ trẻ cảm động, sung sướng khóc hu hu.

- Khóc giàn giụa, cả tôi và Diêu Diêu đều thế. - Trọng Uyển thuật lại.

Mao Trạch Đông quả là nhân vật kỳ lạ, ông đã có một cái uy, một sức hấp dẫn, cuốn hút triệu triệu trái tim con trẻ vào trào lưu đại loạn, nổi loạn cho hả giận mà chẳng hề biết chung cuộc sẽ là gì.

Diêu Diêu mượn cớ đi đọc báo chữ lớn trên đường phố Bắc Kinh một mình tìm đến trường Dục Anh để gặp em trai Đặng Đặng, lúc này đã 15 tuổi, cũng ở hẳn trong trường vì sự nghiệp cách mạng, vẽ tranh Mao Chủ tịch, viết biểu ngữ và tham gia đội ca hát, luôn mồm chỉ mỗi bài ca “Hong vệ binh hành khúc”. Tôi hỏi lại anh chuyện 34 năm về trước:

- Chị Diêu Diêu có kể cho anh nghe là chị ấy đã đi dán báo chữ lớn ở Xưởng phim Thượng Hải để phân vạch ranh giới với bà Thượng Quan hay không?

- Không.

- Chị Diêu Diêu đã biểu thị như thế nào khi báo cho anh biết bà Thượng Quan bị đấu tố, hành hạ, hoặc lo lắng, hoặc đau lòng?

- Cũng không luôn.

- Chị Diêu Diêu có nói rõ lý do vì sao lại đi Bắc Kinh?

- Chị ấy bảo để kết bè kéo mảng với Hồng vệ binh cả nước.

- Còn để nhìn thấy Mao Chủ tịch lần thứ tư gặp gỡ Hồng vệ binh nữa chứ?

- Điều ấy thì chị Diêu Diêu không nói.

- Chị Diêu Diêu lúc đó thế nào?

- Rất vui, có vẻ rất bận, chị em nói chuyện với nhau đâu được một lát thì chia tay.

Trong chuyến thượng kinh ấy cũng có Hạ Hiếu Thu và Hạ Nguyên Nguyên, hai chị em họ không ra Quảng trường Thiên An Môn hòa trong biển đỏ mà đi tìm Chu Ân Lai kêu oan cho cha mình - viện trưởng Hạ Lục Thing.

Tháng giêng năm 1967, “Nhân dân nhật báo” đăng bài “Yêu nước hay bán nước” của Diêu Văn Nguyên (người cùng với Giang Thanh, Trương Xuân Kiêu và Vương Hồng Văn hợp thành “Bè lũ bốn tên”) bắt đầu nã pháo vào kịch bản “Thanh cung bí sử” do Diêu Khắc (cha đẻ của Diêu Diêu) sáng tác để mở cái màn hạ bệ chủ tịch nước Lưu Thiếu Kỳ. Bài viết của Văn Nguyên nhắc lại lời buộc tội mà Mao Trạch Đông đã chụp cho Diêu Khắc “đó là một văn nhân đại phản động”. Lúc này con gái Diêu Khắc vẫn đang đeo băng đỏ, tượng trưng cho quyền lực cách mạng tối thượng ở Trung Quốc. Vì sao người của Mao lại dễ tính như vậy, nguyên nhân là do ai trong Học viện Âm nhạc Thượng Hải cũng đều rõ, rằng lúc Diêu Diêu chưa biết nói, cô bé đã bị Diêu Khắc “bỏ rơi”, tội nghiệp cho đứa trẻ không cha, bà Thượng Quan Vân Châu từng là vợ họ Diêu nên đã không tránh khỏi búa rìu của Xưởng phim Thượng Hải, nhưng ở đây Nhạc viện thì chưa đụng chạm tới cô sinh viên Diêu Diêu.

Chủ tịch nước Lưu Thiếu Kỳ đã bị đấu, bị cách ly, bị giam hãm và bị khai trừ đảng tịch, quan to quan nhỏ của chính phủ bị quy kết thành “phái đường quyền đi theo con đường tư bản chủ nghĩa” và bị phế truất khỏi cương vị cũ. Một đợt soát nhà, phân vạch ranh giới, du đấu, phê đấu, cách ly, tự sát nữa lại rộ lên vào mùa xuân năm 1967, và thêm một lớp người mới đã lâm trận, sa vào bẫy của Mao. Gió cách mạng thổi bùng lên bão táp và đến mùa thu năm đó cửa trường bỗng mở, để học năm môn: Tư tưởng Mao Trạch Đông, đấu học, lao động học, quân sự thể dục học và một tí chuyên môn, nhưng thực tế chẳng có ai lên lớp, đại bộ phận giáo chức đang bị nhốt ở chuồng trâu, còn sinh viên thì lại say sưa với cơn cuồng si đỏ.

Cũng như nhiều cán bộ bị đoạt quyền, bị đả kích, gia đình Yến Khải đã không hồng như xưa, cha anh bị quy chụp thành “người đại lý của Lưu Thiếu Kỳ” ở Cục công nghiệp hóa chất, thuộc phái đi theo con đường tư bản và tất nhiên không tránh khỏi số phận bãi quan, đưa ra đấu tố, nhà cửa bị soát xét rồi niêm phong. Yến Khải phải dẫn em út trèo qua cổng hậu để “lấy trộm” một ít vật dụng cần thiết. Tương tự, cha của Diệp Dữ Nhân mang tội danh đặc vụ bị tổng ngục, sóng gió cách mạng đã cuốn luôn vô số gia đình cách mạng, và trong nháy mắt đỏ biến thành đen, tuy vậy con em họ vẫn hằng say tạo phản, đại loạn mà, ai nhanh tay người ấy đoạt được quyền, khôn sống bổng chết, lên voi xuống chó là lẽ thường tình.

Hạ Lục Thing đang bị giam hãm, ông không khuất phục và chẳng cần tự sát, nhà âm nhạc quật cường, anh dũng, đờm chút ngậy thơ ngày đêm chuẩn bị tài liệu tố cáo cách mạng, rằng “tôi vô tội”. Trong khi đó Diêu Diêu theo bạn bè lập nên phân đội tuyên truyền tư tưởng Mao Trạch Đông tự động rời khỏi nhà trường kéo nhau đến các chốt tiền tiêu Đông Hải, vùng ven biển Tô Bắc biểu diễn lưu động cho các chiến sĩ quân giải phóng, cô về nhà lấy một ít quần áo ấm để qua đông.

Nhà của chị giờ thành bãi chiến trường, cơ man là báo chữ lớn, chửi bới nhục mạ Thượng Quan Vân Châu, mùi chua của giấy và hồ mà Diêu Diêu quá quen thuộc nay sặc sụa cả mấy căn phòng. Nhà của chị đã bị lục soát không biết bao nhiêu lần, ai cũng có thể đến, học sinh, công nhân, dân phố, ưng cái gì thì mang đi cái đó, trước khi ra về còn hăm dọa bà Thượng Quan, thậm chí đã đánh đập con người bệnh hoạn ấy nữa.

- Má không thể nói cho con hay những điều tủi nhục. - Bà Thượng Quan chỉ thổ lộ như vậy với Diêu Diêu, nhiều bạn học thấy tình cảnh thương tâm khuyên chị đừng đi lưu diễn, hãy ở nhà với mẹ, nhưng Diêu Diêu vẫn trả lời:

- Má mình lại không muốn như thế.

Nghe nói khi ra đi Diêu Diêu mang theo tập ảnh, tất cả những tấm ảnh từ nhỏ, cùng má, cùng em, cùng bao nhiêu kỷ niệm, êm đềm cũng có mà buồn thương cũng nhiều, chị sợ để nó ở nhà sẽ không an toàn, sẽ bị cách mạng phá tan, nhưng tiếc thay trong một lần lưu diễn Diêu Diêu đã đánh mất nó, gia tài quý giá nhất của chị. Xe tải nhà binh mui trần chở Diêu Diêu cùng phân đội tuyên truyền tư tưởng Mao Trạch Đông tiến về miền duyên hải, vẫn hồng kỳ, vẫn biểu ngữ, vẫn ảnh của ông Mao cùng hành quân với đám trẻ, họ ôm ấp giữ gìn bức tranh sơn dầu “Mao Chủ tịch đi An Nguyên” vẽ một thanh niên vận trường bào màu xám, mắt dõi nhìn phía trước. Sau khi Lưu Thiếu Kỳ bị hạ bệ, bức tranh này rất được trọng dụng, thịnh hành, phe ông Mao muốn qua đó mà suy tôn ông không chỉ xứng danh thủ lĩnh nông dân, hơn thế nữa còn là lãnh tụ vô sản thợ thuyền, bởi vùng mỏ An Nguyên vốn thuộc về địa bàn khu trắng nơi Lưu Thiếu Kỳ đã dày công gây dựng phong trào cộng sản. Diệp Dữ Nhân - người đang đắm say với mối tình đầu cùng Trọng Uyển bỗng phát hiện sao chuyến lưu diễn lần này Diêu Diêu lại trầm lặng đến thế, thường ngồi một mình, chẳng nói chuyện với ai và hết như thế giới huyền bí với rất nhiều ẩn số. Về sau mới rõ, ấy là lúc Diêu Diêu và Yến Khải yêu nhau và mùa thu năm 1967 đã xao động cả đời chị.

Yến Khải là trang “đại hảo hán” Sơn Đông nhỏ hơn Diêu Diêu hai tuổi, phần nào chưa thành thực cho lắm. Với Diêu Diêu tâm tư tình cảm thường giấu kín trong lòng, nhưng Yến Khải lại thuộc loại người “trong suốt”, nội tâm được “viết” lên trên nét mặt. Cha Yến Khải là nhà cách mạng, là quân nhân xuất thân trong một gia đình nông dân Sơn Đông khá cùng khổ, giác ngộ giai cấp và một lòng vì Đảng, mẹ anh người Mông Cổ. Nếu theo quan điểm lúc bấy giờ, tình trạng như vậy là không “môn đăng hộ đối”, má Diêu

Diêu Diêu viên diện ảnh xã hội cũ, nay được lưu dung, còn ba chị, một văn nhân phản động đang sống lưu vong, nhưng họ vẫn yêu nhau. Nhiều bạn học nhớ lại, lần lưu diễn ấy phân đội tuyên truyền áp dụng hình thức quản lý quân sự hóa, Diêu Diêu và Yến Khải không đủ thời gian ở bên nhau để nuôi dưỡng tình yêu, có lẽ mỗi người đã tự cảm thụ, tưởng tượng mà đắm mình trong ái hà và sa chân vào lưới tình. Tất nhiên cũng không tránh được miệng thế gian, lên tiếng nhỏ to bảo Diêu Diêu “bán thân để dựa dẫm”.

- Tuy vậy thấy họ yêu nhau mà nhiều người đã “phát thèm”, đã ghen tị, nó đẹp như đông tàn xuân đến, như bao hình ảnh trong phim tình yêu ngoại quốc. Bản thân tôi lúc ấy cũng đang yêu, nhưng không được chói ngời, say sưa như họ - Trọng Uyển kể lại - Trở về trường, Yến Khải và Diêu Diêu chính thức công khai, chẳng hề giấu giếm gì cả, giữa thanh thiên bạch nhật Yến Khải ngang nhiên bông nõn Diêu Diêu lên xoay tròn đến là hạnh phúc, đến là cuồng si. Thật hiếm có một tình yêu như vậy giữa cái thời cấm dục và khổ hạnh. Diêu Diêu sung sướng, mặt đỏ bừng như quả táo và cười ré vang, một giọng cười như xé tan bao u ám từng trùm kín tuổi xuân.

Chu Tiểu Yến lúc ấy là giáo sư dương cầm đã kể: - Tôi không phải là Hồng vệ binh, nhưng không thể không tham gia Đại cách mạng văn hóa, tất nhiên thuộc phái “từ xa” bởi vì triết lý của tôi là lẩn tránh người khác, không tin bất cứ ai, không tin bất cứ điều gì, tự mình đơn độc hành động. Rồi đêm ấy, đã rất khuya, trên đường về ký túc xá, tôi nhìn thấy Diêu Diêu và Yến Khải đi bên nhau, ôm ấp vỗ về, tôi sững người và nước mắt bỗng trào tuôn, tôi thương cho họ quá chừng vì dự cảm mỗi tình này sẽ có một chung cuộc bi ai. Trong não trạng tôi chợt hiện lên hình ảnh bộ phim “Người thứ 41” của Liên Xô, một nữ Hồng quân và một nam Bạch vệ, kẻ thù đối địch của nhau, số phận đẩy họ lên hoang đảo không một bóng người và giữa họ đã bùng

cháy những cuộc tình trai gái, đẹp vô cùng, giống như Diêu Diêu và Yến Khải, nhưng đến một ngày nọ thuyền của Bạch quân cập đảo, chàng trai bỏ tình yêu chạy theo lý tưởng, cô gái buộc lòng phải bóp cò nổ súng, người thứ 41 đã gục ngã dưới tầm ngắm của nữ Hồng quân, điều oái ăm và trớ trêu chính ở chỗ chàng là tình nhân của nàng. Tôi không nghĩ Diêu Diêu và Yến Khải ai sẽ bắn ai, nhưng tôi cảm cảnh cho tình yêu của họ đang đâm chồi, nảy lộc trên mảnh đất cấm dục và khổ hạnh, không khéo cả hai đều bị bắn, vì lúc ấy họ đã yêu nhau đến mức như điên.

Mùa xuân năm 1968, tất cả nam nữ, đàn ông đàn bà, người lớn trẻ con ở Trung Quốc đều mặc một loại đồng phục màu xanh, ai bị báo chữ lớn nặc danh tố cáo là trai gái lãng nhãng, quan hệ yêu đương thì phải chịu hình phạt một đêm sỉ nhục, chẳng khác nào như Chúa bị đóng đinh trên cây thánh giá, sau một đêm ê chề đau đớn, họ bỗng già đi, và tới lúc bình minh nhiều người đã tự sát, yêu mà cũng là tội thì sống phỏng có ích gì. Những cô cậu học sinh, sinh viên hề phát hiện thấy “lếng phếng” là y như bị tổng đi Tân Cương lao động cải tạo, và sau đó người ta chẳng rõ họ đang ở xó xỉnh nào, có thể giữa những mỏ dầu bùn lầy ẩm thấp, có thể trên những cánh đồng rau cải hoa vàng, nhớ nhà, nhớ bạn, nhớ người yêu và rồi hóa điên, sống dở chết dở.

Mùa xuân mà lúc đó nhân danh cách mạng đã chà đạp, đã vùi dập một cách tàn nhẫn lên nhân tính con người còn để lại dấu ấn ở lũ nhỏ vừa lớn lên vào cái thời ấy, chúng mang một trái tim lãnh đạm với tình yêu.

Chính trong mùa xuân hà khắc đó, Diêu Diêu đã ung dung, tự nguyện bước vào phòng tập đàn của Yến Khải, ngày đêm quấn quýt bên nhau. Sự kiện nữ sinh Diêu Diêu thường không về ngủ ở ký túc xá đã nhanh chóng loan tin khắp trường, đây chẳng phải là chuyện nhỏ bởi vì nội quy đại học đã ghi rõ, trong thời gian học tập, ai yêu đương thì sẽ bị đuổi học. Đám sinh

viên vừa kinh qua đợt tẩy não, đợt tắm máu “loại trừ ái tình” không biết xử sự thế nào trước trường hợp sống chung như vậy của Diêu Diêu và Yến Khải, họ đành giả bộ ba không, chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng biết. Diệp Dữ Nhân giải thích:

- Đó mới là hạnh phúc, và chúng tôi mong cho Diêu Diêu hạnh phúc.
- Chị ấy nhất định phải sung sướng lắm vì chẳng sợ gì cả và mặc kệ mọi nội quy, kỷ luật, thật vậy sao - Tôi hỏi.
- Thật vậy mà, chẳng những sung sướng mà còn hạnh phúc lứa đôi, trai gái - Trọng Uyển trả lời. - Lúc ấy trong đội tuyên truyền tư tưởng Mao Trạch Đông cũng có nhiều đôi bí mật yêu nhau, nhưng không được dũng cảm, gan dạ, hồn nhiên, công khai như họ.

Thế mới biết ái tình một khi bị nhốt chặt, giam hãm, vẫn như cỏ dại gặp mùa xuân trời dậy, nảy nở sinh sôi rồi đốt cháy mọi gông cùm, oán hận, mọi nội tâm tạo phản hay bị tạo phản nhằm vươn tới cảnh giới thuần khiết giữa nam và nữ, như nàng Hồng quân và chàng Bạch vệ trên hoang đảo, như Diêu Diêu và Yến Khải trong phòng tập đàn, tạo hóa cho họ phục sinh trở thành Adam và Eva trinh nguyên. Hậu thế phải kêu lên, ôi tình yêu của cái thời cấm dục, thương thay cho Diêu Diêu và Yến Khải, những đoá hồng treo đầu họng súng, nhưng cũng mừng thay cho họ đã tự đào được một dòng suối mát chảy giữa sỏi phạn đẫm máu, biến nó thành ái hà để cùng đắm mình trong đó, chỉ tiếc là họ giống như những bông hoa nở lúc đông lạnh mà lại muốn diễm lệ, bùng sôi, mạnh mẽ trong mùa xuân ấm áp. Chuyện không nên xảy ra mà cứ xảy ra, âu cũng là lẽ thường, vì Thượng đế vẫn ngự trên thiên đường, vì con sông vẫn chảy giữa lòng sông, vì trẻ nhỏ vẫn nằm trong nôi xinh và thích đong đưa... nghĩa là chuyện ấy thật đáng xảy ra, đơn thuần, lặng lẽ.

Trong khi đó bên ngoài phòng tập đàn - tổ ấm của đôi uyên ương Diêu -

Yến, cuộc cách mạng văn sùng sục sôi, viện trưởng Hạ Lục Thing bị đưa vào nhà tù Thượng Hải, chị em Hạ Hiếu Thu và Hạ Nguyên Nguyên bị giam lỏng ở trường. Hiếu Thu không ngừng bị nâng cấp đấu tố, chị hiểu rằng phải tạo phản nhất định sẽ thanh toán mình và chị vẫn kiên trì bảo vệ cha, ngay trước mặt sinh viên vẫn dám khinh thường Diêu Văn Nguyên, một trong “tứ nhân bang” đang tác oai tác quái, là không biết gì về âm nhạc mà cũng đòi lên tiếng phê phán Hạ Lục Thing. Nhân khi người gác ngục bất cẩn, Hạ Hiếu Thu trốn về nhà uống thuốc ngủ, đóng chặt cửa, mở khí ga, nằm lên giường tự vẫn, một kiểu chết khá phổ biến của giới trí thức Thượng Hải lúc bấy giờ.

Ngày Hạ Hiếu Thu quyên sinh thì Diêu Diêu và Yến Khải đi du lịch Hàng Châu, họ như những người thoát ly thực tế, mặc kệ thiên hạ đấu đá ra sao, đây cứ say sưa tình cảm, tìm về chốn bồng lai tiên cảnh, chèo thuyền trên Tây Hồ, sóng đôi dưới rặng liễu và chụp khá nhiều kiểu ảnh, đến là tha thiết, yêu thương, duy có điều chẳng rõ vô tình hay hữu ý mà trên ống tay áo họ không hề đeo băng đỏ. Thoạt đầu ngắm nghía những tấm ảnh Diêu - Yến chụp ở Hàng Châu vào mùa xuân năm 1968, tôi xuýt xoa sao đẹp thế, nhưng sau mới hay là tại thời điểm ấy bà Thượng Quan Vân Châu đang sống mỗi ngày bằng cả một năm, còn Đặng Đăng tuy mới thiếu niên mà đã phải về Sơn Tây làm anh nông dân kiếm sống. Đó là lúc 136 nhân viên giáo chức của Học viện Âm nhạc Thượng Hải bị liệt vào danh sách “đối tượng phải thanh tra”, 98 người bị nhốt ở chuồng trâu và 26 người khác bị tra tấn đến tàn phế, đó là lúc các giáo sư âm nhạc do Hạ Lục Thing dày công mời từ ngoại quốc về trường dạy học đang lần lượt tự sát, ra đi, đó là lúc Hùng Thập Lực phản nộ với cụm từ “Đại cách mạng văn hóa”, ông viết nó khắp nơi, trên tường, trên bàn, trên sách, trên cả áo lẫn quần, cuối cùng tuyệt thực, tinh thần băng hoại và đi tới cái chết. Khi biết những điều này tôi trở nên nghiêm nghị

và nhìn ảnh hỏi chị Diêu Diêu: Sao nữa? Chị vẫn cười, một nụ cười như phải dùng sức lực mới hé được đôi môi, lộ hàm răng trắng. Tôi trách chị không có tâm can, chị đã có thể biến Hàng Châu trở thành hoang đảo, hay là chị cho rằng, ai có tâm can thì khó lòng sống nổi và do đó chị đã sớm chôn vùi tâm can mình ở một nơi nào đó không nhìn thấy. Như mọi người trên toàn thế giới thường muốn nắm mồ hoa nở để cái chết trở thành trang nghiêm và mỹ lệ, với Diêu Diêu nơi mai táng tâm can đã trồng một nụ cười, để làm gì vậy hỡi chị Diêu Diêu, cũng trang nghiêm, cũng mỹ lệ ư?

Sáng sớm ngày 23 tháng 11 năm 1968, Trọng Uyển nghe tiếng người kêu giật giọng “Vi Diệu (tức Diêu Diêu), nhà có chuyện, hãy về mau”. Sự thật phũ phàng là bà Thượng Quan Vân Châu nhảy lầu tự sát mới có thể làm cho Diêu Diêu tỉnh giấc mơ, mới có thể kéo Diêu Diêu từ hoang đảo ái tình trở về cùng cuộc sống đen ngòm những năm Đại cách mạng văn hóa.

Cả ký túc xá nữ bừng tỉnh dậy bởi tiếng gọi hãi hùng kia, vì cách đó mấy hôm một cô bạn tên là Đường Quân cũng “nhà có chuyện, hãy về gấp”, cũng tăng sáng tinh mơ như thế này và kết quả mẹ của Đường đã tự sát, còn giờ đây với Diêu Diêu thì sao. Chị vội vàng xuống lầu, mặt cúi gằm, chẳng nhìn ai để kịp theo người đến báo, mau về nhà, xem sự thể như thế nào, chắc chắn là dữ rồi, nhưng dữ nhiều hay dữ ít, chị tự đoán.

- Nhà văn có định viết chuyện bà Thượng Quan Vân Châu nhảy lầu tự sát hay không? - Một người đàn ông hỏi tôi, năm ấy anh là sinh viên khoa lịch sử Đại học Phúc Đán và ở cùng khu phố với gia đình Thượng Quan. - Nếu mà viết thì hãy đưa những tình tiết này vào, bà Thượng Quan nhảy lầu đúng vào lúc bình minh, chợ rau chưa mở cửa, những nông dân mang rau vào thành phố bán vẫn còn đứng chờ ngoài cổng và bà Thượng Quan đã rơi đúng giữa sọt rau, chắc nhà văn hồi nhỏ từng nhìn thấy các sọt rau đan bằng dây thép, hình bầu dục, to như mặt bàn. Cả sọt rau máu me đầm đìa, khi rơi xuống đó bà ta còn nói được vài lời, còn báo cho mọi người xung quanh là nhà bà ở đâu. Nhà văn biết không, những người nông dân đã dùng vòi nước xịt sạch máu bắn, chờ cổng chợ mở và đưa vào bán hết ngay hôm đó. Dân phố đặt bà Thượng Quan lên một chiếc xe ba gác đẩy tới bệnh viện...

Yến Khải cùng Diêu Diêu về đến nhà, hỏi má tôi đâu, ông Hạ Lộ trả lời ở bệnh viện, họ vội vàng chạy tới đó, thì người ta bảo bà ấy chết rồi và đã đem đi hỏa táng. Yến Khải và Diêu Diêu có mặt ngay ở lò thiêu xác và mới hay là bà Thượng Quan Vân Châu cùng với nhiều phần tử chống phá cách mạng khác vừa bị đốt chung tập thể, không có thể phân biệt tro cốt của từng người. Thế là sáng hôm đó Diêu Diêu bôn ba tìm mẹ, mà đến một chút tro tàn của

mẹ cũng chẳng có trong tay. Nghe nói một cán bộ cách mạng buộc Thượng Quan Vân Châu sáng ra phải thành khẩn trả lời, dồn bà đến chân tường, Thượng Quan vô kế khả thi, phải tìm đến cái chết, mang danh là chống phá cách mạng và Diêu Diêu trong nháy mắt đã trở thành con em phần tử phản động.

Tôi nghĩ Diêu Diêu phải đoán được vì sao mẹ mình đã tự sát, bởi đến như ông Hạ Lộ còn tiết lộ với đồng sự của mình rằng, một đêm nọ hai mẹ con họ từng hẹn nhau đến vườn hoa Puskin để to nhỏ điều gì, có lẽ đó là thời khắc vĩnh biệt giữa Thượng Quan Vân Châu và Diêu Diêu. Đấng Đấng không hề biết má và chị đã gặp nhau lần cuối ở vườn hoa Puskin, nhưng anh cảm thấy kỳ lạ là gần đây chị Diêu Diêu luôn nhắc nhở anh, Đấng Đấng ơi, hai chị em mình nhất định phải dựa vào nhau mà sống. Còn với bạn thân Trương Tiểu Tiểu, Diêu Diêu lại phân trần, có nhiều sự việc, nếu bản thân mình không biết, đôi khi an toàn hơn là biết, cho nên bạn thông cảm, Diêu sẽ không nói gì nữa và thế là bí mật vẫn được giữ kín tới tận bây giờ. Bà Thượng Quan Vân Châu chia tay con gái trở về nhà và chỉ kể cho người tình Hạ Lộ nghe, Diêu Diêu khóc từ đầu chí cuối, có vậy thôi.

Sau khi mồ côi mẹ, Diêu Diêu ở hẵn với Yến Khải, bạn bè nhạc viện bảo rằng, nếu không như thế cô ta làm sao mà sống nổi. Diêu Diêu biên thư gọi Đấng Đấng, năm ấy đã 16 tuổi đang lao động ở nông thôn Sơn Tây, xin phép về Thượng Hải có chuyện cần, chị vội vàng kéo em vào phòng tập đàn của Yến Khải, đóng chặt cửa và ôm lấy Đấng Đấng mà khóc nức nở:

- Má chết rồi, Đấng Đấng ơi, má nhảy lầu tự sát, rơi từ trên cao xuống đất.

Tôi hỏi, chị anh chỉ nói như vậy thôi ư, Đấng Đấng gật đầu, vâng, chị Diêu Diêu khóc nhiều hơn nói, có nói cũng rất đơn giản, và lại thời ấy tự sát, quyên sinh là chuyện thường tình, nên chúng tôi không cảm thấy có điều gì

bất ngờ.

- Chị em anh có đến xem nơi bà Thượng Quan đã nhảy lâu?
- Cũng không, vì hình như không nghĩ đến việc này.

Đặng Đăng ở lại Thượng Hải với anh chị Yến Khải và Diêu Diêu đầu gần một tháng, Đặng Đăng rất quý Yến Khải, khâm phục Yến lắm tài vật và xem Yến như người anh rể của mình. Với số học bổng ít ỏi và tội nghiệp của hai người, anh chị vẫn có thể dành dụm mua cho Đặng Đăng chiếc màn muỗi để tiếp tục đi nông thôn Sơn Tây lao động. Phần Diêu Diêu, chị cũng đang chuẩn bị cùng số sinh viên tốt nghiệp năm đó lên đường về nông trường khẩn hoang của quân đội ở Lật Dương - Giang Tô để thực hiện ba cùng (cùng ăn, cùng ở, cùng lao động) với nông dân, từ đó mà cải tạo tư tưởng, học tập nâng cao kiến thức qua thực tiễn sinh động của sản xuất và đấu tranh giai cấp. Vì do phải tiến hành Đại cách mạng văn hóa, nên tất cả sinh viên tốt nghiệp từ năm 1966 ở Thượng Hải cho đến lúc bấy giờ đều chưa được phân công công tác và họ chỉ còn mỗi con đường là nghe theo lời kêu gọi của Mao Trạch Đông lên núi, về nông thôn học tập công nông binh mà thôi. Diêu Diêu lần này ra đi cũng là do nguyên nhân đó. Yến Khải và Đặng Đăng có mặt ở Quảng trường Nhân dân rất sớm, đưa Diêu Diêu lên xe tiến về Lật Dương - Giang Tô.

- Hẹn gặp lại. - Diêu Diêu cười trong hai dòng nước mắt, vẫy tay chào tình lang và em trai yêu dấu.

- Hẹn gặp lại. - Yến Khải và Đặng Đăng cùng đáp. Ai cũng tưởng họ sẽ nhanh chóng đoàn tụ với nhau, giỏi lắm thì cũng vài tháng như hồi “tứ thanh” mà thôi, tới lúc ấy gia đình Yến Khải sẽ có những thay đổi về nhận thức đối với thành phần xuất thân của Diêu Diêu và biết đâu hôn lễ ắt được cử hành.

Tôi có gặp một kỹ sư máy tính hồi đó cũng đi lao động ở Lật Dương như Diêu Diêu, anh kể, Lật Dương rất nghèo và cuộc sống rất kham khổ, sợ nhất là cái khoản đi đại tiện ngoài đồng, lăm lăm trong tay cây gậy, nếu không sẽ bị lũ chó hoang cắn mất mông, “làm ớn mắc oán”. Nội dung công việc vẫn như bao lần đi nông thôn, ban ngày cật lực ngoài đồng, nông dân làm việc gì, sinh viên học sinh làm việc đó, ban đêm thì hội họp liên miên, hết học tập tư tưởng Mao Trạch Đông lại đến phát động nông dân đấu tố và đấu tố lẫn nhau, nghĩa là không bao giờ quét sạch kẻ thù, nghĩa là cuộc đấu tranh giai cấp không bao giờ ngưng nghỉ. Về tổ chức cách mạng, Hồng vệ binh tạm lảng, phái tạo phản ngoi lên và bây giờ là cái thời của tổ tuyên truyền công nhân, họ moi móc mọi chân tơ kẽ tóc của anh hay chị trong quá khứ, lâu lắc gì cho cam, chỉ mới vài tháng trước mà thôi, để có cơ phê anh hay đấu chị. Thế là Diêu Diêu đã lâm trận, tuy sống và lao động ở nông thôn, nhưng vẫn bị tổ tuyên truyền công nhân bắt cách ly, bắt viết kiểm thảo nói rõ cái tội yêu đương với Yến Khải và thậm vấn tra khảo:

- Chúng mày đã làm gì trong phòng tập đàn nhỏ bé kia?
- Chúng tôi yêu nhau.
- Yêu nhau nghĩa là như thế nào?
- Là tâm tình, là hôn nhau.
- Còn gì nữa?
- Là “sinh hoạt nam nữ”.
- Nói cụ thể hơn!
- Là làm cái việc như các người đã làm với bà xã của mình ở trong buồng, rõ chưa, cụ thể chưa?
- To gan, con đĩ tư sản!

Diêu Diêu nhớ mãi ngày hôm đó, mồng 8 tháng 3 năm 1970, ngày của phụ nữ và chị không cần giữ gìn gì nữa, nói toạc ra những gì bí mật nhất, đẹp nhất của người con gái, nhưng chị nào ngờ cách đó hai hôm, mồng sáu, Yến Khải, tình lang của chị, anh rể tương lai của Đăng Đăng đã ra đi mãi mãi. Tháng 3 năm 1970, toàn bộ sinh viên còn lại của Học viện Âm nhạc Thượng Hải đều bị huy động về nông thôn lao động, đấu tranh tư tưởng và đến lượt Yến Khải phải làm con cừu non tế thần cho lực lượng cách mạng mới trỗi dậy - tổ tuyên truyền công nhân. Họ nhắm vào cái tội yêu đương của Yến với Diêu mà đánh anh tơi tả.

Trọng Uyển kể lại, Yến Khải từng cho bà xem một con dao cạo của thợ cắt tóc, sắc bén vô cùng, bà hỏi để làm gì, Yến trả lời, có khi dùng đến nó, rồi xếp dao lại bỏ vào ba lô lên đường đi nông thôn. Ngày 6 tháng 3 năm 1970, Yến Khải dùng con dao ấy để kết liễu đời mình ở một miền quê nào đó, không đủ nghị lực, không đủ kiên nhẫn, chịu đựng để trở về Thượng Hải kết hôn cùng Diêu Diêu và thật chẳng ngờ hôm chia tay nói lời “hẹn gặp lại” ở Quảng trường Nhân dân lại là thời khắc sinh ly tử biệt giữa đôi uyên ương Yến - Diêu, để cho kẻ hồng nhan Diêu Diêu phải một lần bạc mệnh, vừa mất mẹ nay đã góa chồng và nhiều năm sau chị im lặng thờ anh, dấu hôn lễ chưa thành nhưng giữa họ từng nên tình nên nghĩa. Trước nhà dân nơi Yến Khải đóng quân có một dòng sông khá sâu và nước chảy xiết, nhưng anh chẳng thèm trẫm mình, anh giữ cả túi y tế của đội lao động, nhưng cũng chẳng nghĩ tới chuyện uống thuốc tự tử, phòng anh nằm có ruộng cao, cột chắc và Yến Khải dễ dàng treo cổ quyên sinh, nhưng anh bỏ qua mà chọn cách “dã man” nhất đối với thân mình, dùng dao cạo sắc bén kia lần lượt cắt hết mọi mạch máu rồi rạch bụng và đắp chặn năm “ngủ”. Máu trong người anh tràn ra, đỏ cả manh chiếu lẫn tấm vải trên mình, thân hình co thắt lại khiến chẳng ai

nhận ra đó là Yến Khải. Trọng Uyển kêu lên: Yến Khải ời sao nữ hận đời đến thế, Diêu Diêu vẫn mong ngóng chờ đợi cậu kia mà.

- Phần chúng tôi cũng chẳng gì hơn. - Trọng Uyển kể tiếp - Tôi và Diệp Dữ Nhân đều bị nhốt riêng, chịu đựng tra khảo, cũng cái tội trai gái yêu đương, cuối cùng Diệp của tôi đã phát điên và sống ở bệnh viện tâm thần Thượng Hải! Ôi cái mùa thu rừng rợn năm 1970. Sau đấy chúng tôi sợ hãi, chạy tan tác, về nhà giữ lấy thân và không ai dám bén mảng tới trường hay ký túc xá nữa.

Diêu Diêu sống lang thang lúc ở nhà cũ của mẹ, khi đến với Trương Tiểu Tiểu trên đường Diên An cứ mỗi lần ông Hạ Lộ - tình nhân bà Thượng Quan - xuất hiện là Diêu Diêu phải sơ tán, chị ghét cay ghét đắng người “chú” này kể từ ngày ông ta thế chân Trình Thuật Nghiêu và giờ đây lại tỏ ra rất dè dặt, nhiều đêm Hạ Lộ bất chợt gõ cửa, Diêu Diêu không kịp di chuyển chị đành ngủ ngồi trong phòng vệ sinh cho tới sáng. Diêu Diêu rất thích đến thăm “ba” Trình Thuật Nghiêu và bà Ngô Yên - vợ sau của ông, chị vẫn gọi Trình là “ba” như ngày nào, rồi được đáp lại “ôi cưng” vô cùng thân thiết. Nhà của ông bà Trình và Ngô không được ở đường Hoài Hải nữa vì đây là tuyến giao thông quan trọng dẫn tới sân bay Hồng Kiều, dân cư sống hai bên dứt khoát là thành phần cách mạng, ai bất hảo và có vấn đề buộc phải đi nơi khác. Trình và Ngô dọn đến căn hộ sau chợ rau, ông vẫn ngày ngày gác cổng và soát vé ở rạp chiếu phim, còn bà đang là thời kỳ bị quản thúc, vận quần áo xanh công nhân lao động cải tạo với nhiệm vụ quét rác ngoài chợ và khơi thông cống rãnh. Ngô Yên giờ đã già, so với Thượng Quan Vân Châu bà đỡ hơn nhiều, không bị đấu tố, không bị chỉ trích trên báo chữ lớn, người ta xếp ông bà thuộc loại “hồ chết”, vô sản hóa là đủ rồi. Ngô Yên rất thương Diêu Diêu, mỗi lần cô cháu gặp nhau bà thường nấu các món Thượng Hải cho chị

ăn và nghe chị hát, bà thích đoạn ca từ Lý Thiết Mai trong vở “Hồng đăng ký”, thuở còn con gái bà cũng là tay đào kép, cũng môi son má phấn dưới ánh đèn sân khấu nên nhiều lúc Ngô Yên đã giúp Diêu Diêu sửa chữa những chỗ hát chưa thật hay.

Rồi một hôm người bạn cũ của Trình Thuật Nghiêu, ngày xưa từng là đồng học, từng cùng nhau biểu diễn ở đoàn kịch nói Trung Lữ, nhờ manh mối thế nào đó đã tìm tới đây - Ngũ Nguyên Lộ thăm Trình. Ông ta ngâm lại đoạn thơ Hamlet một thời vang bóng và hai người ôm nhau khóc, bà Ngô Yên thấy vậy cũng động lòng trắc ẩn, nước mắt cứ thế mà tuôn trào. Trong hoàn cảnh nhiều nhường này, bạn cũ người xưa còn sống, còn nhớ mà gặp lại nhau là rất quý, dần dà thân mật như một gia đình. Ông dẫn cả cô con gái với bà vợ trước và cậu con trai với bà vợ sau đến thăm, làm quen hai bác Trình - Ngô, ông kể, bà vợ sau đã qua Mỹ từ lâu, nghe đâu đang làm phiên dịch cho cơ quan Liên hiệp quốc, ông ở lại Thượng Hải “gà trống nuôi con” và nay Khải Khải đã bắt đầu trưởng thành.

Mùa hè năm 1971, Diêu Diêu 27 tuổi, chị mất sạch, cha, mẹ, gia đình và tình lang, chị thất nghiệp vì nhà trường không chịu phân công công tác, nhưng số phận dun dủi đã cho chị gặp Khải Khải, họ trở thành đôi tình nhân, dẫu Khải nhỏ thua Diêu đến mười tuổi, dẫu ban đầu Khải đã gọi Diêu là “chị”. Trương Tiểu Tiểu kể rằng, năm ấy Khải Khải mới 17, đang là học sinh cao trung chưa tốt nghiệp, anh ta người cao lớn, có vẻ nho nhã hơn Yến Khải ngày xưa, anh ta đọc rất nhiều sách và có cái tài thuật lại những điều tâm đắc sau khi đã nghiền ngẫm mỗi tác phẩm, khiến người nghe rất say mê. Nhưng điều đáng nói ở Khải Khải là rất gan dạ, trong hoàn cảnh Đại cách mạng văn hóa hà khắc như vậy, trong khi Trung Quốc xem Mỹ là kẻ thù số 1, giao thông bưu điện đều đoạn tuyệt, hai nước cũng không đặt quan hệ ngoại giao,

thế mà Khải Khải vẫn thiết lập được một đường dây liên lạc với mẹ đẻ đang sinh sống bên đó, anh sẵn có nỗ lực quyết tâm, hễ gặp được cơ hội dù nhỏ bé, mong manh đến đâu cũng tranh thủ tẩu thoát, bỏ Trung Quốc, chạy sang Mỹ gặp mẹ. Chẳng những thế Khải Khải còn giúp Diêu Diêu nối được liên lạc với ông Diêu Khắc - cha đẻ của mình, hiện thời Diêu tiên sinh đang sống ở Hawaii, là giáo sư dạy môn lịch sử Trung Quốc cho khoa Đông Á của một trường đại học.

Diêu Diêu và Khải Khải ngày càng thân mật, ngày càng mặn nồng trong tình yêu đôi lứa, một người mong gặp cha, một người ước gặp mẹ, mục tiêu của họ là nước Mỹ và không hẹn mà gặp họ có chung một cảnh ngộ, vì vậy chẳng có sức mạnh nào, chẳng có ai tách chia nổi họ. Trình Thuật Nghiêu phản đối mối tình này, theo ông, đó là sự biểu hiện của “loạn luân”, ai đời chênh lệch những mười tuổi, khác nào như chị em với nhau. Lấy tư cách là “ba” ông kéo Diêu Diêu đến chỗ bà Thượng Quan Vân Châu nháy mắt tự sát và bắt chị thề rằng, từ nay không đi lại cùng Khải Khải nữa. Diêu Diêu chỉ khóc chứ chẳng nói lời nào và thế là chị cũng mất luôn người “ba” ấy, cha con Trình - Diêu xem như đã đoạn tình, từ đó cho tới lúc qua đời, Diêu Diêu không một lần đặt chân trở lại căn nhà trên đường Ngũ Nguyên của Trình Thuật Nghiêu, chị mãi mãi cách xa.

Ngày 7 tháng 12 năm 1972, cuối cùng thì các sinh viên tốt nghiệp của Học viện Âm nhạc Thượng Hải cũng được phân công công tác, nhà trường yêu cầu họ phải đến Bệnh viện trung tâm khu phố Từ Hồi để khám sức khỏe. Trọng Uyển tới chậm, lúc cô vào cổng bệnh viện thì gặp Diêu Diêu đi ra, vẻ mặt buồn rầu, hai người chẳng chào hỏi gì cả, mãi sau mới biết chuyện là các bác sĩ vừa khám thấy Diêu Diêu đã có mang hơn bảy tháng.

- Tôi vội vàng đuổi theo Diêu Diêu thì cô ta đã đi xa. - Trọng Uyển thuật lại - Về tới trường tôi liền báo cáo ngay với đội tuyên truyền công nhân, lưu ý họ xem chừng Diêu Diêu, kéo nghỉ quần, làm liều, sinh chuyện. Người của đội tuyên truyền bảo tôi đi tìm Diêu Diêu, tôi hỏi Hạ Lộ - bố dượng của Diêu Diêu, ông này rất lạnh nhạt trả lời, cô ấy đi đâu tôi cũng chẳng rõ. Trưa hôm sau Diêu Diêu điện thoại nhờ nhà trường báo cho tôi là cô ta đã rời khỏi Thượng Hải, đừng tìm nữa. Nhưng bằng đi mấy tuần chúng tôi thấy có hai người áp giải Diêu Diêu trả về cho nhà trường, cô ta mặc áo bông rộng và trông rõ bụng đã rất to, Diêu Diêu cúi gằm mặt xuống, chẳng thèm nhìn ai. Sự việc của Diêu Diêu nhanh chóng loan rộng cả trường, hóa ra thời gian vừa qua cô đã cùng người bạn trai của mình tìm cách vượt biên trốn ra nước ngoài, thế là vấn đề không còn trong phạm vi sinh hoạt, luyện ái nam nữ mà đã liên can đến chính trị và nói theo ngôn ngữ lúc bấy giờ, bọn họ nay trở thành phần tử chống phá cách mạng.

Ngày thứ hai ngay sau khi khám sức khỏe Diêu Diêu và Khải Khải trốn đi Quảng Châu, họ định bụng nhờ xe đưa đến Thâm Quyến mà thời ấy còn là một làng chài tiêu điều, hiu quạnh, trên con sông ranh giới với Hồng Kông người ta chăng lưới dây thép rất cao. Từ Thâm Quyến họ sẽ bơi qua dòng

sông này là tới Hồng Kông, nghĩa là tới được Mỹ, thỏa lòng mong ước đoàn tụ cùng cha, cùng mẹ. Nhưng tại nhà ga xe lửa, Diêu Diêu và Khải Khải mới hiểu ra rằng, muốn đi Thâm Quyển phải có giấy giới thiệu đặc biệt, hai người đành dừng chân ở lại Quảng Châu tìm cách đối phó. Họ tha thẩn dẫn nhau ra cảng sông Hoàng Phố, thấy cơ man là tàu ngoại quốc neo đậu, họ đến bến xe ô tô thì rõ ràng không có tuyến nào đi Thâm Quyển cả, họ về khách sạn và được biết là rất nhiều Hoa kiều hồi hương thăm viếng thân nhân, càng khiến họ nóng lòng muốn gặp cha, gặp mẹ. Rồi một hôm ngồi trên dốc cao nhìn đoàn tàu chở toàn heo xuất khẩu chạy về hướng Hồng Kông, Khải Khải bỗng nảy ra ý định “trà trộn với đàn heo”. Diêu Diêu và Khải Khải mỗi người giữ một bản địa chỉ sẽ liên lạc sau khi gặp nhau ở Hồng Kông, và Khải Khải quyết định đi tìm tàu hàng. “Đêm ấy chúng tôi chia tay nhau ở bến xe buýt, hẹn sáng mai sẽ gặp lại tại khách sạn, Khải lên xe, tôi lủi thủi về ngủ một mình”, Diêu Diêu đã viết như vậy trong tờ khai báo.

Sáng hôm sau, rồi sáng hôm sau nữa, Khải Khải vẫn không về, tiền lương đã cạn, Diêu Diêu đành điện báo sang Hồng Kông hỏi tung tích Khải, nhưng vô hiệu, không ai hồi đáp, cô báo công an tìm người, và cũng chẳng có kết quả gì hơn, cuối cùng chỉ còn cách cầu cứu Thượng Hải, gia đình xuất tiền, đội tuyên truyền công nhân nhà trường cử người đi áp giải. Về đến Thượng Hải Diêu Diêu mới biết, ngày 29 tháng 12 năm 1972, Khải Khải 18 tuổi đã bị công an tóm gọn trên đường trốn ra nước ngoài, cô than với Trọng Uyển rằng: “Do mình hết, vì mình mà Khải Khải liên can, đắc tội, khổ thân cho Khải Khải...” Người ta giam Diêu Diêu tại Nhạc viện, như vậy là nhẹ, đáng ra phải ngồi tù tới một gông, ngày 4 tháng 1 năm 1973, cô hoàn thành bản khai báo và 13 hôm sau thì sinh hạ đứa con trai đầu lòng, giọt máu của Khải Khải.

Bà đỡ cho Diêu Diêu sinh con ngày 17 tháng 1 năm 1973 vẫn còn sống, cụ kể rằng “cô ta chẳng quần quai kêu đau mà rất bình tĩnh thực hiện các động tác do tôi hướng dẫn”. Lúc hỏi chuyện tung tích của thằng bé thì cụ cự tuyệt và bảo rằng “đời tư người ta tôi không có quyền tiết lộ với nhà văn”, khi nghe Đăng Đăng giải thích anh là cậu ruột, nay vì chị mình mà tìm cách giúp đỡ cháu trai, cụ vẫn lắc đầu “thiên hạ cứ thích hiếu kỳ, vẽ chuyện, không khéo lại rách việc, hại người”.

- Diêu Diêu quyết định không nuôi con, cô cho vợ chồng người bác sĩ nọ đưa bé đã mang nặng đẻ đau, họ gửi lại cô hai trăm nhân dân tệ để gọi là bồi bổ sức khỏe. - Cụ già chỉ kể với chúng tôi ngần ấy, còn vợ chồng nuôi dưỡng đứa bé là ai thì cụ không biết, cũng có thể là không muốn nói ra.

Diêu Diêu chỉ còn lại hai người thân, ông Diêu Khắc - cha đẻ - đang ở tận bên Mỹ, biết lúc nào mới đoàn tụ gặp nhau, em trai cùng mẹ khác cha là Đăng Đăng thì chưa trưởng thành, tuổi tuy nhỏ nhưng sớm chịu nhiều ngang trái, chị thực sự bơ vơ giữa cuộc đời sóng gió. Phần nhà trường vốn đã có kế hoạch phân công Diêu Diêu về đội hợp xưởng đoàn ca nhạc Thượng Hải, nhưng vì hai trọng tội, chữa hoang và âm mưu vượt biên trốn ra nước ngoài nên họ thay đổi quyết định, tổng chị đi nông thôn làm công nhân nông nghiệp cho nông trường Hoàng Sơn. Diêu Diêu không chấp nhận, một mực cương quyết đòi ở lại Thượng Hải, chị bỏ tất cả đồ dùng cần thiết vào một cái túi, hể ông Hạ Lộ mà về là chị lại xách túi lang thang. Lúc này Trọng Uyển sắp lên đường nhận công tác ở Cát Lâm - vùng Đông Bắc xa xôi và giá rét, còn Trương Tiểu Tiểu thì chỉ được sáu mét vuông nhà ở, đành đắp điểm giúp Diêu Diêu độ nhật qua ngày. Giữa bước đường cùng như vậy may sao Diêu Diêu gặp được dì Thương.

- Thừa dì, ngày ấy cháu và má cháu đến doanh trại của dì xem các dì, các

chú dàn dựng vở “Bạch mao nữ”, má cháu nói phải học tập giải phóng quân diễn kịch cách mạng.

- Thế cháu đây là Diêu Diêu, con gái bà Thượng Quan Vân Châu đó ư? - Dì Thương sung sướng kêu lên và lấy làm ngạc nhiên - ngày ấy cháu còn nhỏ thế này này, trên đầu cài cái nơ con bướm, bây giờ đã lớn tướng, lại đẹp như hoa hậu, chả trách mà dì chóng già, nay thành bà lão.

Nữ cự chiến binh tên là Thương kể cho tôi nghe câu chuyện tình cờ gặp được Diêu Diêu sau bao nhiêu năm xa cách, bà nói, thoát đầu không ai biết Diêu Diêu đang đau khổ thế nào, cô ta nói chuyện rất có duyên và nhất là vui vẻ nhận lời khi mọi người yêu cầu hát, Diêu Diêu hát một cách hồn nhiên, nhưng tôi cứ thấy nghẹn nghẹn thế nào, mãi sau hàn huyên qua lại mới thấu tỏ ngọn nguồn, tôi thở dài não nuột, thương cho bà Thượng Quan Vân Châu chết sao mà thảm khốc thế, bà là người quen của chúng tôi và từ đó tôi tự nguyện nhận lãnh trách nhiệm cưu mang Diêu Diêu.

Hồi Đại cách mạng văn hóa gia đình chúng tôi cũng bị chỉ trích và chụp cho cái mũ “phái đi theo chủ nghĩa tư bản”, thật là trở trêu quá, đã đi lính, đã làm quân nhân chuyên nghiệp, đã từng sĩ tốt cho Đảng mà nay lại còn phái này phe nọ, thôi đành “ngậm miệng ăn tiền”, dẫu sao đó cũng là một đợt giáo dục, cảnh tỉnh. Tất nhiên trong quân ngũ, nếu người đàn bà nào phạm sai lầm về sinh hoạt nam nữ thì cả đời cũng không cất đầu lên nổi. Tôi còn nhớ ở đơn vị chúng tôi có một cô gái như thế, mọi người thi nhau chửi bới, cô gái chẳng còn mặt mũi nào nữa mà nhìn thiên hạ. Song đến thời Đại cách mạng văn hóa mới giác ngộ ra rằng mình hành động như vậy là quá ư tàn nhẫn, do đó lúc bấy giờ tôi hoàn toàn thông cảm với Diêu Diêu, tự xem mình như mẹ của cô ta vậy.

Giờ đây nhắc lại chuyện cũ, hình ảnh Diêu Diêu lại hiện lên trước mắt tôi

và văng vẳng đâu đây giọng nói của cô thủ thi mỗi tối trước khi chợp mắt “Dì Thương ơi dì Thương”. Diêu Diêu ăn ở với tôi đúng ba năm và theo hướng dẫn của tôi, ngày ngày có mặt tại Nhạc viện để thách giá, trả giá về vấn đề phân công công tác, kiên trì nguyên tắc “đông này xuân sau”, nghĩa là mùa hè mà chưa toại nguyện thì đợi đến mùa đông, mùa đông vẫn không xong, chớ nản lòng, hãy chờ mùa xuân tới. Quả nhiên nhà trường xuống thang dần, từ nông trường Hoàng Sơn đổi thành tỉnh Hồ Nam, nhưng Diêu Diêu vẫn không chịu, cứ đòi ở Thượng Hải với lý do độc thân, mồ côi, cuối cùng đành đưa về Hàng Châu - Đoàn ca múa tỉnh Triết Giang, đến đây thì Diêu Diêu phải ngã giá, chấp nhận, nếu căng quá là dễ đứt luôn. Tôi thở phào nhẹ nhõm, có công việc làm ăn, Diêu Diêu sẽ ổn định dần, rồi mới bàn tới chuyện thành lập gia đình, giúp cô sống cuộc sống bình an. Một tin vui nữa đến với Diêu Diêu là từ Mỹ, ông Diêu Khắc gửi thư về căn dặn cô hãy chờ đợi, ắt có ngày cha con đoàn tụ gặp nhau. Ông đưa ra ba địa điểm Trung Quốc, Mỹ hoặc Hồng Kông, nhưng vì Mao Trạch Đông thù oán ông, nếu dẫn xác hồi hương thì đứt khoát bị diệt vì vậy ông thiên về hai chỗ, Mỹ hoặc Hồng Kông. Diêu Diêu lóe lên niềm tin được qua Mỹ gặp cha, chịu khó học hành, làm lụng, đợi đủ tiền, sẽ về lại Trung Quốc tìm con.

Nhưng ngày 23 tháng 9 năm 1975, Thượng Hải vào thu, trời mưa phùn, thì sự cố xảy ra - Diêu Diêu bị xe ô tô cán chết, vé tàu hỏa Thượng Hải - Hàng Châu sáng 24 tháng 9 năm 1975 trở thành vô hiệu, sinh viên khoa thanh nhạc Học viện Âm nhạc Thượng Hải với tên họ chính danh Vi Diệu mãi mãi không bao giờ về Đoàn ca múa Triết Giang nhận công tác nữa. Và thật là kỳ lạ, chiếc xe đạp cô đi, cái túi cô mang đều nguyên vẹn, trong đó là tấm thẻ sinh viên và bức ảnh lịch sử chụp chung ba mẹ con bà Thượng Quan Vân Châu, Diêu Diêu và Đổng Đổng, toàn một màu áo sơ mi trắng, đồng

phục giản dị và gò bó nhất của dân chúng Trung Quốc thời Đại cách mạng văn hóa những năm 60.

Học viện Âm nhạc Thượng Hải tổ chức “nghỉ thức cáo biệt” Diêu Diêu, so với truy điệu thấp thua một cấp, người ta viện lý do Diêu Diêu chưa có đóng góp gì cả, vả lại đây là tai nạn rủi ro. Đưa tiễn Diêu Diêu về cõi vĩnh hằng chỉ khoảng 30 người, dì Thương, Đãng Đãng, Trương Tiểu Tiểu và cả Khải Khải vừa mãn hạn ra tù. Trương Tiểu Tiểu một mực nói như đinh đóng cột, mai đi Hàng Châu nhận công tác, hôm nay Diêu Diêu chắc muốn tìm ai đó dặn dò, tâm sự, nhưng trắc trở thế nào nên mới ra nông nổi, Khải Khải nghe vậy, chợt dạ khóc than, về sau bỏ đi mất hút và cho đến bây giờ chẳng rõ tung tích ở đâu.

Năm 1978, bà Thượng Quan Vân Châu được phục hồi danh dự, người ta kết luận “bà bị Lâm Bưu và bè lũ bốn tên Giang Thanh, Trương Xuân Kiêu, Diêu Văn Nguyên, Vương Hồng Văn bức tử”, hôm lễ truy điệu tìm mãi không ra một tấm hình của ngôi sao điện ảnh này vì cách mạng đã đốt sạch sành sanh.

Năm 1979, Học viện Âm nhạc Thượng Hải tổ chức lễ tưởng niệm những sinh viên và giáo chức hy sinh trong Đại cách mạng văn hóa, nhiều gương mặt quen thân được trưng hiện trên các tấm di ảnh, nhưng không có Diêu Diêu. Cũng năm ấy Đãng Đãng quyết định hai điều, rời Thượng Hải lên Bắc Kinh làm việc, dầu đây là nơi chôn nhau cắt rốn, nhưng với anh quả đã thấm đầy nước mắt. Ngoài ra anh còn đổi tên thay họ, từ nay gọi là Vi Nhiên, cũng như chị Vi Diệu (tức Diêu Diêu), anh muốn người đời hiểu anh là em ai, con ai.

Năm 1995, Đãng Đãng trở thành một biên tập viên kỳ cựu, anh quyết định căn cứ ngày sinh (17 tháng 1 năm 1973) lần tìm đứa bé, con trai, cốt nhục

của Diêu Diêu, nhưng chưa thành công. Mãi tới gần đây nhờ sự giúp đỡ của “Tân Dân văn báo” anh đã gặp được cha mẹ nuôi cháu, ông bà đều là những bác sĩ rất thật thà và nhân hậu, họ không muốn khuấy động cuộc sống yên tĩnh hiện thời của nó.

- Chúng tôi giữ kín các tư liệu báo chí có liên quan đến bà Thượng Quan Vân Châu cùng cô con gái, đợi cháu nó già dặn, trưởng thành và sớm muộn gì rồi cũng sẽ nói lên sự thực. - Vợ chồng người bác sĩ hứa với Đăng Đăng như vậy và anh yên tâm, không truy tìm nữa.

Bản thân tôi là người viết nên câu chuyện thương tâm này cũng phân vân, liệu nói rõ với chàng thanh niên đó, mẹ anh như thế này, cha anh như thế kia thì phỏng sẽ giúp đỡ được gì. Nhưng ngược lại có người lập luận, tại sao cứ lừa dối con trẻ mãi, hãy cho nó biết quá khứ, lịch sử một cách chân thực để nó càng nhận thức được hạnh phúc hiện tại đúng đắn chứ sao?

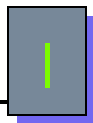
Xin dừng bút tại đây và thắp một nén nhang cho những hương hồn quá cố.

Trương Đan Yến

THỜI THANH XUÂN

Trương Hiền Lượng

Chọn từ: *Tuyển tập truyện vừa xuất sắc nhất của Trung Quốc năm 2000 - quyền thưởng* - do *Tuyển san tiểu thuyết* thuộc **Hội Nhà văn Trung Quốc** ấn hành.



Mãi tới những năm đầu của thập niên 80, lúc đã sống được hơn 50 tuổi, tôi mới biết là có từ ngữ “thời thanh xuân”. Ngày xưa chỉ mới nghe hai chữ “thanh xuân”, lần đầu tiên vào năm lên sáu, chẳng hiểu ý nghĩa là gì. Thầy giáo vỡ lòng của tôi là một vị tú tài cũ người nhà quê vùng Nam Ngạn Trùng Khánh, nhưng ông ta không phải là dân bản địa, mẹ tôi nói rằng, thầy cũng như chúng ta đều từ miền Giang Triết (Giang Tô và Triết Giang - ND) “chạy loạn” đến “bồi đô” (thủ đô kháng chiến của Trung Hoa dân quốc mà thời đó do Tưởng Giới Thạch làm tổng thống - ND) và bị người địa phương Tứ Xuyên gọi chung một loại “hạ giang nhân”. Bây giờ nhớ đến thầy, tôi thực sự khâm phục các họa sĩ vẽ tranh liên hoàn, các nhà hóa trang điện ảnh và phim truyền hình, họ đã tái hiện hình tượng những tiên sinh tư thực sao mà giống thầy giáo vỡ lòng của tôi đến thế. Vẫn cái mũ hình quả dưa đội đầu khiến tôi không thể nào quên được ông. Thầy chỉ dạy mấy đứa họ hàng gia tộc nhà tôi mà thôi. Không giống như các vị khác bắt trẻ thơ vỡ lòng bằng “*Thiên tự văn*”, “*Bách gia tính*”, “*Ấu học quỳnh lâm*”, mà thầy đưa ngay chúng tôi vào “*Đường thi tam bách thủ*”. Hình như thầy của tôi rất thích Đỗ Phủ vì vậy mà bài thơ đầu tiên tôi học là “*Vọng nhạc*”. “*Đại Tông phu như hà, Tề Lỗ thanh vị liễu*”. Con chữ thứ nhất đã gieo vào đời tôi là “đại”, một chữ “đại” xa xôi, lạnh lẽo, thầy bảo chốn ấy núi Thái Sơn mà cả đời tôi chưa tìm được nó. Rồi một lần thầy đọc: “*Kiểm ngoại hốt truyền thu Kế Bắc, Sơ văn thế lệ mẫn y thường. Khước khán thê tử sầu hà tại, Mạn quyển thi thư hỷ dục cuồng. Bạch nhật phóng ca tu túng tửu, Thanh xuân tác bạn hảo hoàn hương. Tức tùng Ba Hiệp xuyên Vu Hiệp, Tiệp hạ Tương Dương hướng Lạc Dương*”, lời thơ chưa dứt, bỗng thầy tôi úp mặt vào sách khóc nước nở, khóc

thành tiếng, và cái cảnh “*thế lệ mẫn y thường*” đã diễn ra, vạt áo thầy tôi đầm đìa nước mắt. Lũ trẻ sáu, bảy tuổi chúng tôi thấy thầy khóc hu hu, khóc run bắn cả người bèn cười rú lên và từ đó không còn sợ thầy nữa.

Nhưng với tôi nhờ thầy mà từ nhỏ đã chịu ảnh hưởng của thi ca, khi lớn lên chẳng may có một dạo còn làm cả nhà thơ nên mới bị trầm luân hơn 20 năm trời đặng đặng. Đó là nguyên nhân, điều thứ hai khiến tôi mãi mãi không quên nỗi thầy là vì sau ông, tôi chưa hề gặp ai yêu thơ, đọc thơ đến mức ngập đắm trong thơ, có thể nói thầy là kẻ “ghiền thơ”, “si thơ”. Mặc kệ người đời dòm ngó ra sao, mặc kệ hành vi của mình để lại ấn tượng như thế nào, thầy tôi đưa tất cả tâm, thân vào môi trường thanh điệu, tiết tấu, nhã nhạc du dương rồi ngâm vịnh, rồi lắc đầu, rồi hát ngược mái tóc thố lộ hết cõi lòng, dám khóc, dám cười, dám đau khổ, dám cuồng say cho chảy tràn bản ngã. Dẫu thầy và vô số những người “hạ giang nhân” đều bị quân Nhật đuổi khỏi quê hương xứ sở, co cụm về đây, nhưng càng lúc tôi càng khâm phục thầy vẫn gìn giữ độc lập về mặt tinh thần. Chỉ lấy hình ảnh thầy khóc trước lũ học trò chúng tôi ra mà bàn thì tôi dám khẳng định thầy thuộc lớp văn sĩ có cốt cách cuối cùng của Trung Quốc. Sau này tôi đi khắp nơi trên thế giới và đất nước Trung Hoa mà vẫn chưa thấy ai có thể dựa vào một hình thức nghệ thuật nào đó để biểu đạt tâm tình và lòng chân thành của chính mình, chưa thấy ai lại bị những tác phẩm nghệ thuật đánh động đến mức tả tơi, say đắm như vậy. Thế giới không giống nhau, nhân tâm cũng ít nhiều cứng rắn, và cái gọi là sáng tạo “người trong tình dục” của tất cả các nghệ thuật gia, cùng những ai yêu mến nghệ thuật đều không làm tôi rung động.

Thế nhưng tôi vẫn cứ không hiểu ý nghĩa của hai chữ “thanh xuân” là gì, thầy giáo tư thực dạy tôi cũng chưa hề giải thích. Những từ ngữ Kế Bắc, Ba Hiệp, Vu Hiệp, Tương Dương, Lạc Dương... xem qua đã biết là địa danh,

phần còn lại tôi chẳng cần tìm hiểu, duy chỉ mỗi tứ thơ “*thế lệ mẫn y thường*”, nước mắt đầm vạt áo là rất hình tượng, tạo ngay cho tôi một lý giải trực quan. Mấy chục năm về sau tôi gặp vô số trường hợp nhỏ lệ, thậm chí không thể cầm nổi nước mắt, nhưng chỉ vài giọt lưng tròng thì trong óc của tôi lại hiện lên hình ảnh ông thầy ăm ức bùng mặt khóc và lũ học trò rú lên cười, thế là đáng lẽ phải khóc, song nghĩ ngợi thế nào đó tôi bỗng nhoẻn miệng cười. Nỗi thống khổ của thầy trong con mắt trẻ thơ chúng tôi trước sau vẫn là sự khô hài không thể xóa mờ. Nhớ tới thầy, nhắc đến thầy, dầu là đã trưởng thành, dầu là sẽ già cả, tôi lại cứ ấu thơ ngay lập tức. Lần thầy khóc một cách đau đớn như thế đã giúp tôi giữ mãi tuổi xuân, đã giúp tôi cải lão hoàn đồng. Cho dù sau này tôi sẽ lý giải sâu sắc hơn cái vẻ cao thượng về tinh thần của thầy, thầy và Đỗ Phủ hợp thành một, thầy là hóa thân của Đỗ Phủ, thì hình ảnh “*thế lệ mẫn y thường*” lần ấy nơi thầy vẫn vĩnh viễn là một kiểu dí dỏm đời người, vẫn chọc cho tôi mỉm cười. Người thầy vỡ lòng vô tình đã gieo lên thửa ruộng cõi lòng tôi một hạt giống trào lộng đủ sức kiềm chế và hóa giải nỗi đau, khiến tôi sống nổi đến hôm nay.

Sau đó vào trường chính quy, qua tiểu học, lên sơ trung, từ ngữ “*thanh xuân*” này càng gặp đi gặp lại nhiều lần, nhưng chẳng có thầy cô nào giải thích ý nghĩa của nó, hình như “*thanh xuân*” cũng giống như động từ “*ăn*” vậy, không cần giảng dạy thì người người đều hiểu nó là gì rồi. Nhất là lúc học cao trung, “*đem thanh xuân hiến dâng cho tổ quốc*” đã trở thành khẩu hiệu mà mỗi thanh niên đều phải tôn thờ và hành động. Lại như câu nói “*có duyên mới ở Lư Sơn*” truyền miệng trong học sinh trung học thời bấy giờ, làm cho người ta cảm thấy “*thanh xuân*” chẳng quý báu gì, âu cũng là một giai đoạn nào đó trong đời mà thôi. Nhưng thử hỏi chỉ cần hiến dâng cho tổ quốc đoạn đời ấy là đủ, rồi sau này đến tuổi trung niên, già cả, toàn bộ thời

gian còn lại hoàn toàn thuộc về mình hay sao, tổ quốc không yêu cầu các đoạn đời khác của anh, ngoài cái “thời thanh xuân” quý báu, có đúng như vậy không? Kể ra thì cũng chưa có mấy ai nghiên cứu kỹ càng, sâu sắc những vấn đề vừa nêu, nhưng nhìn lại càng lúc tổ quốc càng yêu cầu nhiều hơn và cuộc đời của mỗi người cơ hồ không thuộc về bản thân mình nữa, vậy thì chỉ đề xuất hiến dâng mỗi tuổi “thanh xuân” phỏng có ý nghĩa gì đặc biệt.

Bước vào những năm 80, người Trung Quốc bỗng nhiên và bắt đầu phát hiện rằng mình còn có cái gọi là “tự ngã”. Trong không khí xã hội khá thoải mái vì vừa thoát khỏi sự căng thẳng của chính trị, nhận thức về bản thể cũng dần dần chuyển biến từ tư tưởng “đấu tranh giai cấp” sang việc chú ý nhiều hơn đến tâm sinh lý của con người. Đầu tiên xã hội có cảm giác phổ biến là cần bổ túc những bài học trên phương diện tri thức tính học, vì thế ngoài hai chữ “thanh xuân”, trên báo chí tập san thường xuất hiện từ ngữ “thời thanh xuân” kèm theo nhiều nghiên cứu, thảo luận. Dù là nói theo cách nào đi nữa thì “thời thanh xuân” nhất định phải thừa thãi “thanh xuân”. Dù có người giữ mãi “thanh xuân”, hoặc giả quá lứa già rồi mà vẫn sung sức để nhen cháy lại “thanh xuân” thì không thể không thừa nhận là ở “thời thanh xuân” người ấy nhiều “thanh xuân” nhất, đủ “thanh xuân” nhất. Nhưng cái gọi là “thanh xuân” mà Đỗ Phủ đã chỉ ra hay như “thanh xuân” trong câu thơ “*Cuồng phu phú quý tại thanh xuân*” của Vương Duy có lẽ không phải là “thanh xuân” bấy lâu nay chúng ta thường nói dâng hiến nó, lại càng khác với “thời thanh xuân” xuất hiện trên các cuốn sách “thanh niên cần đọc”. Từ góc độ sinh lý học, “thời thanh xuân” được giải thích là một giai đoạn tất yếu phải kinh qua của mỗi người khi phát dục, là một hiện tượng đơn thuần tự nhiên. Vào giai đoạn đó, ngoài sinh lý có vô vàn những biến đổi, tiêu chí chủ yếu về tâm lý của mỗi người là bắt đầu đem lòng ái mộ, yêu đương và tính dục với người

khác giới.

Các học giả thuộc trường phái lãnh đạo thì cho rằng “thời thanh xuân” là một giai đoạn rất quan trọng trong đời, cũng giống như thời thơ ấu, và nó sẽ quyết định tâm lý, tính cách và phẩm chất sau này của chúng ta. Những chuyên gia tội phạm học thậm chí còn có thể thông qua tình tiết thất bại trong “thời thanh xuân” của phạm nhân mà phân tích nguyên nhân gây án như thế nào. Điều này khiến tôi lấy làm thích thú trong việc tự phân tích bản thân mình, nhưng kết quả cho thấy chẳng rõ “thời thanh xuân” của tôi đã bắt đầu từ lúc nào, và cũng không có biểu hiện gì chứng tỏ rằng nó từng kết thúc. Hình như cuộc đời tôi chưa hề qua cái “thời thanh xuân”, hay nói đúng hơn, “thời thanh xuân”, đã đi suốt cuộc đời tôi nhưng là những chuỗi ngày hệt như bao tấm thép xanh xám, cứng đờ, lạnh lẽo, tẻ nhạt trải ra, trải mãi cho tới tận hôm nay.

Tôi nghĩ mình cũng như bất cứ một ai đều phải có, đều phải đi qua cái “thời thanh xuân”, nếu không, thì làm sao mà từ ấu thơ lại có thể trong chốc lát nhảy sang giai đoạn trung niên rồi già cả được. Thật không cam lòng một khi không tìm ra “thời thanh xuân” của đời người. Thiên hạ có, chỉ mình tôi không có, trừ phi là bệnh tật, chứ đâu phải sự kiện gì đáng để tự hào! Còn cái chuyện nhàn nhã tìm kiếm một vật gì đó căn bản không cần tìm kiếm lại chứng tỏ rằng, bản thân tôi đã già lắm rồi, già tới mức vô phương cứu chữa. Giờ đây nhớ lại, nếu theo cách mà người ta thường nói là manh động “thời thanh xuân”, thì đối với tôi có thể xem là lúc mới năm, sáu tuổi, cùng bạn bè chơi trò “mèo bắt chuột” và lần ấy đã bắt đầu để lại dấu ấn. Địa điểm xảy ra sự kiện vẫn là làng quê Nam Ngạn - Trùng Khánh, hình như nơi ấy có một cái sân rất lớn và một cái nhà rất rộng, ẩn chứa bao điều cổ xưa với cây cối rậm rạp và không khí ẩm ướt, khiến người ta sợ hãi. Sau này mỗi lần tưởng

nhớ, trong não trạng của tôi đều hiện lên những hình ảnh cực lớn, từ con đường bên núi đến bãi cỏ xanh um hai bờ sông suối. Tôi không chỉ một lần trở về thăm nơi chốn cũ, và cứ mỗi lần như vậy lại kinh ngạc mà phát hiện ra rằng, những gì của hôm nay sao nhỏ bé hơn ngày xưa đến thế, cây cối đã chẳng sinh trưởng cao to mà còn co lại nhỏ nhoi. Tôi cũng đã đến Nam Ngạn - Trùng Khánh, với lòng thành kính, và như một nhà khảo cổ tìm kiếm địa chỉ xưa, nơi mà tôi đã có những manh động của cái “thời thanh xuân”, nơi vườn lớn nhà rộng ấy. Nhưng tất cả không còn nữa. Tất cả đều biến mất. Ngay như bùn đất cũng chẳng lưu giữ nổi một chút hương vị nào đó của xa xăm, giống như cảnh tượng tàn khốc do chiến tranh gây nên. Ở đây giờ đây đã bị những tòa nhà mới xây thay thế sạch sành sanh. Tôi bỗng băng khuâng tự hỏi, hay là ta không có quá khứ, chế ngự cuộc đời này đều do một ảo giác mà thôi. Tôi đứng bên vệ đường, con đường nhựa vào mùa hè hơi bốc lên nóng ráp, nhìn trước ngó sau tìm về lối cũ, tất cả chỉ là những chiếc ô tô lớn bé lao nhanh, xả khói mịt mù, tôi hít chúng và như một chiếc lá vàng khô rụng xuống cuồn bay trên mặt lộ.

Thế mà nhục cảm ấy đến bây giờ vẫn vô cùng mềm mại, ấm áp và rạo rực, hoàn toàn tương phản với cảnh tượng âm u, ẩm ướt của khu vườn. Nó chạm vào người tôi, khiến tôi mê mẩn, và cảm giác thân hình như có thêm rất nhiều máu, thịt, rồi một bộ phận nào đó trong cơ thể bỗng chực trào sôi, nảy nở. Cảm giác nhục thể đó đã bắt đầu nhập vào tôi, biến tôi thành một con người sinh vật, là một phần của cuộc sống, cùng tôi phát triển, trưởng thành. Ngày xưa cứ mỗi lần nó tiết ra là một bộ phận nào đó trào sôi, nảy nở, về sau tuổi tác lớn dần, từ bộ phận ấy cảm giác nhục thể râm ran lan tỏa toàn thân, mỗi dây thần kinh đều mềm nhũn, đều nóng lên giống như uống xong ly rượu.

Cho đến bây giờ tôi mới hiểu hóa ra cuộc đời thật chẳng ra sao, người mang nhục thể và làn da đó đương nhiên phải là nữ tính, một cô bé lớn hơn tôi khá nhiều tuổi, người láng giềng mà tôi nên gọi là “chị”. Thế nhưng đầu óc tôi quả tối tăm mê muội, không tài nào nhắc nổi tên chị là gì, không tài nào mường tượng nổi thân hình chị ra sao, khác hẳn với ấn tượng sâu sắc do thầy giáo vỡ lòng để lại trong tôi những ngày thơ ấu. Hình như mọi nhân vật của ký ức dần dần đều biến thành phù hiệu hoặc mã số, thời gian kéo dài khoảng cách giữa hiện tại và thời điểm xảy ra sự việc, khiến tất cả những cái gì có thể nắm chắc trong tay bỗng bay vèo. Thầy giáo vỡ lòng sở dĩ cho đến tận hôm nay vẫn còn trong ký ức tôi là do phù hiệu cái mũ hình quả dưa và chòm râu dài đen; ngược lại nhục thể là cảm giác, một loại cảm giác cứ nhạt nhòa dần rồi cuối cùng chẳng còn gì nữa. Đấy chính là nỗi bi ai theo tôi tới già; mọi vật, thậm chí những người thân yêu nhất của ta đều vô tông vô ảnh, rồi đến lượt ta cũng thế, cũng biến thành phù hiệu hoặc mã số trong ấn tượng của người khác. Tôi đã quan sát, không chỉ người già mà hầu như tất cả đều dần dần nhiễm phải chứng si dại và yếu đuối, khác nhau chẳng qua là ở mức độ mà thôi, cuộc sống cường bức người ta hướng tới chữ “không” mà Phật học thường nói.

Nhưng rõ ràng là tôi đã từng có cái thời khắc ấy, đã từng có cái cảm giác ấy. Nó không phải là bẩm sinh, để ra là đã sẵn trên mình, dù nó là phù hiệu hay mã số thì cũng đáng là phần sau của vật chất thực thể. Tôi còn nhớ, chị kéo chân kéo tay tôi, vội vội vàng vàng, thở gấp gấp và chạy loạn xạ qua mấy gian nhà. Khu vườn âm u nọ nay có chị em tôi bỗng trở nên hoạt náo. Chúng tôi quả là những con chuột rụt đầu tìm chỗ trốn, và cuối cùng đã chọn được cái tủ khá lớn làm nơi ẩn nấp. Kỳ lạ thay, tôi nhớ rất rõ cái tủ ấy, màu nâu tím và ngập một mùi thơm của long não. Thế rồi từ đó về sau, màu nâu

tím và hương thơm long não cứ như chất men kích dục đối với tôi, nhưng đồng thời chúng đã phủ xuống đời tôi một bức màn ngăn cản, cho đến bây giờ tôi vẫn không vượt nổi sắc màu và hương vị định mệnh đó. Mỗi lần gặp gỡ tưởng đã có thể hội hợp thì ngay lập tức phạm sai lầm tuột mất, bao lần điểm ngộ đều tan biến bởi cái màu nâu tím và hương thơm long não ngày xưa.

Chị kéo tôi chui vào tủ và tiện tay khép luôn cánh cửa. Trời đất bỗng tối sầm. Cả thế giới chỉ còn hai người, chị và tôi. Chúng tôi thở phào nhẹ nhõm vì lúc này hết hoảng sợ “mèo” bắt, nên đã chạy bán sống bán chết, nhưng giờ thì tự do rồi, chẳng phải lo gì nữa, và nhận biết đôi môi chị ghì chặt lên má tôi, hơi thở vừa nóng lại vừa ướt, phả lên mặt tôi một luồng khí ấm tê tê, nhột nhột. Khoảng cách gần nhau như thế này đã có một sức hút kỳ lạ, hút tôi không thể không sát vào người chị, giữa màn đen kịt bất giác tôi gục đầu lên ngực chị. Sau này tất nhiên là với các phụ nữ khác tôi đã có những cự ly nguy hiểm tương tự, nhưng hầu như không hề lặp lại khung cảnh mưng lung, vô ý thức, xao động rất tự nhiên kiểu đó, khiến tôi nhận thức được rằng tất cả những hành vi, ngôn ngữ có ý thức, có dụng ý, có quá trình chày bồng mà người ta thường nói là “luyện ái” đều hoàn toàn vô vị, chẳng qua vì “động tình” nên thiên hạ mới đắm say. Còn với chữ “duyên”, thực chất phải là ngẫu nhiên, tùy cơ, tùy ý.

Chị dang hai tay ôm lấy tôi. Bên ngoài khí trời đã là rất nóng, trong tủ lại càng nóng hơn, mảnh vải che thân mỏng manh giờ này có cũng như không. Lớn lên “hiếu đời” tôi thường chú ý chất lượng vải vóc, nhưng chưa hề tìm thấy loại nào mỏng đến mức bằng không giống thứ quần áo chị em tôi đã mặc. Giữa chị và tôi mồ hôi chảy trơn như mỡ và chẳng rõ là của ai, nhưng thật là mát và có tác dụng như chất keo dính kết hai người thành một. Điều

này khiến tôi đi tới quyết định một đời về sau là không ân ái, ôm ấp với phụ nữ nào mà da dẻ khô khốc.

Hai chúng tôi đều sợ “mèo” bắt nên đã dựa vào nhau, trở thành một cộng đồng sinh vật sống. Và chúng tôi càng ôm chặt nhau hơn. Bây giờ nhớ lại, hành vi tư thế của tôi và chị hồi ấy thật chẳng quy củ, trật tự chút nào, ai đời giữa tối tăm vắng vẻ mà hai nhục thể dám hòa quyện, quấn quít đến mức thành một. Và rồi cái thời khắc, đúng là chỉ lúc đó chị em tôi mới hoàn toàn đạt tới sự cấu kết, hợp đồng, lý giải mà không thể nói cho ai hay, cuối cùng bỗng điểm vang. Bàn tay chị mân mê khắp người tôi, mạnh mẽ, nóng bừng, ở mỗi chỗ dừng lại, chị bóp chặt. Còn tôi, như cá gặp nước, sung sướng tột bậc và thể hội thế nào là “thân thiết”. Ôi chữ Hán quá ư vĩ đại, đặt vào đây từ “thiết” đã khiến “thân” thân thiết cực kỳ. Tôi rơi vào trạng thái vô ý thức, trạng thái phản xạ bản năng, nhưng vẫn nhớ lời thầy giáo vỡ lòng từng dạy khi viết câu đối, phải đối dưới đối trên, đối ý đối lời mà “đối lại” với chị rất chính không chút sai sót. Cũng từ bấy tôi bắt đầu phát hiện ra rằng thế gian này còn có một loại nhục thể và làn da khác nữa mà đặt tay lên đó ta sẽ cảm thấy thoải mái, hưng phấn, rạo rực, tạc vào trái tim bé nhỏ non nớt của tôi một dấu ấn hằn sâu mãi mãi.

Luật chơi “mèo bắt chuột” quy định đến lúc mà “mèo” không bắt nổi “chuột” thì “chuột” phải ra trình diện, nhận phần thắng và sau đó đổi ngôi làm “mèo”, nghĩa là tôi và chị không thể nấp với nhau mãi mãi, đành tách chia từ một thành hai. Làm thế nào để có thể tách đôi, và sau khi tách những chuyện gì đã xảy ra, tôi hoàn toàn quên hết. Bây giờ tôi có thể hư cấu, có thể tưởng tượng, nhưng bất kỳ một sự bổ sung nào cũng đều dư thừa, vô bổ. Phải chăng “sự kiện” này là “nghỉ thức” bước vào thời thanh xuân của tôi, là cái “bớt” tinh thần để lại trên người tôi, không tài nào xóa nổi. Còn chị, người

con gái chỉ còn trong ký ức của tôi, không mang phù hiệu hay mã số gì cả, chị đã thuần túy thoát thân từ tình thân cháy bỏng, mà không vợn chút “thời thanh xuân” hay “tính dục”, tôi dám khẳng định cho chị mình như vậy. Gió vô tình thổi lên làn xuân thủy, nước đã vì xuân phong mà gợn sóng chau mày. Nước tưởng gió có ý tứ gì đây, gió nói rằng, đùa một chút mà thôi. Nhưng sau đó, sau lần đùa vui ấy, gió bay đi, nước trở lại một mình, chẳng gợn sóng, chẳng chau mày, biến thành tử thủy, trận cuồng phong kia mãi mãi chỉ là ký ức, ký ức chôn chặt trong lòng đầm nước chết thảm thương.

“Nghỉ thức” diễn ra trong tủ đối với tôi là vô cùng quan trọng, vì đến tận bây giờ tôi vẫn cho rằng đó là lần đầu tiên trong đời, tôi giao lưu với người khác giới, được người khác giới vượt ve và ngược lại được vượt ve người khác giới. Mà cũng là lần đầu tiên tôi đã động tình. Nếu bảo rằng đó là thời điểm bắt đầu “thời thanh xuân” của tôi, thì thật mang tiếng. Tài trí không hơn ai, thần đồng cũng chẳng phải, nhưng lại nhạy cảm quá nhanh, quá sớm với người khác giới, quả là xấu hổ. Nhưng có điều như đã kể ở trên, từ sau lần “nghỉ thức” ấy, “thời thanh xuân” của tôi đình trệ một thời gian dài, không chút tiến triển, giống như ngôi sao sa nhỏ bé, vừa sáng lên đã vụt tắt, rơi vào khoảng không chẳng ai biết là đâu. Và cũng từ lần tao ngộ đó, tình cảm của tôi hình như bị ức chế, còi cọc, đối với người khác giới không những không ham muốn, mà ngược lại còn thờ ơ, xa lánh. Thật là một thất bại nặng nề trong thời thơ ấu.

Cảm giác kỳ lạ từ trong tủ bước ra chẳng gìn giữ được lâu, dần dà mờ nhạt. Phải bốn, năm chục năm sau mới khôi phục trở lại và càng lúc càng mãnh liệt. Mãnh liệt tới mức cứ mỗi tối lên giường đi ngủ tôi lại chui vào tủ, hồi tưởng chuyện xưa một lần, cơ hồ trở thành bài luyện tập hàng ngày. Con người khi về già thường muốn lẩn tránh ở nơi yên tĩnh, đắm mình vào hồi ức, tưởng nhớ, nhạt lại những gì mà xưa kia đã đánh mất.

Ta sinh ra và không ngừng bồn tẩu, bỏ lại sau lưng mình vô số thời gian và sự sống, như dây chuyền đeo cổ sút dây rơi vương vãi dọc đường từng hạt từng hạt cảm thụ. Những hạt cảm thụ đó chỉ được phát hiện là ngọc sáng khi người ta đã về già. Đối với người già, thế giới hiện thực hầu như không thu hút mê hoặc họ bằng thời gian và sự sống của quá khứ. Họ quay ngược trở

lại dòng đời và không ngừng nhặt lấy những hạt ngọc sáng một thời từng vương vãi. Lưng họ còng xuống có lẽ cũng vì thế và hồi ức trở thành niềm hưởng vọng tương lai...

Lần tiếp theo có thể gọi là “thời thanh xuân” của tôi đã xảy ra bảy năm sau đó. Bảy năm, thoát nghe có vẻ là một quãng thời gian dài. Nhưng lần ấy tôi mới chỉ 13 tuổi, thế mà sớm gây nên nợ đời. Nhớ lại tuổi 13 là nhớ lại hình ảnh người bạn tốt đã xa. Anh là một nhà văn nổi tiếng kiêm biên kịch điện ảnh, chính anh khiến tôi giữ trọn ký ức với nàng một cách thủy chung. Giờ đây, lúc đang cầm bút viết ra bao điều hèn mọn của đời mình, tôi vẫn cảm thấy nàng vô cùng mỹ lệ. Gáy nàng, dưới bờ tóc, là một làn da trắng ngần, mãi mãi chói ngời và tôn quý như ánh sáng phát ra từ cặp ngà voi, càng về sau càng có giá trị như văn vật cổ xưa, khiến tôi yêu cuộc sống, khiến tôi không thể buông tay vứt bỏ thế giới này.

Sau khi kháng chiến chống Nhật thắng lợi, cả nhà chúng tôi hồi cư về quê cũ Nam Kinh. Ông nội tôi ở Nam Kinh có một đại hoa viên nổi tiếng, phỏng theo kiểu nhà vườn Tô Châu những năm 20, và tôi đã sinh ra tại một góc nào đó của đại hoa viên này. Thập niên 30, lúc tôi chào đời, lâu đài đình các trong khu vườn nhà nội đâu đâu cũng nghe tiếng các tao nhân mặc khách ngâm vịnh. Nội tôi có hăng hà sa số là sách, những cuốn thơ, từ viết tay, đóng xén tinh tế, đẹp như sách tự xuất bản thời nay. Kháng chiến chống Nhật bùng nổ, kho sách ấy đã cùng nội tôi và gia đình từ Nam Kinh chuyển đến Trùng Khánh, rồi bây giờ lại từ Trùng Khánh dọn về Nam Kinh. Tôi là con đầu cháu trưởng, nên nội rất dụng công chăm sóc, hướng dẫn tôi bước theo, nối nghiệp thi ca. Cụ thường nói “giấy rách phải giữ lấy lề” hệt như thầy giáo vỡ lòng của tôi từng dạy.

Trở về Nam Kinh tôi đã biết được hàng lô chữ Hán, một tập sách tựa đề

“*Thù xướng*” luôn giữ kín trong căn phòng ẩm mốc, nay trở thành con thuyền đưa tôi vượt qua bao sóng gió của biển cả thơ, từ. Lần đầu tiên tôi kinh ngạc đê mê vì hiểu ra rằng những câu nói vần điệu hợp nên các áng thi ca. Thi ca khiến tôi thất vọng và cũng lại giúp tôi tràn đầy tự tin. Ấu cũng giống như trò chơi, thách thức tôi hãy thử sức. Trong đám thi nhân có Đỗ Phủ và những người như thầy giáo tư thực của tôi thuở nhỏ, nhưng không thiếu những kẻ nhỏ nhen, đê tiện. “*Thù xướng*” đã hưởng ứng lời kêu gọi của chủ nhân mà tồn tại hàng mấy chục năm giữa bao bão tố trong giới tư tưởng, lý luận và văn nghệ Trung Hoa. Sống ở căn phòng ẩm mốc, tôi bị ô nhiễm bởi văn chương chữ nghĩa, nhưng lại thu về chiến quả: Sức miễn dịch tinh thần khá là mạnh mẽ. Vì thế, sau này dù có phải đứng trước bao xưng hiệu vĩ đại đến đâu, dù có phải nghe bao lời uyên thâm như kinh thánh, tôi vẫn cứ bình tĩnh, thản nhiên, không một chút cuồng si.

Tôi được đưa tới trường trung học của một nơi có tên gọi là Trù Thị Khẩu. Tên như vậy nhưng kỳ thực chỗ này chẳng thấy chợ búa gì cả, chỉ là cái gò đất nhỏ mọc đầy cỏ xanh. Ngôi trường uy nghiêm ngự trên đỉnh gò giống như con hổ xám phủ phục nhìn đám học trò đi lại dưới chân gò. Tòa kiến trúc này để lại cho tôi một ấn tượng khó phai mờ. Tôi đã từng ngã gãy chân khi cầm cái ô che mưa nắng, nhảy dù từ lầu ba xuống bãi cỏ lồi lõm. Đây có thể xem là biểu hiện “thời thanh xuân” của mình, vì hành vi anh hùng ấy chỉ nhằm mục đích thu hút sự chú ý của nàng, cô bạn học ngồi hàng ghế trước. Nhưng sau một tháng trời nằm bẹp ở nhà, khi tôi trở lại trường, nàng vẫn thờ ơ, không tỏ thái độ mừng vui vì sức khỏe của tôi vừa được bình phục, càng chẳng khâm phục trước chiến công oanh liệt, rằng bạn mình đã dũng cảm nhảy dù, bị thương, lui về hậu tuyến. Từ đấy tôi thề sẽ chẳng bao giờ diễn trò cho bọn con gái. Chúng là một lũ người theo chủ nghĩa hiện thực

rất triệt để, chẳng hiểu, chẳng thêm thưởng thức những gì lãng mạn pha chút ngu si. Song nghĩ lại cũng chỉ tại một vùng da dẻ trắng ngần đằng sau gáy của nàng mà tôi dám bộc lộ sự mạo hiểm tinh thần, loại tinh thần chẳng những giúp tôi vượt qua bao cửa ải, lại còn theo tôi mãi tới già.

Nàng luôn phục trang màu đen và do đó vùng da kia càng trắng. Bước vào những năm 80 thời trang màu đen được khôi phục, trở thành một sắc màu giao lưu quốc tế, vì vậy mà khắp nơi đều như có hình ảnh nàng, cứ chập chờn trước mặt tôi. Tôi chưa một lần được chạm vào làn da trắng muốt của nàng, nhưng kỳ lạ thay tôi nhớ rất kỹ, nhớ như in hình dáng nàng, nhất là cái khu vực tam giác mê hồn. Vẻ đẹp đâu cần nhiều, giống như những lời cảnh báo, càng ngăn càng tỏ ra sắc bén. Mái tóc đen huyền chưa đủ, làn da trắng ngần vẫn còn thiếu, hóa ra cái đẹp ẩn chứa trong tóc, trong da. Một vẻ đẹp bỗng xuất hiện dưới cây bút người họa sĩ lúc anh ta đạt cảm hứng, một vẻ đẹp tự nhiên gặp gỡ chứ không hề mất công bỏ sức truy tìm. Chính nàng, người con gái ấy đã dạy tôi hãy từ phía sau mà tận hưởng nữ tính và tất cả những gì trên thế gian, nàng giúp tôi lý giải bài văn “Bối ảnh” một cách sâu sắc hơn các bạn đồng học. Và từ đó tôi thích thú tiếp cận với những hoạt động diễn biến bên trong, đằng sau sự vật, không nhẹ dạ cả tin trước cái mã bề ngoài, nói theo ngôn ngữ hiện đại ngày nay là ưa khám phá phát hiện bí mật. Tôi thường nghĩ mình có khả năng “nghe trộm” và theo lý thuyết “hai điểm” chắc là do “thời thanh xuân” thôi thúc mà thôi.

Suy ngẫm lại thì sự vật trên thế giới này đâu có nhiều lắm, thế mà còn lâu mới đạt tới mức độ bão hòa. Cái gọi là “vô số” của tất cả động thực vật đều mang một giá trị tuyệt đối rõ ràng, duy chỉ mỗi bí mật là bùng nổ khắp hoàn cầu, hợp thành “lỗ đen” của vũ trụ. Lấy ví dụ đối với vùng tam giác “bông tai, vòng cổ và quần áo” của nàng, tôi như kẻ mơ màng, si dại, mãi đến hôm

nay, sau 50 năm, mới dám công bố cùng mọi người. Hồi ấy, đâu khoảng một học kỳ trước sự cố ngã gãy chân, động cơ thúc giục tôi tích cực đi học đơn giản chỉ là vùng tam giác trắng ngần, trắng tới mức hoa cả mắt ở gáy của nàng. Mẹ tôi ngạc nhiên vì bài vở của tôi không sót một tiết nào cả, gãy chân nằm ở nhà mà vẫn tư tưởng tới chuyện học hành, luôn nhớ trường nhớ lớp. Thầy giáo cũng bảo là tôi rất chăm chỉ nghe giảng, thế nhưng trừ môn tập làm văn ra, tất cả đều dưới điểm trung bình. Tôi nghĩ phải chăng đó là lý do đầu tiên khiến tôi miễn cưỡng trở thành một nhà văn như hôm nay.

Cổ nàng với vòng kiềng lấp lánh đã kích thích dục vọng nơi tôi, thằng con trai 13 tuổi. Nhiều lần tôi đã định thò tay sờ mó cái vùng tam giác trắng ngần ấy. Nó như một phi trường, như một bến cảng có sức vẫy gọi mãnh liệt đối với tôi, một cánh bay vô định trên không, một mảnh thuyền chòng chành giữa biển. Không chỉ một lần nhảy dù từ tầng ba rơi xuống gãy chân, mà hôm nào cũng vậy, tôi đều hồn xiêu phách lạc, ngơ ngẩn ngóng trông phần gáy của nàng. Chuông reo hết giờ ra chơi, vào học tiếp tiết sau, tôi lẹ làng ngồi ngay ngắn ở vị trí của mình, chẳng phải chờ thầy. Không may hôm nào nàng nghỉ học thì thần trí của tôi như lửa khói xác, bay đi tận đâu đâu, 45 phút đi qua chẳng rõ đã học cái gì, trái tim tôi tựa hồ trống vắng bởi chỗ ngồi trước mặt tôi giờ đã hư không. Nhưng thời đó tôi không hề có cái cảm giác rạo rực kiểu như trong tủ ngày xưa, có lẽ là do da dẻ nàng trơn tru quá, không một tỳ vết, nó hoàn chỉnh, nó kết tinh chặt chẽ, trở thành khối đá hoa cương lạnh lẽo cách xa người trần đến hàng vạn dặm.

Bây giờ nhớ lại, có thể nói đấy là lần đầu tiên trong đời tôi đã lĩnh hội được mùi vị “ái mộ”, so với “động tình” nó được nâng lên một cấp, đạt tới cõi thơ, không liên can đến nhục cảm mà thuộc về phạm trù khác của nhân sinh. Vùng tam giác trắng ngần ẩn hiện dưới chân những sợi tóc huyền đen

gợi cho tôi một cách lý giải hoàn toàn mới tứ thơ “*hương vụ vân mấn thấp*” của Đỗ Phủ và tôi tin rằng, so với thầy giáo tư thực khả kính và tao nhã ngày xưa, mình đã phần nào hiểu Đỗ Phủ sâu hơn. Cái vùng cổ nhô lên, hơi cong một tí nơi nàng lúc đậm lúc nhạt, khi trắng khi mờ như sương khói mông lung, hương thơm hòa quyện. Tôi đã nhận ra như thế, cho nên hai chữ “hương vụ” của họ Đỗ không như nhiều người giải thích là “mùi thơm” khứu giác mà phải hiểu rằng nhà thơ muốn chỉ một cõi mông lung thị giác tựa hồ như “sương khói” vậy. Tương tự chữ “thấp” ở đây cũng không nên hiểu là ẩm ướt bình thường, ý nghĩa sâu xa của nó là trạng thái trơn tru, mát lạnh, thoải mái của xúc giác. Cảm xúc tinh tế như vậy trước khóm tóc mai nơi người con gái hẳn chưa có ai sánh bằng Đỗ Phủ. Ngài quả là một đấng vĩ nhân trong lãnh vực tận hưởng vẻ đẹp nữ tính.

Thế là so với cái thời tôi và người chị láng giềng ôm nhau trong tủ kín, giờ đây tôi đã thành thực, chín chắn hơn nhiều.

30 năm sau, tôi cùng một tốp nhà văn đến Nam Kinh lĩnh thưởng. Tối hôm ấy mọi người đàn đúm với nhau luận bàn nhiều chuyện, cuối cùng vẫn trở lại với đề tài tình yêu muôn thuở, nhưng hạn chế những câu chuyện về mối tình đầu. Đến lượt tôi phát biểu, nghĩ chẳng có gì hơn, tôi bèn rĩ rả nói đến cái cổ của nàng. Nhiều người mới nghe liền phản đối, thế mà cũng gọi là mối tình đầu, rõ chán, ông yêu cái cổ của nàng chứ đâu phải yêu nàng, thôi hãy liệt chuyện này vào mục “tình yêu với một gốc cổ hay một cây cổ”. Tôi phản ứng ngay, vì đơn vị từ “gốc” “cây” mà các bạn nhà văn vừa châm chọc, nó xúc phạm tới đối tượng thẩm mỹ duy nhất còn lưu giữ trong trái tim thời thơ ấu của tôi, và tự nhiên tôi đánh giá rất thấp phẩm hàm của các vị. Chả trách mà trước hai chữ “sáng tác”, “viết văn”, một lĩnh vực hoạt động tâm linh cao thượng, người ta thường thêm vào chữ “làm” giống như “làm kinh tế”, “làm chính trị”, thật vô cùng thô thiển. Nhưng về khuya gác tay lên trán, bình tĩnh suy nghĩ và nghiêm túc so sánh với đồng nghiệp thì thực lòng phải thú nhận rằng, trong “thời thanh xuân” sự tiếp xúc của tôi với người khác giới quá ư là ít ỏi, ít ỏi tới mức đáng thương. Nếu tôi cũng như mọi người quan hệ rộng rãi, phóng tầm nhìn xa thì lúc bấy giờ, ngoài cái vùng tam giác mê hồn kia, nhất định vẫn còn nhiều thứ hấp dẫn khác. Nhưng số phận đã an bài như vậy, tính cách tôi nghiêng về những tình tế nhỏ nhoi mà người khác ít để mắt.

Một hạt giống nảy mầm trên mảnh đất khô cằn, giả sử xung quanh đừng có loài cây nào mọc lên nữa, hẳn nó sẽ trở thành đại thụ sừng sững giữa đồi cao. Hoài niệm nhớ nhung vùng tam giác trắng ngần phía sau cổ nàng cũng như thế, là một đại thụ giữa trái tim tôi. Ánh sáng diệu kỳ ấy sau đó tôi chưa bao giờ gặp lại. Những thứ khác đều rất tầm thường không đủ độ khiến tôi

phải nheo mắt, và như ông nội, tôi cũng đã “giấy rách phải giữ lấy lề”, dẫu bao năm tháng vào ra đội cải tạo mà vẫn không quên được nàng, người con gái có cái cổ tuyệt mỹ đã hớp hồn tôi. Đây là một gốc cây nẩy mầm, mọc lên và đứng vững trên thửa ruộng cỗi lòng tôi, nơi mà đất đai khô cằn và thiếu nguồn khác giới tưới nhuần. Lần này trở lại Nam Kinh, tôi mong muốn tìm về cây đại thụ đó.

Tôi vẫn nhớ địa chỉ nhà nàng, vì hơn 30 năm trước, vào một buổi tan học, tôi đã lẻo đẻo theo nàng, hoàn toàn không cố ý dò la mà bởi bím tóc dài đong đưa sau lưng nàng đã lôi cuốn tôi đi mãi. Tôi rơi vào trạng thái “*thân bất do kỷ*”, thân ta đâu còn là của ta nữa, mà một đấng thiêng liêng nào đó đang sai khiến ta. Về sau khôn lớn, trưởng thành, tôi không hề lẻo đẻo theo người đàn bà nào cả, tôi dám nói chắc chắn như thế, vì không ai có mái tóc mà mỗi sợi đã thành tiêu bản, thành “thanh ti”, thành tư non trong thơ ca của người xưa giống như mái tóc của nàng.

Ngày thứ hai sau cái đêm tán chuyện mối tình đầu, tôi tách đoàn đi tìm lại cội nguồn, nhìn xem tòa đại hoa viên của ông nội giờ còn hay mất. Đoạn trước tôi đã nhắc đến một người bạn tốt, anh là nhà văn nổi tiếng kiêm biên kịch điện ảnh, có chân trong ban chấm giải lần này. Bạn tôi nhiệt tình phát động mấy người nữa cùng tham gia cuộc “về nguồn” của cá nhân tôi. Theo địa chỉ do tôi cung cấp, người lái xe dễ dàng đưa cả đoàn nhanh chóng tới nơi, nhưng nhà tôi nay đã biến thành xí nghiệp điện cơ. Cái cổng đại hoa viên xưa vẫn thế, có khác chăng là bây giờ treo một câu đối, vế bên phải biển hiệu xí nghiệp, vế bên trái biển hiệu công đoàn và các mảng tường rào thì loang lổ nhiều khẩu hiệu hô “đại nhảy vọt” và “văn cách” đã ngả màu, chữ còn chữ mất, mấy thời kỳ lịch sử chồng lên nhau, đè nát bao bi hoan ly hợp của biết bao người. Vào bên trong, cây cối đều bị chặt hết, đại hoa viên bại

hoại mà xí nghiệp cũng tiêu điều. Tôi đề nghị cuộc “về nguồn” xin chấm dứt tại đây, vì càng đi càng như tự đào huyệt chôn mình. Mọi người đồng ý và nói đùa, vậy bây giờ chúng ta phải đi tìm “gốc” cổ, “cây” cổ; một cái cổ tuyệt trần nơi người con gái từng làm say lòng ông bạn nhà văn đây.

Điều khiến tôi ngạc nhiên, không ngờ là cái chợ rau xưa vẫn giữ nguyên bộ mặt của 30 năm về trước, dòng nước bắn như khe suối từ trong chợ chảy tràn ra mặt lộ rồi mới chịu đổ xuống cống rãnh ven đường. Bên trái cổng chợ vẫn là cửa hàng bán giá đậu. Như ngày nào, giá đậu ở đây nhiều vô kể, không biết đến bao giờ mới bán hết. Tôi bắt đầu gặp lại những cảnh trong mơ, những cọng giá trắng ngần, trắng đến chói mắt, càng làm tôi hồi hộp mong muốn nhìn thấy cái cổ của nàng. Tôi nói với anh bạn và cả đoàn nhà nàng ở chỗ này, gác gỗ phía trên cửa hàng giá đậu, ở cái gian cũ nát màu hồng. Tòa lầu còn giữ được vẻ phong tình thuở xưa, giống như một bức tranh màu nước, dù nay có tàn tạ bởi thời gian. Đã 30 năm rồi chứ ngần ngừ gì cho cam, vẻ phong tình lại càng thêm sâu nặng. Khung cửa sổ hướng ra đường cái đã được một tấm ni lông che kín, người đi lại nếu có tò mò cũng chẳng nhìn thấy gì trên đó. Tôi kể cho các bạn, rằng mình đã nhiều lần đứng dưới này ngược nhìn lên khung cửa, nhưng hồi ấy chưa che tấm ni lông, ngoài bức màn ngăn cách đó ra, toàn bộ ngôi nhà không một chút đổi thay. Anh bạn bảo tôi hãy khoan lên vội, để anh ta làm nhiệm vụ dò la với cái có có một người bạn học cũ hơn 30 năm về trước muốn đến thăm bà, muốn hỏi bà có cho phép hay không.

Bạn tôi lên lầu chừng mười phút thì học tốc chạy xuống và giục mọi người đi thôi. Xe lăn bánh và anh ta mới kể, đúng là có một bà già tên Phương, tôi nhớ quả không sai, nhưng chẳng thấy đâu “vùng tam giác mỹ miều”. Anh nói, tôi chú ý nhiều nhất đến cái cổ của bà, vừa đen, vừa gầy và

vài nếp nhăn chứa đầy cái buồn. Căn buồng đã chật lại còn ám khói lò than, mùi hôi nồng nặc, khó mà đứng lâu trên đó. Bà cụ đang bón cháo cho đứa cháu ngoại chưa được một tuổi. Bà ta tóc bạc phơ và rối bời, như chẳng hề gội chải, xem ra cuộc sống rất chật vật, chỉ dựa vào nguồn thu bán lại số trà thừa ngoài chợ. Tôi hỏi bà cụ có còn nhớ một người bạn học hồi trung học tên đó, trường đó hay không. Bà ngơ ngác chẳng hiểu tôi nói gì và tỏ ra khó chịu. Nghĩ là bao ẩn tượng năm xưa về anh không đọng lại một chút trong đầu óc bà cụ, và bà cũng chẳng mấy hứng thú với những gì của xa xưa. Thôi, anh ta an ủi tôi, đành vậy, hãy cứ giữ lấy mộng đẹp của mình, đừng để hiện thực phá vỡ nó, cái tuổi của chúng ta chỉ có giấc mơ mới là quý báu nhất.

Trên đường trở về khách sạn, tất cả các nhà văn trên xe chẳng ai nói một lời. Nhà văn bây giờ mới thật giống nhà văn, mỗi người được tự do cảm khái, hưởng thụ. Mọi người cảm khái, hưởng thụ ra sao tôi không rõ, riêng tôi cứ nghĩ, thời gian đã mài mòn mất năng và vùng tam giác trắng ngần nơi cổ nàng. Có lẽ những gì nàng một đời chịu đựng còn ngàn lần tàn khốc và cay đắng hơn tôi. Nghĩ đến đây, đầu óc tôi nặng trĩu. Vừa rồi một cô bạn học cùng thời từ Mỹ về thăm. Cô ấy từng bôn tẩu ở Đài Loan, sau khi trở thành tay cự phú đã nhiều lần đi thẩm mỹ viện, nhuộm tóc, sửa mi, sửa mắt nhưng vẻ già nua không thể nào che đậy nổi. Già rồi nhưng cứ một mực ngụy trang. Sự giả dối ấy khiến người đời khó chịu.

Tôi vỗ mạnh vào đầu gối người bạn tốt và thốt lên hai chữ “cảm ơn”. Tôi hiểu thiện ý của anh, muốn tôi giữ lại một chút kỷ niệm đẹp. Anh bạn nắm chặt tay tôi như muốn nói, chúng ta là tri kỷ, há phải nhiều lời.

Sau đó không bao lâu bạn tôi qua đời vào đúng tuổi 60. Chắc chắn là anh đã mang đi rất nhiều kỷ niệm, giấc mơ có ý nghĩa đến nhà tang lễ, cùng lên giàn hỏa thiêu. “Cát bụi trở về cát bụi, linh hồn quy lại linh hồn” và kỷ niệm, giấc mơ là hạt nhân của linh hồn, gạn lọc qua cuộc sống hiện thực, bóc ra từ bệnh hoạn khổ đau, cuối cùng là một cái gì đó thuộc về bản thân mình còn sót lại. Đó mới thực là vật bồi táng theo anh. Bạn tôi quý mến nó đến mức kỵ cốp, hà tiện, không dám nói ra cho thế gian biết, sống để bụng, chết mang theo. Tác phẩm của bạn tôi không nhiều, trong số những phim anh lưu lại cho chúng tôi có một bộ mang tựa đề “Nơi bị tình yêu quên lãng”.

Từ trong tủ chui ra, rồi lại chia tay với vùng tam giác ngọc ngà, tôi chỉ còn cách đọc tình yêu và con gái trong sách vở, tiểu thuyết hoặc kịch bản, phần lớn là những nhân vật của quá khứ, giống như hình ảnh khủng long không liên quan gì đến hiện tại. Tình yêu có vẻ đối đầu cùng công cuộc xây dựng xã hội mới. Tất cả các tài liệu văn nghệ tuyên truyền đã đồng thanh tuyên bố trước mọi người rằng tình yêu giữa nam nữ không cùng giai cấp nhất định sẽ đi đến cáo chung, vô bổ, còn nếu cả hai đều là giai cấp cách mạng thì quan hệ nam nữ cũng trở thành quan hệ đồng chí. Đó là một loại quan hệ thuần khiết nhất vượt lên trên mọi quan hệ, là một loại quan hệ cao thượng nhất, bao hàm tất cả các quan hệ giữa con người với nhau, kể cả quan hệ lưỡng tính. Nam nữ sống trong quan hệ ấy, không có đặc trưng gì về giới tính, cả hai đều là “đồng chí cách mạng”, chuyện yêu đương tỏ tình chỉ có thể xuất hiện trước lúc trở thành chủ nhân ông có giác ngộ giai cấp. Sau khi đã giác ngộ giai cấp rồi, dẫu là vợ chồng cũng một mực thảo luận công tác cách mạng, trao đổi tâm đắc, thu hoạch qua học tập chính trị, phê bình và tự

phê bình, đừng có mà ngã ngã, khanh khanh, anh anh, em em ngọt ngào. “Tác phong nam nữ” đi liền với “phạm sai lầm”, và một tội danh vô cùng nghiêm trọng chính là “quan hệ nam nữ”, đến như những phạm nhân đi lao động cải tạo cũng xem khinh phần tử “bậy bạ nam nữ”, tóm lại hai chữ “nam nữ” dính lại với nhau là chẳng hay ho gì.

Môi trường cả xã hội là như vậy, làm sao tôi có thể bộc lộ những biểu hiện của “thời thanh xuân”, làm sao kích thích nỗi tôi ái mộ, yêu đương hoặc ham muốn tính dục với đàn bà. Ái tình là một loại “tình điệu của giai cấp tiểu tư sản”, ai “làm” cái chuyện đó rất dễ bị gạt sang hàng ngũ giai cấp đối kháng. Bản thân tôi chưa dám nói tới chữ yêu mà đã là tư sản rồi, giá mà yêu đương thật sự thì tình hình sẽ vô cùng phức tạp, có khi còn là phản động. Vả lại, cũng chẳng có bạn gái nào trong lớp dám yêu tôi. Tôi trở thành con người không có chút “tình điệu” nào cả, một người thoát ly “dục vọng tầm thường”. Không chỉ mình tôi mà tình cảm và cuộc sống của người dân Trung Quốc lúc bấy giờ đều bị kỷ luật, tác phong hằn trên cổ áo đồng phục cài chặt đến ngạt thở. Hàng chục triệu bạn trẻ bỏ qua “thời thanh xuân” tiến thẳng vào giai đoạn trung niên, già cả, biểu hiện bên ngoài của người Trung Quốc là ai cũng tỏ ra hướng nội, lặng lẽ, nói năng hành động rất ư cẩn trọng và hầu như đều già trước tuổi.

Quả nhiên hoàn cảnh xã hội phát triển tới mức mà hai chữ “luyến ái” bị đẩy ra khỏi từ điển, thay bằng một cụm từ “tìm đối tượng” rất chần nuôi, rất sinh vật học. Quá trình giao lưu tình cảm thánh thiện, tâm linh, cõi lòng đã bị tinh giản, dung tục, chỉ là một hành vi phồn thực mà thôi. Bởi vì “tìm đối tượng” chẳng khác gì như “giao phối” trong bầy đàn động vật. Tôi còn nhớ hồi đi lao động cải tạo, lúc ở nông trường chăn ngựa, thả dê, nuôi lợn, mỗi lần con cái động đực quậy phá chuồng trại, ông đội trưởng bèn hạ lệnh cho

tôi “đưa chúng nó đi tìm đối tượng”, có nghĩa là đem ra trạm phối giống là xong.

Đây là cái thời cả Trung Quốc trở thành “nơi bị tình yêu quên lãng”, và với bản thân tôi, tình yêu bất quá cũng chỉ là một thoáng “động tình” mà thôi. Nhưng lúc đó tôi thực sự đã đến “thời thanh xuân” của quá trình sinh lý. Tôi có những đòi hỏi, có những lúc “động tình” mà không tìm ra “đối tượng”. Thôi chỉ còn một cách là vùi đầu vào tiểu thuyết Đông Tây, kim cổ đã bị nhà nước cấm chỉ. Những trang sách nhàu nát, ngả vàng kể chuyện giai nhân thực nữ, vạn kiều phong tình, nhờ con mắt mà vượt ve, mân mê tâm linh nữ tính khát vọng. Thoạt đầu tôi cứ tưởng đó chỉ là “sướng con mắt”, sau này mới hiểu hai chữ “dâm ý” rành rành. Vì cả ngày bận rộn “dâm ý” nên những gì nhà trường giảng dạy $X + Y = Z$, rồi các công thức hóa học tựa như sách trời, tôi chẳng hiểu gì tất, và bài tập vật lý, toán học toàn nộp giấy trắng. Vài năm sau đó Trung Quốc xuất hiện một người nổi tiếng có biệt hiệu “tiên sinh nộp giấy trắng”, tôi đoán anh ta chắc cũng “dâm ý” như tôi.

Nhưng “tiên sinh nộp giấy trắng” may mắn hơn tôi rất nhiều, vì ngu si không làm được bài mà trở thành lớp kế cận cách mạng, người nhận giao ca của lịch sử; còn phần mình, ở nhà trường, tôi đúng là cái bia tập bắn của chính trị. Thời ấy đâu là trường trung học phổ thông cũng phải triển khai cuộc vận động chính trị “thành khẩn bộc lộ”. Nghe nói đó là một quá trình tất yếu phải kinh qua để cải tạo trí thức, mỗi ngày đều mở hội nghị để học sinh “giao tâm”, trao đổi mọi nỗi niềm trong lòng với lãnh đạo nhà trường. Tôi chẳng rõ lãnh đạo nhà trường cần nhiều “trái tim” như vậy để làm gì, những “trái tim” mà lũ học sinh trung học chúng tôi mới mười mấy tuổi “trao” đưa cho lãnh đạo thật là đơn thuần, non nớt, không thỏa mãn yêu cầu của các vị và do đó họ phải đến nhà các học sinh có thành phần gia đình

phức tạp để lấy cho được những “trái tim” rắc rối ấy. Tôi nằm trong danh sách loại học sinh vừa nêu, có điều những học sinh xuất thân từ thành phần bất hảo lại học tập rất tốt, chứ không giống tôi, vì vậy “tiên sinh nộp giấy trắng” như tôi tự nhiên là mục tiêu trọng điểm của vùng trọng điểm.

Tôi rất muốn đem những nội dung “dâm ý” trao cho lãnh đạo, nhưng không dám mở miệng. Đang khi do dự tiến thoái lưỡng nan thì may sao thầy chủ nhiệm lớp tìm tôi để “tâm sự”. Ông gọi tôi lên văn phòng nói về chủ đề “trái tim”, phẩm chất đạo đức mà giai cấp vô sản cần phải có. Thầy chủ nhiệm ôn tồn hỏi tôi, em có biết ở ký túc xá thường xảy ra hiện tượng mất vật, lúc đôi vớ, khi lọ mực, phong bì, giấy viết thư, con tem, thậm chí là cây kim sợi chỉ... hay không. Tôi bảo, thưa thầy em biết, vì bản thân em đã mất một đôi vớ. Thầy mừng rơn, thế là quá tốt, em đã biết rồi phải không, thôi còn chờ đợi gì nữa, em hãy nhanh chóng bộc lộ thành khẩn với lãnh đạo nhà trường là em đã “lấy” đi. Tôi ngạc nhiên và thưa rằng, sao em lại đi “lấy” đồ đạc của chính mình. Thầy chủ nhiệm giải thích, phải bộc lộ là em đã lấy của các bạn khác cơ. Tôi lắc đầu, em chưa hề lấy cắp đồ đạc của ai cả. Thầy chủ nhiệm có vẻ to tiếng, cậu phải thừa nhận như vậy, cậu sinh ra trong gia đình giai cấp tư sản, từ nhỏ đã mang tật xấu “lấy đồ đạc của người khác”, cậu có thừa nhận, có nhận thức thì tật xấu đó mới có thể sửa đổi triệt để. Tôi cũng cãi lại, thưa thầy từ nhỏ đến nay em chưa hề ăn cắp của ai. Thầy chủ nhiệm hạ giọng, người xuất thân từ thành phần tư sản tự thân đã có tật xấu ấy rồi, một loại tật xấu bẩm sinh, chứ không tự giác, vả lại “lấy cắp” và “ăn cắp” là hai khái niệm khác nhau, một đằng ngẫu nhiên, vô tình, còn đằng kia thường xuyên, cố ý, cậu chỉ “lấy” mà thôi, chứ tại sao lại đi liên hệ với “cắp” cho nó phức tạp ra. Thầy giảng giải rất là vắn điệu lớp lang, nhưng tôi vẫn không thông, so với cặp từ ngữ “thanh xuân” và “thời thanh xuân” thì “lấy cắp” và

“ăn cắp” còn khó phân biệt hơn nhiều. Sau khi áp đảo tôi về lý, thầy chuyển sang tình, cậu nên nhớ, thừa nhận là có lợi cho mình, cậu có biết chính sách của lãnh đạo là như thế nào không, “khoan hồng với bộc lộ, nghiêm trị với ngoan cố”, chỉ cần cậu nhận thì mọi việc sẽ ổn cả.

Mỗi ngày thầy chủ nhiệm ba lần “tâm sự” với tôi, dọa nạt, uy hiếp, dỗ dành, xoa dịu, thậm chí cầu khẩn nữa, đủ cả; cuối cùng tôi mềm lòng thuận theo ý thầy. Thầy mở sổ, đọc cái gì tôi viết cái đó, thành một tờ sổ dài đến mấy chục thứ gồm tất cả những gì bạn học đã bị đánh cắp và nay tôi thừa nhận từng “lấy”, lấy một cách ngẫu nhiên, vô tình, nhưng vì ngẫu nhiên, vô tình nhiều lần nên chẳng khác gì “ăn cắp”. Lãnh đạo nhà trường hài lòng, xuất thân từ giai cấp tư sản là thế đấy, khó lòng mà giáo dục nên người, phải cho nó đi cải tạo, qua lao động mà sửa chữa thói hư tật xấu. Tôi bị đuổi học vì tội thừa nhận “ăn cắp”, đó là “ích lợi” của thầy chủ nhiệm đã mặc cả ban đầu. 40 năm sau, trường trung học ấy tổ chức lễ kỷ niệm nửa thế kỷ thành lập, người ta biên soạn cuốn “Những cánh chim tung bay”, sưu tập sự tích thành đạt của học sinh sau khi rời khỏi nhà trường. Ban biên tập bình chọn tôi là người thành đạt nhất, yêu cầu tôi có đôi lời cảm tưởng và gửi cho tấm ảnh chân dung. Còn nhớ hồi ấy, lãnh đạo nhà trường đã gọi mẹ tôi tới, để giữa hàng trăm học sinh và giáo chức, nhận mặt thẳng con “đầu trộm đuôi cướp” của mình. Đó cũng là một phương pháp nhằm giáo dục cả hai, học sinh lẫn phụ huynh mà thời ấy rất thịnh hành. Mẹ tôi nước mắt lưng tròng nắm chặt lấy tay tôi và khẳng khái nói, tôi tin chắc là con tôi không ăn cắp, dẫu các thầy có dạy nó ăn cắp, nó cũng không học. Bà liếc nhìn lãnh đạo nhà trường, rồi mỉm cười lịch sự, nhưng tỏ ra rất miệt thị và dẫn tôi về nhà.

Vì mẹ, tôi nhất quyết đoạn tuyệt với “dâm ý”, từ đó trên trời, dưới đất, giữa nhân gian, cái gì tôi cũng nghĩ đến, trừ mỗi chuyện đàn bà con gái và

“thời thanh xuân” của tôi đã được thể hiện bằng một hình thức khác. Sau khi bị đuổi học không bao lâu, tôi lao đầu vào lưới thép, đó là “Đường thi tam bách thủ”, cái gốc nảy mầm từ hạt giống “hiểm họa” - Ba trăm áng thơ Đường, đã lớn dần, cường tráng, nở hoa và kết trái trong tôi. Hành vi nguy hiểm ở xã hội thời bấy giờ không phải là ăn trộm ăn cướp mà chính là làm thơ. Tôi xuất thân từ giai cấp tư sản, đã mắc tội “ăn cắp” nay còn thêm tội làm thơ, mà thơ tôi viết không giống như “Thù xướng tập” nhẹ nhàng, uyển chuyển, ngược lại toàn gai góc, châm chọc, ngược dòng. Thật là đáng trách khi tôi cứ đi tìm cái rắc rối cho mình.

Loại hình “thời thanh xuân” chẳng màng tới nữ tính còn gọi là thủy phần bằng “không”. Thực tình mà nói thì phụ nữ, ái tình, vợ chồng, gia đình, những thứ ấy gộp thành dung dịch mềm hóa người đàn ông. Chỉ cần nhỏ lên trái tim họ một giọt là xương cốt rã rời, sức lực biến mất. Song lại có một thực tế phải thừa nhận là khi không có phụ nữ để theo đuổi thì biểu hiện “thời thanh xuân” nơi đàn ông thường là công kích người cùng giới. Đây cũng chính là điều kiện cần thiết nhằm tự vệ trong thời gian đi lao động cải tạo. Anh không mở to mắt ra, không công kích người ta, thì người ta sẽ công kích anh. Sống giữa một bầy sói, anh cũng phải như con sói tinh ranh, giảo hoạt. Đánh răng cùng đi cải tạo với nhau đều là trí thức mà tuyệt đại đa số là tìn đồ của Đường thi Tống từ, từng áo mao xênh xang một thời trong xã hội, phong độ rất là nho nhã, nhưng lúc cán bộ quản giáo tuyên bố các phạm nhân phải theo dõi nhau, tố cáo nhau, phát giác nhau, cộng với nỗi khổ đói cơm, rét áo, lao lực thì bọn họ, trong đó có tôi, dần dần thoái hóa thành nửa người nửa ngợm. Một khi trí thức hàm chứa trong mình 50% súc sinh, lối công kích của họ càng có sách lược và độc địa hơn cả súc sinh chính thức 100%. “Thời thanh xuân” của tôi nhằm đúng lúc tiếp xúc với hạng người nửa

phần dã thú, nhưng diễm phúc với tôi là con thú bệnh hoạn, trong trận sống mái “đấu tranh tư tưởng” thường tránh ra rìa. Dù là thiên đường hay địa ngục, dù là thần tiên hay hổ báo, ai có “thanh xuân” người ấy có sức sống. Rồi sau đó, những dã thú già nua, suy lão đấu không nổi với đám trẻ trung đang độ “thanh xuân” đã gục dần nơi mình cải tạo, còn lại đều là răng nanh sắc nhọn, khi cắn ai thì cắn chỗ chí mạng, hiểm nguy. Hôm nay, lúc viết đến đoạn lịch sử này, tay tôi bỗng run cầm cập, không cầm nổi bút.

Tôi nhận thấy giờ đây đã giải phóng khỏi sức ép, song nhiều lúc lại buồn, lo và đau đớn, một nỗi khiếp đảm trùm lên tất cả. Tôi không rõ đây là sự hồi quy của cuộc đời hay “thời thanh xuân” đang dần dần suy lão. Những khi âu lo, sầu não và xót xa như vậy tôi bất giác hoài niệm thuở xưa gan dạ, giữa vòng lưới thép dăm một mình xông ra, quần thảo và cuối cùng trói chặt dã thú. Tôi cũng thường hồi tưởng cái thời thoải mái của hai bàn tay trắng, cảm nhận sâu sắc rằng hề có thêm một cái gì đó là thêm một nhọc, phải đem toàn bộ sức mình ra mà bao bọc, chở che.

Từ sau khi biết sử dụng linh hoạt cái xẻng cầm tay, tôi nhận thấy mình không những biết múa bút, mà còn cả ngón nghề công phu vũ lâm, vùng kiếm lạnh. Tôi cho rằng lạc thú của “thời thanh xuân” không hoàn toàn chỉ là sự ngưỡng mộ, khát khao người khác giới. Quan trọng hơn chính ở chỗ cứ mỗi ngày phát hiện thêm một thiên phú có trong mình và không ngừng chuyển hóa tiềm năng thành sức mạnh, thành lợi thế. Vùng tam giác mộng lung ấy tuy không để lại một ấn tượng gì về xúc giác, nhưng tôi vẫn luôn cảm ơn nàng, người đã khai quật trong tôi một tinh thần mạo hiểm. 13 tuổi tôi đã từng mạo hiểm dám nhảy từ tầng ba xuống đất, thì nay ở cái tuổi 33, ngoài bộ quần áo phạm nhân lao động cải tạo ra, tôi không có gì tất, đó cũng là do tôi vui cùng mạo hiểm. Tình thực mà nói thì sở dĩ tôi không trốn trại, phần lớn là vì cuộc sống của dân thường bên ngoài đâu sánh bằng phạm nhân chúng tôi. Sau này tôi không chỉ một lần lên tiếng tán dương trại cải tạo là nơi dễ kiếm cơm nhất, ở đây an toàn bội phần so với bất cứ chỗ nào. Tôi cảm ơn số phận, trong thời buổi nhiều nhương, xã hội biến động, đã đưa tôi đến cái nơi thích hợp nhất đối với mình.

Một ngày hè năm tôi 33 tuổi, ông đội trưởng đội cải tạo hạ lệnh bảo tôi đi canh cống nước. Đây là mùa vụ, rất cần nước tưới cho tiểu mạch ở vùng Tây Bắc. Bởi vì lúc ấy đang “làm cách mạng”, cho nên cơ quan thủy lợi chẳng ngó ngàng đến kế hoạch phân phối sử dụng nước. Tất cả nông trường, công xã ở lưu vực Hoàng Hà cũng với “khí thế cách mạng” nổi lên tranh giành nước, ai có nhiều thế lực kẻ đó độc chiếm nguồn nước. Trên thành phố người ta đấu đá nhau để đoạt quyền, tranh ghế; còn nông thôn chúng tôi đơn giản hơn là nước và cướp nước. Hàng chục đội sản xuất đã hỗn chiến trên một dòng kênh, cũng băng đảng, cũng phái hệ như xã hội đen Thượng Hải ngày xưa, quyết chiếm cho được cái cống để mở đóng đưa nước về phần đất của mình. Nông trường nơi tôi lao động cải tạo có hàng vạn mẫu ruộng phải lấy nước tưới từ cái cổ chai này, cho nên canh gác cống nước năm ấy đã trở thành nhiệm vụ sinh tử của một cộng đồng. Trước khi tôi lên đường ra trận, ông đội trưởng động viên:

- Phạm nhân hữu phái (người ta thường gọi tôi như vậy và sau này ở đoạn cuối, có một thiếu phụ muốn giúp tôi nhen nhóm lại “thanh xuân”, nhưng do quá khiếp đảm nên giữa chừng tôi bất lực, chị âu yếm đặt cho tôi cái tên “Lão hữu”, nghe thân thiết vô cùng) - anh khỏe hơn mọi người (vì tôi giỏi ăn vụng hơn các phạm nhân khác), lại là “nhị tiến cung” (lần thứ hai đi cải tạo, tuy sự việc ấy chẳng lấy gì làm vinh dự, nhưng sống lâu lên lão làng, có nhiều kinh nghiệm, thành tích nên mới được giao trọng trách). Tôi thấy anh cũng thuộc loại to gan (điều này thì ông đội trưởng thật có nhãn quan, nhìn đúng người đúng vật), anh hãy vì tôi mà chốt cú (ông đội trưởng nói năng cứ như những nhân vật phản động trong điện ảnh). Kẻ nào đến mở cống cướp nước, hữu phái hãy đánh chết cho tôi (nghĩa là dầu máu chảy đầu rơi, cũng không được lùi bước, chứ đừng ngộ nhận là ông ta đã “hạ phóng” cái quyền

giết người đầu nhé).

Ông đội trưởng giao cho tôi sứ mạng vô cùng quan trọng, thật là “sĩ vi tri kỷ giả tử”. Hào khí xung thiên, tôi chẳng nói chẳng rằng, nghiêm nghị vác xẻng lên đường đi giữa hai hàng phạm nhân đưa tiễn. Trên thực tế nếu không có kẻ nào lăm le cướp nước thì nhiệm vụ “gác cổng” cũng như đi an dưỡng, nghỉ ngơi, so với lao động ở nông trường thì thông thả hơn nhiều. Nhưng “nuôi quân ba năm, dùng quân chốc lát”, bản lĩnh dày mỏng, tài trí thấp cao, ruột gan to nhỏ chính là vào lúc huyết chiến giữ nước mới tỏ bày, bộc lộ tất cả. Ông đội trưởng không nói đùa một chút nào, vì nhiều bạn máu đào đã chảy đỏ dòng kênh.

Tôi nghỉ ngơi thoải mái đúng hai ngày dưới một gốc cây cạnh cổng nước, tha hồ nhâm nhi những ý tứ trình bày trong cuốn sách triết học của tác giả người Đức. Ở nông trường cải tạo, ngoài công việc phụ phen tạp dịch, ông đội trưởng còn bắt tôi đọc sách “Mã Ân Liệt Tư Mao” và chỉ được đọc loại sách ấy để giáo dục tinh thần “vì nhân dân phục vụ”. Nói có vẻ dài dòng lôi thôi, ghép cả năm ông vào chung một tựa sách, nhưng thực tế là rất ngắn, thoáng một cái là xong, cũng chỉ biên soạn, trích dẫn đến mức ấy thì quần chúng cách mạng mới đủ chữ mà đọc, dài hơn nữa là gay. Nhưng ngày thứ ba vào lúc nửa đêm, trăng treo đỉnh đầu vắng vặc sáng, bỗng bảy tám thanh niên lực điền kết bè kéo mảng ập tới, thấy chỉ mình tôi ngủ say trên bờ kênh, thẳng đầu đảng hét lên một tiếng “tiến”. Tình cảnh lúc này giống hệt như tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung miêu tả trong đoạn “Hoa Sơn luận kiếm”. Bờ kênh biến thành đỉnh núi để “bát đại môn phái” vùng gươm tỷ võ. Tôi nằm chặt cái xẻng, từ từ đứng lên rồi đồng dục: "Thưa bà con, anh em, mấy ngày hôm nay chưa đến lượt bà con, anh em lấy nước mà đang luân phiên cho nông trường chúng tôi. Đêm nay nếu bà con, anh em muốn mở cổng dẫn

thủy thì hãy xin nộp mạng. Không phải tôi, mà một ai đó trong số bà con, anh em. Bà con, anh em không tin thì chúng ta cứ thử xem sao".

Cả toán bảy tám cái mồm thi nhau chửi, chửi từ tổ tông nhà tôi cho tới lãnh đạo nông trường, giống như tôi và nông trường là cùng huyết thống, giống như trại cải tạo là vườn nhà của ông cha tôi vậy. Bây giờ bảo tôi nhắc lại là họ đã chửi những gì thì tôi đành chịu, không nhớ xuể, nhưng chung quy là mạt sát tôi, phạm nhân lao động cải tạo làm sao mà địch nổi với “đoàn tạo phản” bần nông và trung nông lớp dưới như chúng tao. Tôi cười ngạo mạn, bất kể chúng mày là “đoàn tạo phản” hay gì gì đi nữa thì cũng không bằng cái móng của một tử tù. Chúng mày có biết vì sao ông đội trưởng cử tao đến đây gác cổng hay không? Bởi một tháng sau tao sẽ lên đoạn đầu đài, đêm nay chúng mày đến đây, tao chẳng sợ, nếu có chết trong khi đang làm nhiệm vụ thì gia đình tao còn có thể nhận thêm tiền tuất, hiểu không?... Nào xông vào đi, chặt đầu tao cái đã rồi hãy mở cửa cổng. Mau lên, còn chần chừ gì nữa! “Đoàn tạo phản” bần nông và trung nông lớp dưới ngơ ngác nhìn nhau. Chúng lấm bầm: Không ngờ hôm nay gặp thằng chó đẻ. Nhưng ngay sau đó tên đầu đảng liền trấn an, chúng tao khử mày mà làm gì, đừng có dại đi tìm cái chết, đứng sang một bên, mày mà động dậy là tao ra đòn, sống dở chết dở đó hơi thằng em. Để chúng tao làm việc của chúng tao, mày xem như chẳng trông thấy gì cả. Đầu đảng chưa dứt lời thì một thanh niên trong bọn, khoảng 20 tuổi là cùng, tranh thủ lướt tới, cúi lưng định mở cửa cổng. Tôi hét lên, tao sống cũng như chết, nhưng nay nhắc chúng mày, chúng mày không chặt tao, thì tao vẫn chặt chúng mày. Tao có giết chết một thằng thì người ta cũng không lôi xác tao lên để bắn lần thứ hai. Bà con, anh em hãy đừng theo tôi mà tử nạn vô ích. Đồ chó đẻ mày dám không, tên đầu đảng gầm gừ. Tôi đáp lại, hãy đợi đấy. Điệp khúc “mày dám không” và “hãy đợi đấy” lặp đi lặp lại

cả chục lần, tôi và tên đầu đảng như hai con chó sủa oang, càng lúc càng to, càng lúc càng dữ. Đó là cách đàm phán đơn giản nhất trên thế giới này, về sau tìm hiểu mới hay, tất cả những cuộc cãi nhau quốc tế kỹ xảo dù phức tạp đến đâu thì hình thức nguyên thủy cũng chỉ như thế “mày dám không”, “hãy đợi đấy” mà thôi. Thấy tôi không chịu lùi nửa tấc, tên đầu đảng hò la bọn đàn em ào vào cửa cống. Phần mình, tôi lựa thế, tay cầm xẻng, mắt nhìn lên cổ thẳng bé, một cái cổ mập ụ hơn cổ lợn và tìm góc độ sao cho “lai như lôi đình thu chấn nộ” kiểu Công Tôn Đại Nương từng múa kiếm và bỗng trong người trào sôi dòng máu nóng thôi thúc thẳng con trai phải chiếm đoạt, tính giao nữ giới, nhưng vì ở đây không có ai là đàn bà con gái nên tất cả dồn lên bàn tay, phập một nhát nơi cánh cửa cống, “bãi như giang hải ngưng thanh quang”, lệ làng tới mức chỉ nghe mỗi tiếng kêu thảm thương “mẹ ôi”, rồi sau đó là máu đỏ lênh láng dưới trăng mờ. “Đoàn tạo phản” bần nông và trung nông lớp dưới nhanh chóng rút lui, công thương binh về bệnh viện cấp cứu. Tên đầu đảng quay lại dọa dẫm: “Hãy đợi đấy, hỡi thẳng chó đẻ”. Chiến trường giờ đây yên ắng. Tôi xùi xuống như người đàn ông vừa xong một đợt “thanh xuân” và cảm thán, đúng như ai đó đã từng nói, mọi cuộc chiến tranh đều bắt nguồn từ dục vọng của người lãnh đạo.

Sáng hôm sau tôi vội vàng báo cáo lên ông đội trưởng. Ông khen tôi hết lời và bắt đầu chửi “đoàn tạo phản”, chửi đến tổ tông tám đời nhà họ mà không hiểu rằng những bần nông và trung nông lớp dưới kia cũng là “người anh em giai cấp”, cùng một huyết thống với ông. Tôi trở lại vị trí canh cổng nước, nhặt ngón tay nạn nhân, giờ đã tím bầm, chôn cất tử tế, nhìn đất nhìn trời và thỏa mãn với sự trào dâng, phát tiết của “thời thanh xuân” không ái tình, không nữ tính vừa mới “động tình” như kiểu tối hôm qua.

Tôi vừa học những trí tuệ cao nhất của loài người và đồng thời cũng làm

những việc dã man nhất và nhiều khi còn ác hiểm hơn dã thú, thế mà lúc ấy tôi chẳng hề bị lương tâm cắn rứt, dày vò chút nào. Về sau mới hiểu ra, đây là dòng chảy chính của một thời lưỡng tính, hai mặt và kỳ lạ thay, bất kỳ mọi lúc mọi nơi tôi đều hòa nhập, xuôi chiều cùng dòng chủ lưu đó. Giờ đây nhớ lại, tôi thật xót xa cho chàng thanh niên đêm hỗn chiến giành và giữ nước. Anh ta trẻ hơn tôi, lúc này anh ta nhiều lắm cũng chưa tới 50, nửa đời người cụt một ngón tay, làm ăn sinh sống đều rất bất tiện. Nhất định là anh ta đã nhiều lần mân mê phần gốc ngón tay còn sót lại và kể với bạn bè nỗi kinh hoàng đêm ấy, nhưng chẳng biết họ tên thẳng phạm nhân “chó đẻ” là gì và chẳng biết phải tìm nó ở đâu mà báo thù. Tương tự, dầu có muốn chuộc tội đền bù chút ít cho nạn nhân, tôi cũng đành bó tay vì tất cả những gì liên quan đến anh đều mù mịt. Hồi ấy chàng thanh niên ấy giống tôi là đang tuổi trẻ, đang “thời thanh xuân”, nhưng khác nhau là một bên được phát tiết, được thỏa mãn thú tính; còn bên kia vừa khiếp đảm vừa hận đời và linh hồn bị tổn thất mà thủ phạm chính là tôi. Thế giới quanh chúng ta thường là như thế. Bao sự vật, bao con người vốn dĩ rất xa nhau, khác biệt, không hề liên quan ràng buộc, bỗng đụng đầu và trở thành đối địch một cách ngẫu nhiên.

Phần tôi, khi hoàn cảnh xã hội và điều kiện cá nhân vừa thay đổi thì liền nhớ lại quá khứ và cảm thấy bất an. Đành rằng xã hội sẽ không còn hại tôi nữa, đành rằng tôi sẽ cố thiện tâm đối đãi với đồng loại, nhưng thói nào tật ấy vẫn cứ bao vây và dễ sợ nhất là lúc “thời thanh xuân” trôi dạt, loại “thanh xuân” không ái tình, không nữ tính lại thúc giục tôi nói những điều không muốn nói và làm những việc không muốn làm.

Tôi lập xí nghiệp tư nhân hùn vốn đầu tư biến một vùng đổ nát, hoang phế trở nên khu vui chơi giải trí và đặt tên là “Thành phố điện ảnh vô tuyến” cho oai. Tôi đã làm đầy đủ mọi nghĩa vụ tài chính với chính quyền địa phương

cũng như giúp đỡ bà con thuộc diện giải tỏa ổn định cuộc sống tại khu mới. “Thành phố điện ảnh vô tuyến” của tôi chính thức mở cửa bán vé cho khán giả vào xem, dần dần thu lãi khiến đám cường hào ác bá mới quanh vùng nóng mặt. Nhân buổi đầu tranh sáng tranh tối của thời kỳ cải cách mở cửa, kinh tế thị trường, lợi dụng khi luật pháp còn chưa hoàn bị, bọn chúng sách động dân đến quây phá đòi chiếm lại “cố thành” giống hệt như hồi tranh cướp nước ở dòng kênh. Sáng hôm đó người của chúng ập tới đuổi hết nhân viên bán vé của tôi, ngang thiên thu tiền bỏ túi. Tôi đánh xe đến hiện trường thấy người ta bao vây, biểu tình, hô khẩu hiệu và xem tôi bằng nửa con mắt. Tôi lại cảm thấy dòng máu lạ trào dâng trong người và bỗng nhận ra nhiệt dư “thời thanh xuân” đang nóng dần lên. Ai là người cầm đầu, tôi hét to và cả đám người gan lì như bầy quạ vẫn cười khì, vẫn chơi cái trò chơi không luật lệ. Đây không cần lãnh đạo, đây không cần cầm đầu, một thanh niên ngạo mạn trả lời. Tôi chộp ngay, chính anh là lãnh đạo, chính anh là cầm đầu, hôm nay chúng ta nhận mặt nhau, mai này hành xử thì anh đừng có trách. A lô, tôi rút máy điện thoại di động, giả bộ quát nạt, ra lệnh, chuẩn bị ngay cho tôi, tổng giám đốc, một “đại đội vũ trang”, chờ chỉ thị là hành quân thần tốc đến hiện trường, rõ chưa, rõ. Người thanh niên nọ và bầy quạ của anh ta sợ hãi bởi hai chữ “đại đội” bèn nhát gan khai báo thật, dạ thưa “cấp trên” bảo chúng em quây phá đại ca. Về bảo với “cấp trên” của các người rằng ông anh đây có sức khai phá vùng “cố thành” này phồn vinh nhộn nhịp như hôm nay thì cũng đủ mạnh và thừa bản lĩnh khiến kẻ nghịch tặc vong nhân bại sản, hôm nay ta thí cho các người tiền bán vé, về mà ăn nhậu, nhưng ngày mai còn dẫn xác tới đây, hãy xin “cấp trên” mua sẵn cỗ quan tài. Ai cũng biết anh các người đã lao động cải tạo đúng 20 năm, chẳng việc xấu nào mà không nghĩ ra, nói đoạn tôi lên xe rời máy rời khỏi “Thành phố” của mình. Những lời nói lạnh tanh như máu cá và âm mưu chặt đứt một ngón tay hoàn toàn

như nhau, đều là biểu hiện “động tình” của “thời thanh xuân”. Tất nhiên tôi chẳng có “đại đội vũ trang” nào để mà gọi và chẳng dám “vong nhân bại sản” người ta, vì bây giờ đâu có “làm cách mạng” muốn giết ai là giết, nhưng tôi hiểu “lấy độc trị độc”, với những kẻ vi phạm pháp luật thường không sợ cơ quan chấp pháp mà lại rất gờm trước các tay anh chị cao thủ hơn mình. Sáng hôm sau người của tôi vào ca bình thường, hầu như chẳng có gì xảy ra, “Thành phố” bình an và vui vẻ làm ăn.

Có những người đàn ông ham gái, lại có loại chỉ ưa vật lộn cùng giới tính. Từ ngày đoạn tuyệt thói hư “dâm ý”, tôi thuộc loại thứ hai và nhận ra rằng lạc thú của “thời thanh xuân” còn bao gồm cả “chí phấn đấu hơn người”. Cuộc đời lao động cải tạo nhiều năm không dạy cho tôi một trò chơi giải trí nào cả, sống đơn điệu, buồn tẻ, không cờ bạc, xoa mặt chược, hay đánh “gôn” mà chỉ có hai kiểu chơi, “tâm nhãn” và “vận mệnh”, thật là kỳ quái. Cuối cùng thì cả xã hội kinh tế thị trường của Trung Quốc cũng đang vào “thời thanh xuân”, nhìn trước ngó sau, lao tâm khổ tứ, thì thấy rằng nó rất cần đấu chí, nó rất cần hoạt lực, và rất cần một tinh thần nghênh chiến. Trời ơi, “xuất thủy tài khán lưỡng thối nê”, rút chân ra khỏi nước mới thấy đã lấm bùn, ai viết, ai ca, ai nghĩ mà hay đến thế.

“Thời thanh xuân” của tôi không tình yêu, không đàn bà, và cũng không ham muốn quan hệ nhục cảm với phụ nữ. Cám ơn Trời xanh cao vợi, Người đã an ủi con hay ra tay dập tắt ngọn lửa dục niệm đang âm ỉ cháy nơi lòng con mà dàn dựng một màn trình diễn “sinh hoạt vợ chồng”. Tôi buộc phải xem và bỗng tiêu tan bao mơ tưởng đối với loại “sinh hoạt” này, khiến tôi nhận thấy tính giao cùng nữ giới là công việc hết sức vô nghĩa nên cả đời xa lánh và lãnh đạm với nó.

Cuối những năm 60, sau sự kiện chặt đứt ngón tay một thanh niên nông

dân, tôi được phóng thích, trả tự do, miễn hạn cải tạo, chuyển sang lao động kiếm sống, từ nông trường lao động cải tạo bước qua một cây cầu độc mộc bắc trên dòng kênh là tới nông trường công tác. Hai nông trường gần nhau trong gang tấc, chó sủa gà kêu đều có thể vọng qua truyền lại, nó tượng trưng cho cái thời hể hờ dăng tí chút là bị tổng đi cải tạo như chơi. Phạm nhân lao động cải tạo được phóng thích, trả tự do nào đã thoải mái gì, vẫn phải mang trên mình năm chữ “lao cải thích phóng phạm” giống như người nô lệ ngày xưa bị đóng dấu trên trán, nghĩa là vĩnh viễn không bao giờ xóa nổi cái nghiệp “phạm”, dấu đi đến cùng trời cuối đất thiên hạ đều có thể nhận biết. Hôm phóng thích, cán bộ quản giáo đã ghi nhận xét rất tốt cho tôi, ông viết: “Nhận tội phục pháp, tuân thủ giám quy, tích cực cải tạo, thế giới quan và lao động quan đã chuyển biến rõ rệt...” thế là ông cán bộ đã cố tình bỏ lơ tội ác chặt đứt ngón tay một nông dân do tôi gây nên ngay trong thời gian cải tạo. Tôi những tưởng cầm bản nhận xét này mà đi xin việc thì hoàn toàn đủ tư cách làm anh công nhân nông nghiệp chính thức, nhưng thực tế thì trong xã hội sẵn có vạn vạn người cũng “thế giới quan, lao động quan đều chuyển biến”, họ còn hơn tôi ở trạng ngữ “triệt để”, chứ “rõ rệt” là cái thá gì. Đại đa số trong bọn họ tùy hoàn cảnh khác nhau mà gặp phải những tội trạng với dạng thức muôn hình muôn vẻ, đúng như chủ trương của “nguyên tội luận” Cơ Đốc giáo, con người sinh ra là đã mắc tội rồi. Tôi sở dĩ “nhị tiến cung”, hai lần vào ra trại cải tạo, là do “phong trào giáo dục xã hội chủ nghĩa” đưng tới, ba năm sau lại xáp mặt với “văn cách”. Không ngờ con người khó dạy bảo đến thế. Người phạm tội tham gia phong trào chính trị ngày càng nhiều, vậy nên có trở thành công nhân nông nghiệp chính thức hay không thì cũng chẳng hề gì, bởi mọi người đều là phạm nhân cả.

Nhưng dù thế nào đi nữa, “phạm nhân lao động cải tạo được phóng thích”

vẫn thấp hơn nhân dân một bậc và do đó Ủy ban cách mạng nông trường đã liệt tôi vào lực lượng lao động bị “đội chuyên chính quần chúng cách mạng” quản chế. Đây là một tổ chức có ở khắp nơi, cơ quan, đơn vị, nông trường, thậm chí cả đường phố nữa, là một hình thức trại cải tạo quy mô nhỏ, quần chúng cách mạng có thể tùy hứng kéo lãnh đạo của mình ra đấu tố rồi chụp cho cái mũ “đầu trâu mặt ngựa”, bị tập trung quản chế và cưỡng bức lao động. Căn bệnh của “văn cách” mười năm là đẩy quần chúng lên cao hơn tất cả, trở thành lực lượng vô thiên vô pháp, căn bệnh đó thấm vào gen tinh thần của cả dân tộc, di truyền cho hậu thế, khiến hôm nay nhiều cán bộ có quyền thế hóa thân là ác bá một vùng, còn quần chúng tay không đóng vai vô lại.

“Đầu trâu mặt ngựa” gồm đủ loại, từ cao quan hiển hách cho tới thứ dân bình thường. Dù địa vị phẩm hàm xưa kia chênh lệch như thế nào nhưng đã đến đây thì nhất luật đều là kẻ xấu, cùng một đẳng cấp. Có bị đội chuyên chính quần chúng cách mạng quản chế, tôi mới hiểu là tầng lớp phạm nhân lao động cải tạo được phóng thích như chúng tôi còn ưu việt hơn cái đám “đầu trâu mặt ngựa” kia. Tuy trước đây là phần tử hữu phái khét tiếng, nhưng vì hồi đầu “văn cách” lọt lưới không bị lôi ra đấu tố, quy phái hệ, cho nên giờ đây tôi may mắn thuộc tầng lớp trung gian và được gọi là “hổ chết”. Hổ đã chết thì tất nhiên là không bị “đào mồ lôi xác” lên mà đánh, trọng điểm đấu đá, hành hạ của quần chúng cách mạng chính là bày “hổ sống”. Tôi có sức khỏe, tư tưởng nói chung là tạm ổn, không bị liên lụy gia đình, kỹ năng lao động thành thạo hơn nhiều so với lũ “hổ sống” lâu nay chỉ ngồi văn phòng chực ăn thịt người, cho nên ai ai cũng phải nể. Lãnh đạo nông trường giao nhiệm vụ cho tôi chỉ huy hơn 20 con “hổ sống” ngày ngày đi lao động.

Nhân vật mà tôi sẽ kể dưới đây là một người đàn ông, kỹ thuật viên nông trường, sinh viên nông dân, hạt giống đỏ, thuộc loại đẻ ra là để làm cán bộ.

Nhưng không may, vì hồi đầu “văn cách” đứng sai đội hình, loạn quàng thế nào đó mà lại bị quy thành “đầu trâu mặt ngựa” nên nay tổng khứ cho quần chúng chuyên chính. Thoạt đầu tôi không rõ “đứng sai đội hình” là tội trạng gì, sau đó một lão “hồ sống” khác kể rằng, hẳn là “kẻ hai mặt”, lúc đứng bên phe này, khi nhảy sang phái kia, ai cũng bảo hẳn phản bội. Sau một thời gian tiếp xúc, chỉ huy “kẻ hai mặt”, tôi mới rõ hẳn chẳng có tội tình gì ngoài cái tật vì quá nhiệt tình với cách mạng mà khiến thiên hạ ghét. Lúc nói chuyện thì nước bọt văng tung tóe, riêng khoản này đã khiến tôi không ưa hẳn, lại thêm làm lụng nhác nhớn vô cùng. “Kẻ hai mặt” trở thành đối tượng trách cứ của tôi. Ngày xưa còn lao động cải tạo chẳng có dịp để trách cứ ai, nay cấp trên giao cho chút quyền chỉ huy bọn “hồ sống”, không quát nạt kể cũng phụ lòng các vị. Và lại có quát nạt người khác mới thể hiện là mình cao hơn một bậc, chẳng trách mà “quần chúng cách mạng” thường rất thích chống nạnh và vênh mặt với những ai “phi cách mạng”.

Làm thủ lĩnh lũ “đầu trâu mặt ngựa” được vài tháng, tôi càng cảm nhận ra mình đã đặt chân vào lãnh địa ưu ái của xã hội. Thứ nhất là mình cũng được gọi là lãnh đạo. Thứ hai là lại đi lãnh đạo đám người từng một thời lãnh đạo bàn dân thiên hạ, và thế là từ một anh công nhân nông nghiệp “tạm tuyển” chưa gột sạch dấu ấn “phạm nhân”, tôi nhảy phóc lên chức quan, làm ông cán bộ và bắt đầu dương dương tự đắc. Về sau không rõ tình hình đã biến chuyển ra sao mà những người nguyên là “quần chúng cách mạng” nhận thấy dấu đá lũ “đầu trâu mặt ngựa” chẳng nên công cán gì nên trọng điểm đã chuyển sang chính mình và thời đó gọi là “quần chúng đấu quần chúng”. Các phe phái “quần chúng cách mạng” ở nông trường tuốt gươm rút giáo thề sống mái với nhau. Cấp trên bận “nắm cách mạng”, nhiệm vụ “đẩy mạnh sản xuất” đành phó thác cho “đầu trâu mặt ngựa” đảm trách, quyền lực chỉ huy

hiện trường bỗng rơi vào tay tôi. Những độc tố của “chủ nghĩa nhân đạo giai cấp tư sản” bị tiêm nhiễm từ khi còn bé đã khiến căn bệnh cũ tái phát trong tôi. Nhìn đám “đầu trâu mặt ngựa” bị quản chế nghiêm ngặt, bị đấu tố sứt đầu mẻ trán, xa vợ lìa con, tôi thấy xót thương. Họ còn tội nghiệp hơn cả phạm nhân lao động cải tạo chúng tôi ngày trước, vì thế nên tôi đã bí mật cho phép “Phản bội” và “Đặc vụ” - hai con “hồ sống” tuổi gần 60, bệnh tật khắp người, về thăm lại người thân sau mấy năm trời biệt lập. Không cho họ đi thì thật không đành, điều này chứng tỏ tôi chưa cải tạo tới mức “thay da đổi thịt”, ông đội trưởng nhận xét đánh giá tôi như đạo nọ là không đúng.

Ngày hôm ấy tôi và “Kẻ hai mặt” cùng đi cắt cỏ cho ngựa, quá trưa thì mưa, phải chui vào một căn nhà đất rách nát tạm trú. Mưa càng lúc càng to, mịt mù tầm tối mà cả hai thì bụng đói cồn cào. May sao ở đó còn sót lại bao đậu tương làm thức ăn nuôi ngựa, tuy đã sặc mùi ẩm mốc, nhưng chúng tôi vẫn bốc nhai ngon lành, vừa ăn vừa nhìn mưa giết thời gian. Khoảng nửa giờ sau một người đàn bà đội mưa, ướt đầm bỗng xuất hiện trước cửa, hình hài như con ma khiến tôi sợ hãi, nhưng “Kẻ hai mặt” thì sung sướng vô cùng. Hắn hét lên, sao mình biết mà tới được đây. Tôi đến đằng ấy, người ta bảo ông ở bên này, “đằng ấy” là một chỗ làm việc khác do đội chuyên chính quần chúng cách mạng quản chế, còn “người ta” chính là lũ “đầu trâu mặt ngựa” nọ. Tôi chưa kịp hoàn hồn thì “Kẻ hai mặt” đã kéo người đàn bà vào trong nhà, thôi thì vuốt tóc, xoa đầu, lau mình cho sạch, nước bắn tung tóe lên cả đầu tôi. Tôi tưởng đó là con gái của lão, vì còn quá trẻ, đâu mới 20. “Kẻ hai mặt” phải thanh minh, thừa cán bộ, vợ tôi đó và tự nhiên cởi áo vắt khô cho cô gái, lồ lộ phần ngực nhô cao, trắng nõn, chính giữa là một hào sâu, chẳng rõ vì sao khi liếc trộm con hào ấy, tôi vô cùng hốt hoảng và nhắm mắt lại. Vợ chồng gì mà chệnh lệch nhau dữ thế “Anh hai...”, dạ thưa, hồi đó trư

cán bộ lớn ra, nhân dân “tìm đối tượng” đều có tuổi tác tương đương “giao phối”. Hăn cười với tôi và bảo rằng cô ả là nông dân, vì vậy cuộc vấn đáp đành kết thúc, nhưng tôi chẳng có cơ sở nào để xác minh họ là một “cặp” vợ chồng và bản thân mình đã phạm kỷ luật của đội chuyên chính quần chúng cách mạng vì cho phép “đầu trâu mặt ngựa” gặp gỡ người nhà. Tôi lùi về một góc. Ngoài trời vẫn mưa như trút nước, trong lồm bồm tiếng mưa rơi, tôi lắng nghe họ nói chuyện gia đình. Càng nói càng mặn mà, quyến luyến, bỗng “Kẻ hai mặt” tiến về phía tôi cầu khẩn: dạ thưa cán bộ, cho chúng em “sinh hoạt vợ chồng” một cái. Dạ đã xa nhau phải đến hai ba năm rồi. Tôi nhìn hăn và bắt gặp thần sắc cùng ánh mắt tội nghiệp đáng thương chưa từng thấy nơi “Kẻ hai mặt”. Tôi không hiểu ý nghĩa của cụm từ “sinh hoạt vợ chồng”. Nhẽ nào lão “hồ sống” này muốn trốn trại theo người thiếu phụ về nhà. Tôi vọng nhìn cô gái nông thôn đôi má cứ ửng dần lên và cuối cùng rục rịch. Ắ cúi đầu, bứt tay và tỏ ra xấu hổ, ngượng ngùng. Khi ấy tôi mới hiểu tất cả và không nhịn được cười. Tôi không cười họ có nhu cầu giao phối mà cười chính mình vì hôm nay vừa học thêm một từ nghe rất thanh tao nhưng chung quy cũng chỉ là cái chuyện đó. Ở bên nông trường cải tạo người ta nói có vẻ hơi thô lỗ rằng “ngủ với nhau”, như trong “AQ chính truyện” gọi là “khốn giác”, còn bây giờ thì màu mè khoa học một tí, “tính giao”. Với tôi vì thiên về văn thơ cổ điển nên thường nghe quen “vân vũ”, “hành phòng”, và ở đại đa số tiểu thuyết thì là “sự tất”, hóa ra “sự tất” chính là “sinh hoạt vợ chồng”.

Theo phép lịch sự, đã cho họ “sinh hoạt”, tôi ắt phải lánh mặt, nhưng bây giờ biết trốn nơi đâu? “Kẻ hai mặt” khẩn khoản, vô lễ lại để cán bộ dầm mưa, thôi thì cán bộ cứ nhìn ra ngoài trời là được. Tôi vừa quay đầu “lánh mặt” ngấm mưa thì đằng sau nơi mấy bao gai phát ra tiếng lạo xạo, cô gái khê rên, cố giữ miệng mà vẫn bật ra âm thanh “ư hử”, khiến tôi khó chịu.

Những bao gai kia sắc nhọn như dao, tội người thiếu nữ vượt bao dậm tìm chồng, không khéo lại mang thương tật trở về quê, biết mà khổ ải đến nhường này thì tôi đã không cho họ “sinh hoạt”. Nhưng không đợi tôi đủ thời gian để phân biệt đằng xa kia trong mịt mù mưa dội là bóng người hay một gốc cây thì bỗng nghe cô gái rú lên, còn “Kẻ hai mặt” thở dài, lăn đùng và chạm vào lưng tôi. Xong rồi, thừa cán bộ, hăn nói với vẻ vô cùng mệt nhọc như đang kéo một cỗ xe chất đầy leo dốc.

Tôi lại cười, thời gian “sinh hoạt vợ chồng” cũng ngắn ngủi như ở trạm thụ tinh nông trường. Chả trách mà tiểu thuyết cũ miêu tả chỉ trong nháy mắt là “sự tất”, khiến tôi mơ hồ “sự” gì mà “tất” nhanh đến thế. Lại như “vân vũ” thơ xưa “dục tiên dục tử”, mới một hai phút mà đã tiên bay, thần biến thì phỏng có ý nghĩ gì, và còn chết, chết trong thời khắc ấy, thật nguy hiểm biết bao.

Từ bấy, là “hành phòng”, là “ngủ với nhau”, là “tính giao”, là “sinh hoạt vợ chồng”, hay gì gì đi nữa, những từ ngữ đó đối với tôi đều thô lỗ và vô vị tột cùng.

Đến bây giờ một nỗi buồn thương thường trỗi dậy trong tôi giống như luồng khí huyết nóng bừng từng dâng lên, chực tuôn trào mỗi lần rạo rức “thời thanh xuân”. Có lẽ đây là triệu chứng lão suy nơi tôi. Vì ngày xưa tôi chưa hề thương ai và cũng chẳng buồn cho ai, còn hôm nay tuy buồn thương như vậy, nhưng rất vẫn vơ, không rõ bởi người nào, việc gì và bây giờ phải thổ lộ giải bày cùng ai cho khuây khỏa. Tôi chỉ có cách ngước nhìn lên trời cao mà thở dài náo nuột. Một chứng bệnh lạ phát sinh, ấy là lúc nào, ở đâu, thấy gì, làm gì... tôi đều buột miệng than vãn. Xem báo, đọc sách, thấy cao ốc đại lâu dựng lên, nhìn cầu kiều cũ xưa sập xuống, nghe chuyện hay, ngóng chuyện dở, được biểu dương, bị công kích, lúc thành công, khi thất bại... tất tất một lời than, thậm chí khi nhàn hạ dạo bước cũng than, than cho đến lúc không còn sự việc gì nữa để mà than và tương tự, rên cho tới khi chẳng đau ốm gì nữa để mà rên. Tôi nghĩ, chắc lúc lâm chung có lẽ sẽ không nói nổi một câu hoàn chỉnh, và cũng giống như “Kẻ hai mặt” sau lần “sinh hoạt vợ chồng” chỉ phát ra tiếng thở dài quỵện vào hai âm tiết “xong rồi” mà thôi.

Tôi không than thân mà cũng chẳng trách người, tôi chỉ biết cảm ơn số phận đã yêu thương tôi hết mực, cho tôi gặp người này, bảo tôi một việc nọ và luôn cầm một quả quýt vàng rộm múa trước mặt tôi, hình như vừa muốn tôi thấy rõ lại vừa muốn tôi nhìn nó một cách mơ hồ; lúc kéo tôi xuống, khi vớt tôi lên, và kết cục tôi đã sống một đời giữa tối và sáng, giữa tường minh và hắc ám, giữa minh bạch và hồ đồ, giữa rất rõ và rất mờ, khiến tôi mơ màng trong nhân tình thế thái, lúc tôi tự cho mình là giác ngộ thì lại ngộ ra mình vẫn còn u mê. Sau khi tôi học thư pháp, đã có người đến xin chữ, tôi

hỏi, anh thích chữ gì, người ấy bảo “nan đặc hồ đồ” của Trịnh Bản Kiều, hình như anh ta sinh bất phùng thời, có tài mà lận đận, dư thừa bao điều “minh bạch” nay muốn tìm những gì “mơ màng hiểm có”. Tôi cười to và nói rằng, này anh bạn, tôi và anh chưa hề có một lần minh bạch, rõ ràng, kể cả Trịnh Bản Kiều cũng vậy, suốt đời trong u u minh minh, sáng chẳng ra sáng, tối không ra tối, ngay bốn chữ “nan đặc hồ đồ” của Trịnh vẫn không biết giảng từ đâu và như thế nào. Tôi múa bút vung cho anh bức thư họa “nan đặc minh bạch”. Nghe nói anh ta mang nó về nhưng không treo, bởi vì quá nhiều người cho mình là thông minh, điều họ biết là toàn thế giới, tuy nhiên cũng không ít người cơ bản chẳng cần mò tận tới căn nguyên, hồ đồ cả một đời mà rồi minh bạch cũng một đời. Có điều không minh không bạch lại dễ sống hơn, “làm” cho thật rõ ràng ấy là một nỗi khổ, hạnh phúc chỉ có được khi chúng ta ở giữa hai cõi minh bạch và hồ đồ. Mãi tới già tôi mới biết số phận đã thi ân cho mình, và xin cảm ơn người bằng những lời than.

Như đã kể ở trên, tôi và đám “đầu trâu mặt ngựa” đều bị đội chuyên chính quần chúng cách mạng quản chế, mỗi ngày cùng đi lao động với họ tôi tự nhiên tỏ ra đồng tình, thương xót. Tôi không biết ngày xưa lúc đang làm cán bộ, họ đã phạm sai lầm gì, cũng chưa thấy họ chỉ tay năm ngón, đứng trên đầu thiên hạ hay áp bức quần chúng ra sao, chỉ thấy hôm nay họ phải cúi đầu, khom lưng, quỳ gối trước những người đứng đầu, lãnh đạo nông trường, thậm chí kể cả tôi, cuộc sống cơ cực hơn phạm nhân lao động cải tạo nhiều lần. Phạm nhân như chúng tôi sau giờ phu phen, thu quân trở về ấp trại còn có một mảnh trời riêng mà nấu, nướng, chưng, chiên những động thực vật hoang dã hái bắt ngoài đồng rồi xé ra, rồi ngẫu nhiên một cách ngon lành. Lũ phạm ấy căn bản chẳng cần nghĩ về quá khứ hay nghĩ đến tương lai, nếu thi thoảng có nhớ nhà là nhớ người thân sẽ mang tới cho chúng cái ăn. Còn ở

đây, những con “hồ sống”, những tên “đầu trâu mặt ngựa” thì ngược lại phải kiểm thảo quá khứ, báo cáo hiện tại và đảm bảo tương lai, phải viết các tài liệu phát giác để ứng phó với người quản giáo, hình như cả một đời đều chất đống nơi đây, ngay đến lúc đi vào giấc ngủ cũng mang một khuôn mặt khổ đau.

Quần chúng cách mạng không chút tình người đối với bầy “hồ sống”, nghĩ ra bao thủ đoạn độc ác để dày vò họ, nửa đêm hừng lên lôi họ ra đánh cho sứt đầu mẻ trán, sống dở chết dở, thật là thảm thương. Gặp những trường hợp như vậy, tôi thường liên tưởng đến một cuốn tiểu thuyết cách mạng đã từng đọc, miêu tả tình cảnh các chiến sĩ cách mạng trong chế độ cũ phải ngồi tù ra sao, có cái gì đó giống với bây giờ. Tôi không tham gia “văn cách” nên tất nhiên không hiểu được những đạo lý cao siêu của nó, tôi cũng không có thời gian để nghiên ngẫm các bài viết của lãnh tụ “văn cách”, nhưng cứ theo tình cảm của mình thì tôi có khuynh hướng nghiêng về tầng lớp cán bộ bị đấu tố, bị hành hạ, mãi cho tới khi câu chuyện dưới đây mà tôi sẽ kể đã xảy ra.

Bốn mùa lần lượt lướt qua, ngày tháng tự nhiên trôi chảy, chẳng hề khiến tôi đau đớn hay khó chịu. Ngược lại nhiều năm sau tôi lại rất nhớ, muốn quay về với cái thời bị đội chuyên chính quần chúng cách mạng quản chế, và cái thời phải đi lao động cải tạo. Chúng thường tái hiện trong giấc mơ. Tôi mơ thấy mình bị bắt mà không chút sợ hãi, ngược lại rất hân hoan như “thời thanh xuân” tái tạo, tựa hồ tôi sinh ra là để đối mặt với thách thức. Tôi đã có thể lý giải vì sao hàng chục triệu thanh niên trí thức năm ấy phải lên rừng xuống biển về nông thôn, đến những nơi không đáng phải đến để chịu khổ chịu nạn, thế mà bây giờ hồi tưởng lại họ vẫn cất cao lời ca “xứng danh tuổi trẻ”. Tôi và những thanh niên trí thức già nua kia có chung một cảm thụ,

chúng tôi hoài niệm thanh xuân của cái “thời thanh xuân”, thanh xuân dù quảng đến đâu, dù đặt ở chỗ nào cũng là một khoảng thời gian rực rỡ nhất trong đời. Dầu “thời thanh xuân” của chúng ta không ra gì, nhưng bước vào tuổi trung niên và nhất là khi đã suy lão, nó lại xứng danh, quý báu vô cùng. Có lẽ đó là một nguyên nhân khiến nhiều người dăm nai lưng gánh vác tội ác của quá khứ, thậm chí còn tô hồng cho nó. Thử hỏi có ai dám thừa nhận mình đã hao phí tuổi xuân vì sự việc nào đó mà hoàn toàn vô vị.

Thật vậy, vàng dương mà “thời thanh xuân” ta từng nhìn thấy cũng khác hẳn với bây giờ. Một lần tôi đi du lịch bên Mỹ tới bang Indiana thăm khu bảo lưu của người da đỏ. Trên xa lộ bỗng òa lên một tiếng, vòng tròn tịch dương khổng lồ tím hồng rơi xuống đẹp tới mức tôi không thể nào tả xiết, mãi sau mới nghĩ ra, vì nó giống những buổi chiều tà giữa mênh mông nông trường năm xưa, thời còn cải tạo. Số phận an bài và cái “thời thanh xuân” của mình chỉ cho tôi gặp được những cảnh tượng, thời khắc như vậy, không còn cách chọn lựa nào khác, vì thế lúc về già, cảm thụ của tôi với cuộc sống hầu như dựa trên các thể nghiệm thu được khi hãy còn trai trẻ.

Hồi đó đọc trang nào nhớ kỹ trang ấy, còn bây giờ một hai câu ngắn cũng quên ngay. Tuổi già dễ dàng khô cứng, vỏ não suy yếu, không đủ sức dung nạp cái mới, chúng tôi chỉ còn là một giá thể chứa đựng những gì của truyền thống mà thôi. Hôm nay bảo tôi thuật lại việc hôm qua đã làm, có khi ầm ố, nhớ không ra, nhưng lại đủ khả năng thao thao bất tuyệt bao chuyện tào lao của ba, bốn chục năm về trước.

Bây giờ là mùa đông, việc đồng áng của nông dân ở miền Bắc không nhiều, vì vậy mà người ta thường gọi là “đồng nhàn”. Nhưng quần chúng cách mạng không đành lòng để bày “hồ sống” và lũ “đầu trâu mặt ngựa” cũng thông thả, rảnh rang như họ. Chưa có nơi nào trên thế giới lại chủ

trường thuần phục bằng lao động, lại cho rằng không ngừng cường bức lao động mới có thể biến kẻ xấu thành người tốt. Công việc ngoài đồng thì ít nhưng ở khu dân cư vẫn nhiều và không bao giờ làm hết. Những người cầm đầu và lãnh đạo nông trường bắt đầu chỉnh kế hoạch lao động cho đám “đầu trâu mặt ngựa”, còn hạ lệnh cho họ phải viết “lời hứa cuối năm”, chủ đề cũng cứ là “phục tùng, phục tùng mãi”, cũng cứ là chịu sự quản chế và giám sát của quần chúng cách mạng. Phần tử “đầu trâu mặt ngựa” nào nặng tội cũng cứ một kiểu tra tấn gánh bằng hết chỗ đất này từ đây đến đó, rồi từ đó đến đây, cho tới lúc thân xác như tử mà đất kia cũng rã rời. Giờ đây suy ngẫm lại, tôi vẫn không lý giải nổi vì sao quá trình lao động giản đơn trùng lặp như thế lại có thể cải tạo được tư tưởng con người.

Công việc “đông nhân” phân cho tôi - một con “hồ chết” lãnh đạo bày “hồ sống”, một phần tử “hữu phái” lãnh đạo lũ “đầu trâu mặt ngựa” là quét dọn nhà vệ sinh. Nói lãnh đạo cho oai thế thôi chứ thực tế cũng làm việc cật lực, lại còn đầu tàu gương mẫu “cán bộ đi trước, làng nước theo sau”. Về cái khoản quét dọn nhà vệ sinh thì đừng tưởng xấu hổ hay bẩn thỉu, đây là sự tin cậy và tín nhiệm của quần chúng cách mạng đối với tôi, vì đây nhà vệ sinh kia thuộc khu vực tập thể nông trường, nơi cư trú của lãnh đạo, cán bộ và gia đình họ. Không phải bất cứ tên “đầu trâu mặt ngựa” nào cũng có thể bén mảng tới đây. Nghe nói phải đề phòng bọn chúng đầu độc, ám hại quần chúng cách mạng và thế hệ con em họ, những người nhận lãnh giao ca lịch sử, mang sứ mạng kế nghiệp và nhất là ngăn chặn bọn chúng làm gián điệp sản tin thu thập những “chỉ thị mới nhất” để chống phá cách mạng. Nhưng với tôi thì tự do vác xẻng, một loại vũ khí rất lợi hại, ra vào khu tập thể mà chẳng ai hỏi han, kiểm soát gì cả. Đám hậu thế cách mạng lại thích chọc tôi, biến tôi thành cái bia để bắn súng cao su rồi nô đùa thoải mái. Cha mẹ lũ trẻ

cũng không bảo ban con cái mình mà còn cười theo hành vi vô lễ của chúng. Về phần tôi thì cứ tưởng là mình đã trở thành một thành viên của quần chúng cách mạng mà cảm thấy tự hào, âm áp và hăng hái viết bản bảo đảm như sau: “Quyết tâm chịu sự giám sát của quần chúng cách mạng, lấy tư tưởng Mao Trạch Đông bách chiến bách thắng để đấu tranh, tấn công ý thức hệ giai cấp phi vô sản, thông qua công tác quét dọn nhà vệ sinh mà cải tạo thể giới quan hủ lậu, thối nát của mình, làm cho quần chúng cách mạng khỏi lo hậu họa về sau, toàn tâm toàn ý triệt để chấp hành đường lối cách mạng của Mao Chủ tịch”.

Nhà vệ sinh nông trường nói thì có vẻ vậy thôi chứ thực chất là ba bức tường đất lợp tranh, chia ra hai bên nam nữ bằng một vách ngăn đập nhẹ là đổ. Mỗi phía đào bảy tám lỗ lộ thiên, sáng “vào ca” tôi đều thấy phân ùn cao như núi, may là mùa đông nên mùi hôi thối cũng bị đóng băng, nếu không thì đến chết ngạt. Khổ sở là thế nhưng tôi chẳng hề kêu ca gì cả, bởi lẽ được tự do đi lại, công việc cũng nhẹ nhàng không phải dầm mưa lội tuyết như các chiến hữu “đầu trâu mặt ngựa” khác. Ngày lại ngày mình tôi phải hốt sạch tổng cộng 80 núi phân, đưa ra bên ngoài phủ kín đất và đào sâu thêm các lỗ lộ thiên trong nhà, công việc cứ thế trôi qua cả một mùa đông giá rét.

Thế rồi ngày hôm ấy xảy ra một hiện tượng càng lúc càng làm tôi như lạc vào mê lộ. Tôi bí mật theo dõi điều tra như kiểu trinh sát viên phá án. Đó là những mảnh băng y tế, giấy báo, vở tập học sinh, tất cả đều dính máu, tất cả đều xuất hiện bên nhà vệ sinh nữ. Tôi đâm nghi, hay là vùng này nhốt lũ “hồ cái”, nhưng tại sao khi đấu tố, “hồ đực” thường bị sút đầu mẻ trán, còn con cái lại mang thương tích ở phần hạ bộ. Vì hiếu kỳ, vì nóng lòng muốn giải mã nên từ hôm đó vừa quét dọn nhà vệ sinh, hốt phân, đào lỗ, tôi vừa để mắt trông chừng có con “hồ cái” nào lộ đầu ra hay không, mãi mà chẳng thấy, chỉ

toàn là quần chúng cách mạng nữ ra ra vào vào nhà vệ sinh vứt xả những của nợ ấy. Tàn dư của “chủ nghĩa nhân đạo giai cấp tư sản” lại trỗi dậy trong tôi, tôi thương các cô quá chừng, sao lại liều mình đấu đá với bầy “hồ đực” để bây giờ mang họa vào thân, máu me đầm đìa...

Sau này nghĩ lại sự ngu dốt của mình, tôi cảm thấy nhục cười, nhưng bình tâm mà xét và liên hệ với nhiều sự việc đã xảy ra, tôi ngộ ra một điều: cả đời chúng ta đều ở vào trạng thái vô tri và con nít. Những việc mà một thời ta cứ tưởng vô cùng quan trọng, vô cùng căng thẳng, vô cùng âu lo, những niềm vui đáng mừng, đáng reo, đáng cười thuở ấy giờ đây nghĩ lại mới thấy là hư không, bi cũng như hoan, tất cả đều vô vị. Chúng ta như con rối cho cuộc đời giật dây, dù sống đến trăm tuổi đi nữa vẫn là đứa hài nhi. Cảm thấy âu lo thật không đáng âu lo, cảm thấy phẫn nộ thật không đáng phẫn nộ, cảm thấy khổ não thật không đáng khổ não, cảm thấy vui mừng thật không đáng vui mừng... mọi thứ đều hư ảo, không chân thực. Đến như bản thân mình cũng chỉ là một đoá phù vân, khi đạt tới cảnh giới này tôi mới biết, thế là “thời thanh xuân” của mình đã cáo chung, chấm hết.

Nhưng lúc đó tôi đang còn “thanh xuân” trai trẻ, những vật thể dính máu kia cứ làm tôi day dứt và muốn tìm cho ra chân tướng. Cuối cùng đành thỉnh giáo các vị “đầu trâu mặt ngựa”, nhờ tài trí thông minh của tập thể để khai sáng vùng u tối trong tôi. Thế là chúng đã cười đến vỡ trời, khiến quân cách mạng phải bao vây, nhưng khi sáng tỏ ngọn nguồn thì cả “bên ta” lẫn “bên địch” không ai tránh khỏi đau bụng vì cười lâu quá, to quá. Mọi người khen ngợi tôi có công lao tạo nên một khoảnh khắc vui vẻ ngây ngô giữa không khí đấu tranh giai cấp cực kỳ tàn nhẫn. Hơn hai mươi con “hồ sống” vừa nghe tôi tường thuật xong liền ngã lăn trên nền trại lạnh ngắt và hai mươi mấy điệu cười chẳng cần chỉ huy của người nhạc trưởng cứ thế đồng thanh

cất lên. Tôi ngơ ngác, lạc điệu giữa một giàn giao hưởng và hốt hoảng, lo lắng vì nhiều tên “đầu trâu mặt ngựa” đã tràn trề nước mắt. Mãi sau, một lão “hồ sống” nhin cười, bạo dạn, “thưa cán bộ, đó là chuyện của phụ nữ, cô nào, bà nào cũng có... cán bộ không biết hay sao”, lão ta kéo tôi vào một góc tiếp tục giảng bài sinh vật học, tôi gật đầu lia lịa như đứa trẻ vỡ lòng nuốt mọi điều mới mẻ đời cho.

Hóa ra là như vậy, thế mà tiểu thuyết cũ lại sử dụng cụm từ “thân tử bất phương tiện” hoặc giả “thân tử lai liễu”, quá lắm mới gọi “chảy đỏ”, nghĩa là dám đem cả tứ thơ “hoa lạc thủy lưu hồng” đẹp nhường ấy mà gán cho cái sự uế tạp nhường kia. Tôi trách sách xưa ẩn ý hại người, không lộ liễu như ngày nay, đọc là hiểu ngay, chẳng phải tưởng tượng gì cả. Tôi cũng cười hề hề với các thầy tiền bối, vẻ mặt ngây ngô không ra dáng cán bộ chút nào. “Phản bội” nói, điều nghi vấn của “cán bộ” là câu chuyện cười hiếm có trên đời, phạm tôi phải truyền lại cho hậu thế, kéo mai một đi thì uổng quá. “Đặc vụ” bình luận, chẳng trách mà “cán bộ” cứ vào ra trại cải tạo mãi, bởi vì dấu ấn “ngu xuân nhất của kẻ cao quý” hằn quá sâu nơi “cán bộ”. “Phần tử chống cách mạng” thì cho tôi là giả bộ ngu ngơ không biết chuyện đó, chứ ngần ấy tuổi đầu, lại là trí thức sao mà yếu kém thế, song lão khen tôi đóng kịch, chọc cười giỏi thật. “Kẻ hai mặt” từng chịu ơn tôi cho phép lão “sinh hoạt vợ chồng” một lần ngay giữa thanh thiên bạch nhật nên nói năng có vẻ giữ mồm, giữ miệng hơn, “cán bộ” của chúng ta không giả vờ hay đóng kịch đâu, đúng là “cán bộ” chưa biết đó thôi, ở xã tôi có một vị tú tài, tuổi đã hơn 30 mà chưa biết “sinh hoạt vợ chồng” là làm chuyện gì, “đọc sách thật quá ư vô dụng!”, lão kết luận.

“Phái đi theo tư bản” chau mày suy nghĩ, lão nói, các vị cười thỏa thích nhì, nhưng nào biết đây là một sự kiện quan trọng. Bọn chúng đã xâm phạm

tài sản quốc gia, ăn cắp bông băng y tế dùng vào việc riêng tư. Thủ phạm chính là hai con nhóc y tá Tiểu Vương, Tiểu Lý. Hồi mới ra trường về đây nhận công tác, bản thân tôi đã mất công đi làm thủ tục hộ khẩu cho chúng, thế mà giờ lên mặt “tạo phản” hành hạ chúng ta, phải tìm cách chống lại “tạo phản” mới xong. Còn nữa, không khí đang vui bỗng trở nên căng thẳng, cả bầu “hỗ” nằm im nghe “chúa sơn lâm” phán. “Phái đi theo tư bản” hạ giọng, nói rất khẽ, phạm tôi xin đề nghị “cán bộ” điều tra tỉ mỉ, trong sổ giấy báo mà họ sử dụng vào việc uế tạp đó có hình ảnh lãnh tụ, “chỉ thị tối cao” hay “lời vàng ý ngọc” nào không. Nếu có, nhờ “cán bộ” thu gom vật chứng, nhân đấy chúng ta sẽ tổ chức phản công chính trị, các vị rõ chưa. Sự nghiệp chống “tạo phản”, sự nghiệp phản công chính trị mà thành công thì cái mũ “hữu phái” trên đầu “cán bộ” sẽ được cởi bỏ đầu tiên, còn chúng ta cũng thoát khỏi thân phận làm trâu làm ngựa như bây giờ. Chẳng ai ngờ sự việc lại nghiêm trọng đến nước này. “Phái đi theo tư bản” quả là có tầm nhìn chính trị, hỏi ra mới biết trước đây lão từng làm trưởng ban tuyên huấn đảng ủy nông trường, đã một thời đa mưu túc kế mà vẫn không tránh nổi mũi giáo của phái “tạo phản”, chung cuộc trở thành “đầu trâu mặt ngựa” cam chịu đọa đầy.

Sáng hôm sau, tôi lại vác xẻng lên đường vào “phân xưởng” như mọi ngày. Nhưng kể từ thời khắc này tôi vừa quét dọn nhà vệ sinh, phục vụ quần chúng cách mạng, cải tạo thế giới quan, nhân sinh quan “hữu phái” tư sản, vừa thu gom vật chứng cho bầu “hỗ sống” và lũ “đầu trâu mặt ngựa” giúp chúng đẩy lên cuộc phản công chính trị, chống lại phe “tạo phản”. Nhưng nhiệm vụ “Phái đi theo tư bản” giao phó đã không hoàn thành, chẳng phải do tôi sợ bẩn, ngại khó không làm mà vì quần chúng cách mạng nữ ở đây khá cẩn thận, thấp đuốc cũng tìm không ra hình ảnh, chỉ thị nào cả. Tôi phản ánh

tình hình với “Phái đi theo tư bản”. Lão lắc đầu động viên, “cán bộ” hãy cứ kiên trì, nhẫn nại mai phục, ắt sẽ có ngày thành công. Tôi thở dài, “kiên trì, nhẫn nại, thành công”, thế là mình đã vô cớ lao đầu vào cuộc sát phạt và tự nhiên mất dần nỗi đồng tình, thương xót bầy “hổ sống” và lũ “đầu trâu mặt ngựa”. Các người cũng thật giáo hoạt, đa mưu túc kế, chứ chẳng thua kém hay oan ức gì đâu. Sau đó tôi may mắn được chia tay với họ và gặp một người đàn bà kỳ lạ, chân tình hơn tất cả, chị mãi là thần tượng của đời tôi.

Nhiều năm sau Đài truyền hình trung ương đã truyền trực tiếp tiết mục phỏng vấn tôi tại hiện trường. Người dẫn chương trình yêu cầu tôi phát biểu một câu ngắn gọn nhưng khái quát được cảm thụ bấy lâu nay về chủ đề “danh nhân hạ hải”. “Hạ hải” là thuật ngữ mới xuất hiện gần đây trong thời cải cách, mở cửa để chỉ những người “xếp bút nghiên đi làm kinh tế”. Tân toan khổ lụy đủ điều, nhưng vì chưa chuẩn bị trước, lại chỉ nói một câu, đến như “vĩ nhân” còn lúng túng, chứ “danh nhân” tôi thì đã ăn nhằm gì. Tôi không có khả năng tinh luyện hàm súc, nay đối mặt với ống kính của nhà quay phim, nghĩ là sẽ trở mặt lên màn hình, suy đi nghĩ lại âu cũng như một pha quảng cáo và tôi mở mồm nói đại.

- Muốn đạt được lợi ích lớn nhất cho cá nhân mình, điều đầu tiên là phải đặt nhu cầu của người khác lên vị trí số 1, vì vậy theo tôi, bản chất kinh tế thị trường là loại kinh tế “vì nhân dân phục vụ”!

Chương trình “danh nhân hạ hải” phát lên sóng, và tôi nhận được khá nhiều cú điện thoại: Hay, câu nói của ông thật là xuất sắc, bỗng chốc đã gắn bốn chữ “kinh tế thị trường” với năm chữ “vì nhân dân phục vụ” thành bộ “cửu tự” dính chặt tựa keo sơn, và nhiều tờ báo, tạp chí sau đó thường viện dẫn “danh ngôn” này, nhưng khán giả và độc giả nào có biết, lúc lâm trận bị dồn tới chỗ chết, vì muốn sống nên mới bật ra như thế.

Thế rồi sang xuân, quần chúng cách mạng nông trường bắt đầu mở chiến dịch giải phóng cho “đầu trâu mặt ngựa”, người số 1 được thả tự do chính là tôi - con “hồ chết”. Thoát khỏi sự quản chế của đội chuyên chính quần chúng cách mạng, tôi vẫn còn mang mũ “hữu phái”, vẫn chưa trở thành công nhân nông nghiệp chính thức, nhưng đã đỡ hơn nhiều vì từ nay được sống trong xã hội bình thường và làm một người lao động bình thường.

Điều khiến tôi cảm thấy rất bất ngờ là “Ủy ban cách mạng” nông trường đã cho phép tôi về Bắc Kinh thăm mẹ. Từ sự kiện bất quy tắc này mà mãi đến nay tôi vẫn giữ gìn một cảm nhận, dù xã hội có loạn lạc tới mức nào đi nữa, thì con người và động vật cứ khác nhau. Kỳ nghỉ thăm người thân không do tôi đề xuất yêu cầu mà trong lúc cùng nhau lao động trên đồng ruộng, nhân khi tán gẫu, một lãnh đạo nho nhỏ của nông trường ngẫu hứng đã xướng lên “cậu có thể về quê thăm mẹ”, tôi hỏi cần phải làm những thủ tục gì thì anh ta bảo, “viết báo cáo đưa cho mình là đủ”, nói đoạn vị lãnh đạo đó nheo nheo con mắt. Tôi không hiểu anh ta nheo mắt là có ý nghĩa gì, bởi vì đấy chẳng phải một thói quen, lao tâm khổ tứ mãi mà vẫn tìm không ra lời giải. Sau này khi thần kinh ổn định, tôi mới vỡ lẽ, hơn một nửa động tác của loài người là vô ý thức và tương tự, hơn một nửa suy nghĩ trong đầu óc họ cũng chẳng nên công cán gì.

Báo cáo xin về quê thăm người thân nhanh chóng được thông qua, phê duyệt, tôi chỉ có ba mươi mấy nhân dân tệ mà cũng đòi leo lên xe lửa đi Bắc Kinh. Đây là số tiền do chư vị “đầu trâu mặt ngựa” kẻ ít người nhiều quyền góp giúp tôi. Hồi còn đang lao động cải tạo, tôi nghe người ta nói ngồi tàu hỏa không cần mua vé, nhưng tôi đã nhầm, đó chỉ là những chuyến tàu của Hồng vệ binh đi kéo bè kết mảng đổ về Quảng trường Thiên An Môn để được nhìn, được nghe Mao Chủ tịch ra chỉ thị, chứ đâu tới mức thỏa mãn

mọi nhu cầu của dân chúng. Tuy vậy tôi vẫn yên tâm vững bước, không có tiền nhưng ta có “thời thanh xuân”, nhân viên đoàn tàu kiểm tra đuổi xuống, còn ta cứ thế trèo lên, hơn ngàn cây số hành trình mà phải bảy ngày bảy đêm, cuối cùng thì cũng về tới Bắc Kinh. Tác dụng của “thời thanh xuân” thật quá sức tưởng tượng, chẳng đồng xu dính túi nhưng có thể đi khắp thế gian.

Các bạn độc giả lượng thứ cho tôi, rằng dưới đây sẽ không kể tình cảnh hai mẹ con tôi đã gặp nhau như thế nào, bởi vì trong cuốn tiểu thuyết “Chết theo thói quen” tôi có viết sơ qua, ngay như ở tác phẩm đó tôi cũng không muốn nói nhiều. Giống như người bạn tốt đã qua đời, tôi cũng phải giữ lại, lưu lại những gì quý báu nhất cho riêng mình. Trong một đời ở giữa nhân gian với bao cảm tình, với bao tao ngộ, thế nào mà không có lấy một chút tài sản tinh thần tư hữu từng gắn chặt vững bền cùng số phận, nó chính là chùm rễ của cây đời, nếu bộc lộ ra ngoài, nếu bật lên tất cả thì còn gì là nhựa sống. Nhà văn nào đem bán hết chùm rễ quý báu kia, là có nghĩa ông ta bà ta đã “lão lai tài tận”, và ngày khô héo chắc chẳng còn bao xa. Tôi có hơn nửa đời người chìm đắm, và chính mẹ là nguồn lực giúp tôi ngoi lên. Tôi treo tấm hình bà bỗng tôi lên vách thư phòng. Trong hình, bà mỉm cười như đang nói với tôi: “Viết đi con”.

Từ một mệnh phụ quý phái, mẹ tôi luân lạc trở thành bà già hè phố sống qua ngày nhờ đôi bàn tay thêu đan, may vá nhưng vẫn giữ phong độ cao sang văn nhã. Tôi nghĩ, nền giáo dục cao đẳng trong xã hội cũ đã giúp bà chịu đựng bao nỗi chà xát, giằng xé của cuộc đời. Mẹ tôi vóc người thấp gầy như thanh củi nhưng mang trên mình cả một nền văn hóa, dù đã hóa thạch cũng khiến người đời chiêm ngưỡng. Bà là pho tượng của nền văn minh quý tộc, chói ngời ánh sáng của những ngày qua mà giờ đây khó có thể tái hiện, thứ ánh sáng càng lâu càng lấp lánh. Cùng với mẹ chưa qua nổi ba ngày đoàn tụ,

hoan lạc thì tôi bị cái gọi là “tổ trình sát tuần tra chân nhỏ” bắt giam. Thuật ngữ “tổ trình sát tuần tra chân nhỏ” phải là một mục quan trọng trong cuốn từ điển “văn cách”, điển hình rõ nét của nền thống trị chuyên chế mà bất kỳ lỗ hổng nhỏ nào cũng không bỏ qua. Nó gồm những bà, những cô mù chữ thuộc “Ủy ban dân phố” có cái quyền bắt người ngay giữa thủ đô Bắc Kinh, chẳng cần lệnh lạc gì cả, miễn là họ tình nghi. Họ giống như những con chó cảnh sát, ngày đêm ra sức lùng sục, bắt được ai là giao lại cho công an, và công an đã nhốt chung tất cả đàn ông đàn bà bị tình nghi vào một nhà ngục chờ gọi tên tra khảo, xét xử. Chưa có lúc nào, nơi nào trên thế giới lại bày ra cái trò giam giữ hồ lớn gái trai như thế này.

Nơi tôi bị giam thuộc khu vực phồn hoa, đô hội nhất của Bắc Kinh - hai tứ hợp viện (kiểu nhà điển hình ở thủ đô Trung Quốc, bao gồm bốn căn nam bắc tây đông, chung một vòng tường, thường mở cổng ra vào tại góc cung tốn - ND), nguyên là phủ đệ một đại quan nhất phẩm đời nhà Thanh. Đây đáng lẽ phải trở thành di tích, thể hiện đầy đủ nền văn minh phố phường cổ Trung Hoa, giờ lại là nhà ngục. Hơn 40 nam nữ “phạm nhân” chen chúc nhau trong một căn phòng rộng khoảng 30 mét vuông, cùng đại tiểu tiện vào một thùng sắt, lúc nào đầy thì “phạm nhân” trực ban khệ nệ xách ra đổ ở nhà xí phía sau. Cho tới bây giờ tôi vẫn chưa sáng tỏ, là hồi ấy phòng giam không đủ, hay người ta cố ý nhốt chung trai gái nhằm thể hiện quan điểm “nam nữ bình đẳng” mà “cải tạo triệt để” chúng tôi. May cho tôi đã thụ giáo bài sinh vật học thường thức do các thầy “đầu trâu mặt ngựa” dạy dỗ, nếu không thì sẽ vô cùng kinh ngạc, ngỡ ngác trước nhiều pha “hoa lạc thủy lưu hồng”. Các chị, các bà, các cô chẳng xấu hổ mà tự nhiên hành xử trước bao nhiêu con mắt không còn có chỗ nào nữa để mà nhìn để mà tránh. Tội nhất là trong số “phạm nhân” đó có khá nhiều thiếu nhi 14, 15 tuổi, không hiểu “thời

thanh xuân” sau này của chúng rồi bị ảnh hưởng ra sao.

Tôi muốn nhanh chóng kết thúc đoạn văn này, và cũng giống như nhiều nhân sĩ, học giả khác, tôi chẳng đành lòng nói ra những gì xấu xa của “văn cách”, những gì làm mất mặt dân tộc Trung Hoa mà dân chúng Trung Hoa không phải là người chịu trách nhiệm. Năm ngày sống trong nhà giam kiểu đó, chẳng cần ai gọi tên, chẳng cần ai tra khảo thì đã đủ khổ ải lắm rồi bởi mùi xú uế, bởi cảnh trần trụi, và ngày ngày đều cùng nhau hát vang hai ca khúc “Đông phương hồng” và “Ra khơi nhờ tay lái vững”. Người chỉ huy là một cô gái thuộc “đội tuyên truyền công nhân” yêu cầu chúng tôi mở mồm theo nhịp tay của ả. Hát cả ngày từ sáng đến tối, ai có nhu cầu đại tiểu tiện hay gì gì đi nữa thì cứ tự nhiên trong một mớ âm thanh hỗn độn làm “nhạc đệm”, người bên ngoài chắc tưởng chúng tôi trong này vui vẻ lắm, nào có hiểu đó là một kiểu tra tấn.

Tôi là “tai tinh” của mẹ và mẹ là “cứu tinh” của tôi. Bà cụ luôn luôn xuất hiện những khi tôi gặp khó khăn trở ngại nhất. Lần này vẫn thế, ngày ngày hai bữa đưa cơm cho tôi, tôi và vào miệng những miếng cơm nấu từ gạo cao lương đỏ, kèm vài cọng rau xanh, rau vàng, còn bà đứng ngoài cửa nhìn con, điềm điềm như ngày nào đến trường nghe người ta khai trừ, đuổi tôi. Giờ đây nhớ lại tôi không thể nào đoán được lúc ấy tựa cửa, chăm chú, dõi theo một thằng con đã thân bại danh liệt, hơn 30 tuổi rồi mà chưa thoát cảnh trầm luân bà nghĩ những gì. Với tôi, qua những bước dầy vò tra tấn, bị đuổi học, bị lao động cải tạo, bị tổ chuyên chính quần chúng cách mạng quản chế và bây giờ lại bị tổ trình sát tuần tra chân nhỏ bắt giam, thì bà xem đó như đứa trẻ tập đi, có vấp ngã mới biết đứng dậy rồi tiếp bước, bà không hề tỏ ra kinh ngạc và trách cứ tôi điều gì. Tương tự, tôi cũng chưa từng nghe mẹ mình oán thán hay hờn dỗi với ai. Bà rất mong đất nước phú cường. Bà không ngờ văn cách

lại tồi tệ đến thế nhưng cứ vẫn âm thầm chịu đựng. Bà đứng ngoài cửa sổ dặn tôi, nếu được thả tự do trở về nông trường thì hãy nhanh chóng ổn định nơi ăn chốn ở, nhất là việc làm. Bà sẽ lên đây cùng tôi, “sống cuộc đời của người dân lao động”. Bà nói thuở nhỏ ở nhà quê nên rất thích nuôi vịt, nếu trên nông trường có điều kiện bà sẽ nuôi một con mèo. Bà rất ngây thơ cho rằng nông trường là cõi đào nguyên. Tất nhiên là tôi không dám làm bà cụt hứng kể cho bà nghe nông trường có nhiều “hồ sống”, “hồ chết” và nhất là cơ man bao anh hùng đã hổ.

Mãi sau này tôi mới rõ vì sao mình lại bị công an giam năm ngày cùng chung với phụ nữ, năm ngày đại tiểu tiện chẳng phải xấu hổ là trai hay gái, ai có nhu cầu cứ thế tự nhiên công khai mà giải quyết. Nguyên nhân chủ yếu là mẹ tôi trong năm ngày mới chạy đủ tiền mua vé tàu hỏa cho con mình rời Bắc Kinh trở về nông trường. Từ đó tôi không đồng ý với cách nói “văn cách” gây tổn thất cho nhà nước, kỳ thực thì những tổn thất ấy đã phân bổ lên đầu bách tính, cơm ăn cho phạm nhân gia đình phạm lo liệu, vé tàu xe tổng khứ phạm nhân sau khi phóng thích vẫn gia đình phạm đi mua, thậm chí vô phước bị hành quyết, gia đình đã mất người thân lại còn phải thanh toán tiền súng đạn. Chiều hôm ấy mẹ tôi nộp đủ 21 đồng 8 hào lên công an thì ngay sáng hôm sau bốn tiểu tướng đeo băng đỏ áp giải tôi ra ga xe lửa tổng lên tàu. Lúc đó những người lao động bắt đầu đi quét đường. Ngang qua nhà, nhìn lên khung cửa đèn vẫn chưa bật sáng, tôi đành im lặng để mẹ ngủ thêm chút nữa, nào ngờ đấy là lần mẹ con tôi mãi mãi xa nhau. Trưa đến, mẹ tôi đưa cơm vào mới biết con mình được phóng thích trả tự do, bà về nhà, trù tính chuyện mai mốt lên nông trường nuôi mèo, nuôi vịt...

Tiếp sau đây là đoạn kể về người đàn bà ấy, chị xuất hiện và hai lần kích thích khiến “thời thanh xuân” của tôi trỗi dậy, quay cuồng, rồi tắt ngấm.

Nhưng có lẽ xin nói nốt chuyện bốn tiểu tướng, hai nam, hai nữ áp giải tôi ra ga lên tàu. Lúc bấy giờ nhà ga còn vắng hoe, tôi đi giữa bọn họ xuyên qua đường hầm âm u, ánh đèn mờ ảo, không một bóng người. Đến khoảng nửa đường hầm thì bỗng bốn tiểu tướng dừng lại, chẳng rõ chúng bàn bạc chuyện gì. Tôi vẫn đi vì không nghe lệnh lạc nào khác, chỉ mơ hồ cảm nhận có tiếng lào xào phía sau. Tôi cứ tưởng bọn họ tiểu tiện bởi vì năm ngày qua quá quen với loại âm thanh này, nào ngờ một thắt lưng da đầu gấu gấn khuy đồng phang vào đùi tôi cái đốp làm tôi tê dại cả người.

Bị đột kích bất thần, “thời thanh xuân” của tôi bỗng dâng lên tức khắc, máu nóng trào sôi, toàn thân rậm rịt, tôi lập tức quay lại và xông vào với sức mạnh của con beo, con sói quần thảo cùng lũ tiểu tướng Hồng vệ binh. Thắt lưng da thứ hai quật xuống định nhắm vào đầu tôi, nhưng nhanh như cắt tôi giơ tay tóm gọn, kéo ngã thẳng kia lẩn kênh ngay dưới chân mình, thừa thế tôi hét lớn:

- Người anh em muốn chơi phải không, hãy cột cả bốn nhóc lại với nhau, tao chỉ cần một tay là bọn bay lật nhào. Không tin ư, cứ đợi đấy! Chúng mày biết tao là ai không, tao là phần tử chống phá cách mạng, kiên quyết chống phá cuộc cách mạng của chúng mày, vẫn chưa tin ư, nào, hãy thử sức, nhảy vào.

Bốn tiểu tướng thấy tay tôi cũng có thắt lưng da, động tác rất lão luyện mà thần sắc lại vô cùng hung dữ, nên lập tức co vùi, đồng thanh đọc kinh cầu hòa:

- Có ai đánh anh đâu, xin anh bớt giận, xin anh bình tĩnh, thật là sau ót anh mọc thêm con mắt. Thôi chúng ta đi tiếp, không đánh đấm gì nữa.

Tôi thực sự đau lòng vì “văn cách” đã luyện rèn, đã đào tạo nên lớp hậu thế non gan nhụt chí như thế, thua hiệp đầu là cụp đuôi luôn, mất vũ khí chỉ đứng nhìn không màng đoạt lại. Trong khi đối mặt cùng bọn chúng, tôi bất gặp ánh mắt sắc tựa dao của một nữ tiểu tướng, khoảng mười tám đôi mươi với khuôn trắng thanh tú và vóc người rực rỡ xuân thì. Hình như cô bé thu nhận được sóng điện có cùng tần số “thời thanh xuân” nơi tôi vừa phát ra nên phần nào rạo rức, rồi cúi đầu, bẽn lễn mân mê đuôi tóc tết dài xuống tận eo. Tôi quyết không tha cô bé “cừu non”, và cứ thế nhìn chăm chăm vào mắt, vào mặt “kẻ thù” mà phán, để phần nào giải thoát bớt sức “thanh xuân” đang vô cùng thừa thãi:

- Thôi được, ta đi việc ta - tôi hạ hỏa, xuống cấp “tao” thành “ta” - người anh em đi việc của mình và hãy nhớ ta đã từng một tay địch nổi tám quần chúng cách mạng. Sáng nay vội lên tàu, ta tha cho người anh em - nói đoạn tôi vút thắt lưng da trả bọn chúng và hét như ra lệnh - Đi!

Tôi leo lên tàu một cách thản nhiên như chẳng có chuyện gì xảy ra, chọn một chỗ bên cửa sổ và an tọa thở phào nhẹ nhõm, nhưng ngoảnh lại thì thấy bốn tiểu tướng kia chia ra bốn chỗ và cũng ngồi ngay phía sau tôi, chúng nó đi đâu nhỉ, tôi tự hỏi. Đợi cho hành khách ngồi kín chỗ trong toa, thậm chí có người còn trèo lên và nằm trên dàn hành lý thì bỗng bốn tiểu tướng cùng đồng thanh hô vang một tiếng “bắt đầu”, cô bé có bộ mặt đẹp gái đứng hẳn trên ghế, tay giơ cao cuốn sách đỏ, rồi cất giọng thánh thót:

- Thừa các đồng chí hành khách, xin mọi người chú ý, bây giờ chúng ta bắt đầu học lời Mao Chủ tịch - cô bé mở sách đỏ và đọc như một con vẹt - “Phàm là bọn phản động, anh chị không đánh nó thì nó không chịu thua đâu,

cũng như chúng ta quét nhà, chỗ nào chổi không quét tới thì bụi bặm rác rưởi vẫn cứ nằm im”. “Làm cách mạng không phải là mời tiệc, không phải là viết văn, không phải là vẽ tranh thêu hoa, không thể nhã nhặn, lịch sự, không thể ôn tồn, ung dung, không thể kính trên, nhường dưới... Cách mạng là bạo động, là giai cấp này lật đổ giai cấp kia một cách mạnh mẽ, quyết liệt”... Các đồng chí hành khách, các đồng chí có nhìn thấy thằng cha phản động, bất hảo này không? - Cô bé đứng sau tôi và dùng ngón tay trỏ trắng nõn, thon thả, búp măng dí lên đầu tôi mấy cái và nói tiếp. - Mọi người hãy nhìn bộ mặt nham hiểm của nó, nó là phần tử phản cách mạng hoạt động bí mật. Một mình nó đã đánh chết tám quần chúng cách mạng của chúng ta. Mấy ngày trước đây nó trốn về thủ đô hồng phá hoại “Đại cách mạng văn hóa” vĩ đại của chúng ta, may nhờ quần chúng cách mạng tóm được, nên nó chưa hành động gì cả. Hôm nay Hồng vệ binh tổng nó lên tàu, giải về địa phương trừng phạt. Tôi đề nghị các đồng chí hành khách hãy nâng cao tinh thần cảnh giác, hãy canh chừng nó. Đó là quyền lợi của chúng ta. Hãy lau cho sáng mắt mà nhìn nó, không cho nó kéo bè kết mảng, âm mưu chống phá cách mạng, các đồng chí nghe rõ chưa?

Cô bé có bộ mặt thanh tú giỏi thật, mới đó mà đã sáng tác được chuyện giật gân. Cô ta nói đi nói lại vài lần và trọng tâm không quên xoay vào tình tiết “đánh chết tám quần chúng cách mạng”. Khi cô bé mở sách đỏ đọc lời Mao Chủ tịch thì hơn 200 “đồng chí hành khách” trong toa xe cứ rào rào như ong vỡ tổ, chẳng ai buồn nghe, nhưng tới đoạn “đánh chết tám quần chúng cách mạng” thì bỗng im bật. Mọi người nhìn chăm chăm vào tôi để trông cho rõ bộ mặt hung thần của một tay phản động, rồi bàn tán xôn xao. Đám tiểu tướng đọc xong lời Mao Chủ tịch, vạch trần xong “tội ác” của tôi và liền hô khẩu hiệu “cách mạng tới cùng”, “Mao Chủ tịch muôn năm”, đoạn nhảy

xuống sân ga, để lại bốn chỗ trống, khiến các “đồng chí hành khách” tranh giành, chửi nhau chí chóe.

Đoàn tàu lăn bánh và tôi trở thành chủ đề để mọi người “nhàn cư” thảo luận, giết thời gian ngồi không lắc lư. Bọn nhóc nói bậy, một mình đánh chết tám quần chúng cách mạng, sao cách mạng không đem ra xử bắn mà lại cho phép nó ngang nhiên đi lại. Nói bậy thế nào, nhóc đeo băng đỏ, là Hồng vệ binh, là tiểu tướng cách mạng, là đại diện của lãnh tụ, có vu oan giá họa cho ai bao giờ. Ông chẳng thấy thằng cha phản động ngồi im thin thít. Tốt nhất hãy tránh xa nó ra, nhìn kìa, mặt sắt da chì, trông mới dễ sợ làm sao, nó mà khùng lên thì khối người nộp mạng. Hay là báo cáo nhân viên toa xe, trói nó lại, phòng ngừa tai họa đổ lên đầu các “đồng chí hành khách”. Bốn ông bà tiểu tướng cách mạng thật chẳng có tinh thần trách nhiệm chút nào, không chịu giải quyết đây?

Người đàn bà ngồi cạnh tôi nghe hãi quá bèn đổi chỗ cho tay đàn ông đồng hành, anh ta run cầm cập, tránh tới nửa bàn móng, dọc đường chẳng quay mặt nhìn thằng tôi. Tôi tức, tôi buồn và tôi cười một mình. Lũ nhóc thật nham hiểm. Chẳng rõ ai dạy chúng như vậy, đánh úp tôi không xong lại bày trò bôi nhọ, nói xấu. Vô lễ tôi đứng dậy thanh minh, “không, thưa các đồng chí hành khách, tôi là nhà thơ”. Nhà thơ còn quá hơn phản động! Tôi cũng không thể hô hoán bọn nhóc nói bậy, chúng mặc quân phục màu xanh lá cây, chúng đeo băng đỏ, đó là phù hiệu của một loại quyền lực đặc biệt, hiện đang chiếm ưu thế tuyệt đối trên chính trường và bản thân tôi lại thuộc loại phạm nhân lao động cải tạo vừa được phóng thích, nghĩa là đáng tội lắm rồi, còn định già mồm gì nữa. Tôi bỏ ngoài tai tất cả và nghĩ nhiều về mẹ, giờ này chắc bà đã biết con mình vừa rời khỏi Bắc Kinh.

Sau này mỗi bận trở lại thủ đô, tôi bất giác nhớ tới bọn nhóc. Thời ấy

chúng có mặt khắp nơi đầu đường xó chợ, cùng đám phụ nữ trinh sát tuần tra chân nhỏ và công an vây ráp bắt người. Giờ thì chúng đã lớn, cũng khoảng 40 tuổi cả rồi, đều trở thành lực lượng chủ công của xã hội. Chẳng rõ họ có cho rằng “xứng danh tuổi trẻ”, “không hổ thẹn với thanh xuân” và chẳng rõ họ có giống như tôi thường cảm nhận vầng dương “thời thanh xuân” là rực rỡ nhất. Những năm tháng cách mạng hồi đó rất có thể là thời kỳ đẹp đẽ nhất trong cuộc đời của họ, vừa đúng tuổi thanh xuân. Từ các trường trung học, họ được “Đại cách mạng văn hóa của giai cấp vô sản vĩ đại” kích lên, thổi bùng, rồi dương uy điều võ, rồi tác oai tác quái, học cách hại người bằng mưu chím, mưu nôi, học cách mặt chẳng biến sắc, lòng chẳng âu lo, đặt điều vu oan giá họa. Bản lĩnh cao cường nhất của họ là sử dụng những ngôn từ thời thượng để áp đảo, hăm hại nhân tâm. Xã hội chuyển sang thời kỳ mới, bọn chúng - lũ nhóc và đám đàn bà kia đành im hơi lặng tiếng. Có thật là bọn chúng đã tiêu tan trên thế giới này? Tôi thường suy ngẫm như vậy. Tất nhiên lúc bấy giờ tôi chưa nghĩ gì nhiều lắm, chỉ tiếc là đã gây bao phiền phức cho mẹ trong lần về thăm quê năm đó. Nhớ nhau từ xa đôi khi lại trở thành niềm an ủi, xấp mặt rồi lắm lúc quá bi thương. Tôi quyết tâm về tới nông trường sẽ xin cho được một căn nhà đất, rước mẹ lên nuôi vịt, nuôi gà. Tôi tin chắc rằng mẹ con tôi thực hiện được ước mơ nho nhỏ này.

Tuy bị bôi nhọ, sỉ nhục trước đám đông dân chúng, bị một cô bé dậy thì, hé nở “thời thanh xuân”, dùng ngón tay dí lên đầu làm cho điên đảo, nhưng suốt cả hành trình từ Bắc Kinh đến nông trường tôi không còn lo soát vé. Cũng may mà lúc bốn tiểu tướng nhảy khỏi tàu đã không quên vứt nó vào mặt tôi. Đó là những đồng tiền cắc bạc mẹ tôi phải chạy đôn chạy đáo cả năm ngày mới nộp đủ cho công an và tôi được thả tự do. Con tàu vẫn lắc lư lao về phía trước, càng lúc càng xa Bắc Kinh. Các “đồng chí hành khách”

không bàn cãi gì nữa về nhân vật phản động “một mình đánh chết tám quần chúng cách mạng”, nhưng thỉnh thoảng cứ xem chừng tôi động tĩnh ra sao. Tôi cố nhắm mắt thiếp đi cho đỡ mệt mà không tài nào ngủ được, bụng cồn cào dữ dội vì từ mờ sáng tới giờ chưa có lấy một giọt nước nào rót vào trong đó. Mọi người đua nhau mua cơm hộp, ăn ngon lành, trong khi tôi vẫn ngồi bất động, chẳng còn nước miếng nữa để mà nuốt cho khỏi thèm. Tôi nhớ mẹ, buổi chia tay không được một lời chào, tôi nghĩ đến cảnh bị đánh, bị làm nhục, bị nghi ngờ và bây giờ bị bỏ đói mà tự than, sao nổi khổ cứ dày vò tôi mãi, và còn dày vò tới tận lúc nào đây? Cứ cho là số phận thử thách khảo nghiệm ta thì ngần ấy chưa đủ, chưa là cực hạn hay sao? Đời định đúc rèn ta trở thành con người chân chính hay cố tình đùa giỡn, trêu ngươi, vò nát ta như một phế vật? Tôi muốn được là Chúa Giê-su trên cây thánh giá, ngẩng đầu nhìn trời, và kêu lên “Thượng đế, sao người nữ bỏ con”.

Tôi ngồi lì, mắt thao láo nhìn ra ngoài ô cửa. Mọi cảnh vật vội vã lướt qua, chẳng rõ thế giới này gấp gáp đi về đâu. Chỉ mỗi con tàu là có mục đích, còn tôi thì tiền đồ mù mịt. Tôi có cảm giác một ngoại lực nào đó đang rút khô thân thể, toàn bộ sinh mệnh đã tách lìa khỏi xác, còn lại thị giác là cả thế giới mà thôi. Nhưng thế giới bỗng tối sầm mặt xuống, tôi thấy mình qua phản chiếu từ tấm kính ô cửa, xấu xí làm sao. Tôi quay đầu lẩn tránh và biết rằng một ngày vừa qua, màn đêm đã phủ. Ngay lúc ấy có cái gì đó chạm vào chân tôi, hóa ra ngồi đối diện với tôi là người phụ nữ đôi mắt tròn xoe. Đôi mắt như biển hồ lai láng, quyến rũ tôi hãy nhảy xuống và chỗ sâu thẳm nhất của lòng hồ mới là nơi lánh nạn, an nghỉ tuyệt hảo cho tôi. Đặc trưng đôi mắt của chị là không thuộc thế giới này, nó sáng như mắt mẹ tôi, nhưng lại quan hoài, thân thiết theo một kiểu khác. Chị nháy mắt ra hiệu, cổ vũ tôi hãy ăn đi và cứ thế nhìn tôi ngấu nghiến nhai từng mẫu bánh, càng lúc chị càng vui,

càng lúc mắt chị càng sáng. Ánh mắt chị như bàn tay vuốt ve mân mê khiến cả đời tôi chưa hề có bữa ăn nào ngon lành, mãn nguyện đến thế. Sau này khắp thế gian tìm kiếm một bữa ăn tương tự nhưng chẳng bao giờ gặp, mới hay hạnh phúc chỉ đến một lần. Như vậy là đủ lắm rồi, nếu quá thừa thãi sẽ làm ta nhàm chán. Ăn xong chiếc bánh, tôi nhìn thấy chị cười, nụ cười vô cùng kỳ lạ khiến “thời thanh xuân” của tôi trỗi dậy. Tôi ăn bánh ngon lành, những động tác cắn nhai ngẫu nhiên khiến người đàn ông ngồi bên cạnh thể hiện tinh thần cảnh giác cách mạng. Ông ta nhìn tôi một cách trực diện, lộ rõ bộ mặt chuột chù, dò la, xét nét, nhưng vẫn sợ “phản tử phản động một lúc đánh chết tám quần chúng cách mạng”. Tôi lờm hẩn một cái để tự do quay sang nhìn chị, hàm ơn. Tôi xếp tờ giấy gói chiếc bánh phẳng phiu ngay ngắn, mân mê vuốt ve nó như với làn da người con gái. Chị xấu hổ cúi đầu, đợi tới lúc tôi thận trọng cất nó vào túi trên thì chị tươi cười và chỉ có tôi mới nhìn thấy chị nhẹ nhẹ nghiêng chào. Tôi bay lên, bay cao nhờ mẫu bánh của chị, nhờ nụ cười của chị. Tôi chửi bới thế giới này nhưng lại thiết tha ôm nó vào lòng, có lẽ là vừa có chị.

Chị xuống tàu trước tôi mấy ga và tôi nhớ mãi địa danh Ngũ Nguyên, nơi chị chia tay tôi bằng ánh mắt, nụ cười, rồi nhanh chóng mất hút giữa nhân sơn nhân hải. Ngũ Nguyên - sau này nhớ lại, gặp lại là trong tôi bỗng hiện lên hình ảnh chị, người đàn bà cứu sống tôi, đưa hồn tôi trở về với xác và mạnh mẽ hơn nữa, đã kích thích “thời thanh xuân” của tôi trỗi dậy, tự dưng ham muốn được “sinh hoạt” một lần. Tất cả những gì trên toa tàu đều là hư ảo, đều là tưởng tượng, chuyện “sinh hoạt” thực sự còn ở phía sau, đôi ba năm nữa, nhưng cũng chỉ được một nửa, thế mới thấm thương, tội nghiệp.

Tôi đã xin được một căn nhà, định bụng sẽ đưa mẹ tôi lên cùng sinh sống với nhau, nhưng cụ đột ngột qua đời. Tôi buồn chán, làm anh nông trường

viên độc thân mà thiên hạ chế giễu “trên giường chẳng có người đàn bà nào chờ đợi”. Về mặt chính trị, quần chúng cách mạng đã xem tôi như người bình thường, nhưng xếp tôi vào lực lượng lao động đặc biệt, sống giản dị, làm giản dị, làm việc giỏi, tôn trọng kỷ luật và không bị phụ nữ quấy rầy, giao nhiệm vụ gì, hoàn thành nhiệm vụ đó, vì vậy mà nhanh chóng trở thành công cụ công cộng của mọi người. Tổ trưởng sản xuất của tôi là một quân nhân phục viên, tôi chưa hề thấy anh ta vác cuốc xẻo lên vai, chỉ kéo lê thê trên mặt đường, đi đến đâu là kêu “leng keng” tới đó. Bốn mùa xuân hạ thu đông chẳng bao giờ anh tổ trưởng của tôi cài khuy áo, cứ phanh ra như đôi cánh bay bay, vì thế dân nông trường đặt cho biệt hiệu “Chim sẻ”. “Chim sẻ” thích dùng ngôn ngữ chính trị để nói đùa, kể chuyện tiểu lâm, được cái đối đãi với mọi người rất trực tính, không vòng vo, ngụy tạo. Một hôm “Chim sẻ” bảo tôi, mình muốn đưa bà xã về làm việc chung một nhóm với cậu. Tôi hỏi vì sao, “Chim sẻ” chẳng hề giấu giếm mà rằng, để cậu làm bớt việc cho bà xã, tôi chửi thề, chỉ giỏi lợi dụng. “Chim sẻ” cười khì: - "Làm quan có quyền, không sử dụng thì quyền sẽ trở thành phế liệu. Tớ tuy là quan bé, nhưng vẫn có cái quyền nắm trong tay một công cụ như cậu".

Quả nhiên ít lâu sau, “Chim sẻ” ton hót với ông đội trưởng như thế nào đó mà ông ta điều động vợ “Chim sẻ” đến làm việc cùng một nhóm với tôi. Ngày ra đồng đầu tiên, “Chim sẻ” tuyên bố kể từ hôm nay vợ anh và tôi sẽ kết thành đôi “một giúp một”. Thời ấy đang thịnh hành những cách nói “đôi hồng một giúp một”, “triển khai tốt hoạt động trao đổi tâm tình”, “phải đấu tranh với tư hữu và chống chủ nghĩa xét lại”, cho lên “Chim sẻ” thuận mồm:

- Và nhân thể giám sát luôn “Lão hữu” - vừa dứt lời “Chim sẻ” vội vàng thanh minh - nói đùa cho vui, mong “Lão hữu” đừng để bụng, nào tất cả hãy bắt đầu làm việc.

Vợ “Chim sẻ” ngồi trên bờ ruộng nhoẻn miệng cười, mắng chồng “rõ vớ vẩn” rồi quay lại nhìn tôi. Chị chàng chưa tới 30, khuôn mặt đoan chính, đôi mắt to và sắc, khiến tôi nhớ tới người đàn bà cùng một toa tàu dạo ấy. Sau này mới biết chị cũng là người vùng Ngũ Nguyên, sinh ra ở cái nơi có tên gọi khá đặc biệt “Bạch Ngạn Hoa”. Chị còn kể cho tôi nghe, quê chị có nhiều gái đẹp “khuôn mặt bầu bầu, lông mày cong cong, lưng ong thắt thắt, cái bụng bằng bằng, bộ ngực ưỡn ưỡn, cặp mông vênh vênh”, nói tới bộ phận nào chị vuốt nhẹ lên bộ phận đó trên thân mình để minh họa một cách rất sinh động và hấp dẫn. Chị hoàn toàn phù hợp với các tiêu chuẩn nêu trên, nhất là ba khoản “thắt thắt, ưỡn ưỡn, vênh vênh”, sao mà giống như ba vòng đo tuyệt mỹ nơi hoa hậu ngày nay vậy. Tôi đã sang tận Paris ngắm nhìn bao người mẫu, nhiều cô đâu có “thắt, ưỡn, vênh” như chị.

Cùng chung đôi “một giúp một” với chị, tôi mệt nhoài. Người ta khoán cho mỗi đôi đào 40 thước nương, một mình tôi còng lưng làm tất, chị chỉ đứng trên bờ lấy xẻng đập đập sửa sửa, rồi chống cuốc ngó đông, ngó tây, luôn mồm hỏi “mấy giờ rồi Lão hữu?”. Nhưng hễ nghe còi báo hiệu giải lao thì chị như chết đi sống lại và nằm dài ê a vài khúc “nhị nhân đài”, dân ca Ngũ Nguyên, mà ca từ tôi chẳng hiểu gì cả. Lần nọ tôi khen chị hát hay và hỏi ý nghĩa của lời ca, chị nói, chỉ để giải sầu, nghĩ sao hát vậy, theo làn điệu mà biên soạn ca từ chứ có ý tứ gì đâu. Tôi đồng ý làm hết việc cho cả đôi, còn chị có nhiệm vụ hát “nhị nhân đài”. Chị hào hứng: Thế thì tôi sẽ “giải sầu” ngay cho “Lão hữu”. Thế là chị ta cười và cất giọng:

Anh ơi làm cho giỏi,

Để em đứng nhìn anh,

Anh mà có buồn tình,

Sẵn em đây anh cứ.

Vút hết cuốc hết xẻng,

Nhảy lên bờ với em.

Một tấm thân trắng ngần,

Anh thích đâu dòm đó.

Chị vừa hát vừa cười, tôi lắc đầu đáp lại: Chị khéo quá chị ơi, cứ đứng trên ấy mà nhìn, còn tôi chẳng dám nhảy lên dòm ngó gì hết. Chị cười như nắc nẻ và tiếp tục hát “giải sầu” cho tôi:

Tội gì mà không cười,

Tội gì mà không dòm,

Chỉ một tý xíu thôi,

Sao anh lại ngốc thế?

Chị có ba mặt con với “Chim sẻ”, công việc gia đình bao nhiêu thứ linh tinh níu chân níu tay chị, vì vậy sáng nào chị cũng đi làm trễ. Tôi đã hoàn thành được hơn nửa phần khoán cho cả đôi thì mới thấy bóng dáng chị. Được cái lúc ấy chị tỏ ra nhận lỗi đến chậm nên đã khiến tôi mát lòng mát dạ đúng như lời chị ca “anh ơi làm cho giỏi, để em đứng nhìn anh”. Tình thực thì chị là quần chúng cách mạng, còn tôi vẫn hữu phái chưa cỡi mũ, về cấp bậc chị trên, tôi dưới, đi trễ thế, chứ còn trễ nữa tôi cũng không có quyền xét nét. Nhưng hôm ấy đôi chúng tôi được phân công dọn phân chuồng ngựa, mặt trời lên đến đỉnh đầu, công việc lại bề bộn chưa làm được bao nhiêu thì chị chàng mới vác xẻng dẫn xác tới. Tôi thực sự tức giận, càu nhàu: Chị nghỉ luôn hôm nay đi. Chị nhoẻn miệng cười, vút lên tấm lưng trần của tôi mà rằng:

- Lão hữu thông cảm cho em, ngày nào cũng vậy, “Chim sẻ” đều đòi “ấy” một cái vào buổi sáng thì mới dậy nổi, Lão hữu đang độc thân chưa biết, nếu

có vợ thì cũng thế thôi. - Tôi đang nóng như lửa bỏng xẹp ngay, cười xòa, khen cho chị giỏi đối đáp và khéo vận dụng ngôn ngữ, trơn tru, rõ ràng. Tôi học cách nói dân dã của chị và hỏi lại:

- “Chim sẻ” đòi “ấy” chị, nhưng chị không cho hẳn “ấy”, thì vẫn được chứ sao, lao động sản xuất để có công điểm và chuyện lăng nhăng ấy, cái nào quan trọng hơn?

- Thế là Lão hữu thực sự đã “hữu phái” cả trăm phần trăm rồi, không hiểu gì bên “phía tả” chúng em. Làm thân con gái đàn bà, phải phục vụ đàn ông mọi lúc mọi nơi, cho chồng và cho cả thủ trưởng... nữa cơ, Lão hữu ạ.

Bài giảng của chị khiến tôi lập tức nhớ tới ví dụ thực tế ở nông trường cải tạo, chẳng trách mà cô vợ “Kẻ hai mặt” chẳng xấu hổ, giữa thanh thiên bạch nhật, lại có người khác chứng kiến mà vẫn ngang nhiên ngẩng mình lên bao gai thô tháp, sẵn sàng cho chồng “sinh hoạt”.

- Mà cũng không thể chỉ trách mỗi “Chim sẻ”, - chị chàng bổ sung - đêm ngủ đầy giấc, sáng ra nhiều lúc em thấy thích thích, nên đã chọc “Chim sẻ” “ấy” mình một cái. Kềnh đánh, vác cuốc đi làm, tươi tỉnh hẳn lên, những hôm đó lao động rất năng suất, kết quả công điểm lại cao. Chuyện lăng nhăng mà Lão hữu phê bình em đôi khi quan trọng đáo ể. Nghe chị ta kể, tôi cười hết cỡ, suýt nữa ngã xuống đồng phân ngựa. Lão hữu tôi phục bà chị lắm lắm! Phục em cái nỗi gì? Chân thành.

- Chân thành khai báo vì sao đi làm trễ, vì còn bận “phục vụ” “Chim sẻ” ca sáng ư?- Bỗng chị hạ giọng. - Mà sao Lão hữu cứ độc thân mãi, không tìm lấy cô gái nào đó như em chẳng hạn, chung sống với nhau có phải hay hơn không...

Tóm lại bất kỳ chuyện gì đã qua cách diễn đạt của chị đều dính dáng đến đề tài “tính dục”, ngôn ngữ trực diện hơn, chọc thẳng hơn so với thời trước

“văn cách” khiến tôi những ngày nghỉ nằm một mình, bỗng dừng dừng nhớ tới chị, nhớ những câu chuyện chị kể “sinh hoạt” với “Chim sẻ” như thế nào và trong người cảm thấy nóng nong.

Mùa tiểu mạch chín rộ, chín rất nhanh, gặt không kịp, phơi phóng cũng khó khăn, ông đội trưởng phân công tôi, chị và một số người nữa làm cái việc rê hạt. Mỗi người cầm một thúng tiểu mạch, đứng đầu gió, giơ cao lên và đổ xuống từ từ, những cọng rơm, hạt lép, rác rưởi vì nhẹ nên bay xa hơn, hạt nào chắc, nặng ùn lại một đống, xem như “quạt sạch” đưa vào nhập kho. Đây là công việc tuy nhẹ nhàng, nhưng đòi hỏi kỹ thuật và nhất thiết phải tranh giành với gió. Những khi lặng gió thì tha hồ nằm dài giữa sân phơi, ngủ hay tán gẫu, nhưng không được chuồn khỏi vị trí công tác. Tôi và chị cùng tựa vào đống rơm chờ gió, trời xui đất khiến thế nào mà tôi đã liếc mắt nhìn trộm “bộ ngực ưỡn ưỡn” của chị, chị giả vờ không chú ý và càng trễ tràng hơn như muốn dâng hiến. Chị âu yếm hỏi:

- Lão hữu chưa từng lấy vợ hay sao?
- Hoàn cảnh không cho phép vì tù tội liên miên.
- Thế bây giờ Lão hữu có thích phụ nữ hay không?
- Lúc thích, lúc không.
- Em hỏi thật Lão hữu nhé, không kết hôn nhưng đã có lúc nào Lão hữu chạm vào phụ nữ hay chưa?
- Cũng không luôn.

Chị cười rũ rượi, đoạn lấy một cọng tre vẽ nguệch ngoạc xuống đất, vẫy tôi lại xem và hỏi:

- Đã chạm vào cái này chưa?

Tôi nheo mắt nhìn ngang nhìn dọc mà đoán không ra là cái gì, nó vừa

giống quả đào chín mọng, lại giống con mắt nhắm nghiền, và càng như chữ “nhất” toe ra hai cánh, cuối cùng đành nói đại:

- Mắt con trâu mù thì chạm vào làm gì? - Thế là chị bò ra ôm bụng mà cười, cười tới mức bộ ngực ưỡn ưỡn rung rung, cười trào nước mắt - Anh ơi là anh, thế là còn trinh nguyên, thế là chưa biết gì cả, tội nghiệp quá Lão hữu ơi!

Tôi chẳng biết sự thế ra sao, thấy chị cười, cứ thế cười theo, mãi sau này lúc về già mới nghiệm thấy “thời thanh xuân” thật là đáng quý, mới cảm thụ được bức thư tình chị trao, “một quả đào chín mọng, một con mắt nhắm nghiền, một chữ nhất toe ra hai cánh” không phải, nó chỉ giống như thế, chứ không là như thế, mà vô cùng quý báu, có thương nhau, có yêu nhau mới đem ra dâng hiến. Ôi một bức thư tình độc nhất vô nhị, cổ kim đông tây tìm không thấy, người nhận nó phải khắc cốt ghi xương cho tới lúc qua đời.

- Lão hữu ơi, em lại hỏi thật anh, anh có muốn “ấy” phụ nữ hay không? - Tôi trả lời:

- Phòng có ích gì, vừa mệt lại vừa nguy hiểm, chi bằng nằm đọc sách còn thú vị hơn, vả lại bây giờ có người đàn bà nào chờ tôi đâu mà nói tới chuyện “ấy” hay không “ấy”.

Tôi bỗng thấy mặt chị biến sắc, tất cả những gì nghịch ngợm, chọc đùa, thô lỗ đều biến mất, chỉ còn lại một vẻ yêu kiều, âu yếm, cảm thông, pha chút thương hại, chị nói trong hơi thở gấp gáp lạ thường:

- Lão hữu ơi, anh có muốn không, để cho hiểu mùi đời thì em xin được lấy thân mình dâng hiến, anh sẽ được chạm vào cái mà em vừa vẽ kia kìa, kẻo tội nghiệp quá...

Tôi cứ nghĩ chị ta nói đùa như mọi ngày cho đỡ mệt, bèn trả lời:

- Cám ơn em đã có tấm lòng quý báu, nhưng anh chưa đủ gan dạ để mà

tận hưởng, “Chim sẻ” biết được thì chẳng phải chuyện chơi. - Chị cười và e thẹn nói:

- Không hề gì, ngày mai “Chim sẻ” đi thành phố mua thuốc trừ sâu, tối không về, đêm mai anh trốn đến với em, em để cửa và nằm chờ anh đó - chị cúi mặt xấu hổ, và càng cuối câu càng nhỏ lại cho tới im bật.

Ngày thứ hai “đôi hồng” chúng tôi lại gặp nhau trên sân phơi thóc, nhưng không như mọi lần nói năng thoải mái, cả hai cứ lăm lét trộm nhìn. Hai chúng tôi im lặng làm việc cật lực một ngày và quả nhiên lúc sắp tan tầm thu quân thì thấy “Chim sẻ” oai phong ngồi trên máy kéo dẫn đoàn người đi thành phố công tác. Chị nói không sai chút nào, đêm nay “Chim sẻ” vắng nhà và Lão hữu ời, sẽ có một người phụ nữ đợi anh. Chị đưa mắt nhìn tôi như có ý cổ vũ, động viên, tôi gật đầu và nhìn lên ngực chị, bỗng thấy trong người “thời thanh xuân” trỗi dậy. Tôi chờ cho trăng lên, chờ cho xóm làng yên ắng và đúng như thằng ăn trộm lò dò đến nhà “Chim sẻ”, đưa tay gõ nhẹ, mới cái thứ nhất thì cánh cửa đã “kẹt” một tiếng và mở toang, chị liền mắng tôi:

- Đi “ấy” vợ người ta mà còn lịch sự gõ cửa, lấy cái xẻng chống chặt, rồi mau lại đây.

Chị nằm chung với ba đứa con trên cái “khang” đất, một loại giường phổ biến của dân phương Bắc, phía dưới đốt củi sưởi ấm, rộng gần cả gian nhà, ban ngày làm bàn ăn, bàn tiếp khách, ban đêm lau sạch trải chăn và lăn ra ngủ. Chị kéo tôi vào vị trí “Chim sẻ” vẫn ngự mỗi ngày. Trên người chị không còn một mụn vải, hình như chị đã khóa thân như thế chờ tôi. Chị giục tôi vào chăn cho ấm, tôi ngoan ngoãn làm theo và mới hay “thanh xuân” bất diệt, những gì ươn ươn, bằng bằng, thắt thắt, vênh vênh giờ đây nhờ xúc giác mà sung sướng đến mê hồn. Khi gần tới cao trào, có thể do tôi mạnh mẽ quá

nên tấm chăn động đây làm cho đứa nhỏ nhất nằm cạnh chị mớ ngủ, khóc thét, kêu cha. Chị bình tĩnh, một tay ôm lấy lưng tôi vuốt ve kích thích giữ đà, còn tay kia vỗ nhẹ vào mông thẳng bé và cất cao lời ru xanh rờn:

À ời, con ời con ngủ cho muồi,

Để mẹ với chú đang còn... chung vui...

Kết quả là thằng bé ngủ tiếp, còn tôi không nhịn được cười đã ha ha thành tiếng, chắc lũ nhỏ tưởng cha chúng nó thật, chứ không phải tên ăn trộm, đang ăn trộm một thứ quý giá nhất của mẹ chúng. Nhưng kỳ lạ thay sau tiếng cười tôi bỗng mềm như bún, cố gắng mấy cũng không khôi phục nổi, và trong người cảm thấy khó chịu vô cùng. Biết thế này đừng “sinh hoạt” mà lại hay.

Tôi tụt xuống, lóp ngóp bò dậy ngồi thừ ở đầu “khang”, một lát sau chị cũng dậy, hai tay ôm chặt cả người tôi, sao mà giống cái hồi lên sáu đến thế. Trong màn đen như mực, một người thiếu nữ đã bao bọc cả đời tôi, khiến tôi “thanh xuân”. Có khác chăng là giờ đây “bộ ngực ưỡn ưỡn” trần trợn đang áp sát lưng tôi và “khuôn mặt bầu bầu” dán chặt nơi cổ tôi. Chị thở thê: Đừng buồn nghe anh. Rõ khi, ước gì thời gian quay ngược, tôi xin được giảm đi mười tuổi thọ để cảm thụ lần nữa cái lần “thanh xuân” oái oăm đó. Tôi sẽ xác tín, chứng minh một điều bí ẩn nơi chị, và biết đâu nhờ đấy mà đạt tới “thanh xuân” tốt cùng.

Tôi vội vàng mặc lại quần áo và vội vàng chia tay với chị. Chị vẫn cứ ôm chặt lấy tôi, rồi nói một câu và với tôi nó như là ngạn ngữ, nhớ tới nó tôi không bao giờ chịu thua, nhụt chí, nửa chừng. Cám ơn chị, người thiếu phụ Bạch Ngạn Hoa, chị như sinh vật ngoài hành tinh đến với tôi giữa lúc “thanh xuân” muộn màng, thui chột và biến tướng, nhưng lại giúp tôi sang trang, mở ra một “thời thanh xuân” khác. “Anh ời, sau này đừng có bao giờ khiếp sợ trước mỗi lần vào cuộc”, cô gái Bạch Ngạn Hoa thay đổi hình dạng, lời em

nói cứ như các nhà hiền triết. Không, em vẫn thế và tôi vẫn kêu: Bạch Ngạn Hoa, Bạch Ngạn Hoa.

Trương Hiền Lượng